

Số: 7766/BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2024

## **BÁO CÁO**

**Đánh giá tác động chính sách của đề nghị xây dựng**

**Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư,  
Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu**

### **I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

#### **1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

##### **1.1. Bối cảnh chính trị, pháp lý**

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách về xây dựng, hoàn thiện pháp luật nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội, cụ thể như sau:

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030: “*Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước*”.

- Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đề ra nhiệm vụ: “*Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật không còn phù hợp, trùng chéo, hoặc chưa đầy đủ, nhất là về đầu tư, kinh doanh, đất đai, quy hoạch, ngân sách, tài sản công, thuế... theo hướng vướng mắc ở cấp nào thì cấp đó chủ động tích cực sửa đổi, hoàn thiện; ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù để giải quyết những vấn đề tồn đọng, phức tạp; trường hợp cần thiết ban hành một luật sửa nhiều luật hoặc nghị quyết thí điểm đối với những bất cập khi chưa sửa luật, những vấn đề mới phát sinh chưa được quy định trong luật hoặc đã có nhưng không còn phù hợp với thực tiễn*”.

- Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đã xác định mục tiêu hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, tạo lập khung khổ pháp lý để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025 trong đó lưu ý: “*những vấn đề cấp bách, đã chín, đã rõ, được thực tiễn chứng minh, có sự thống nhất cao thì mới xây dựng, ban hành luật, những vấn đề tuy cấp bách, cần*

*thiết, nhưng là vấn đề mới, chưa đạt đồng thuận cao thì có thể quy định thực hiện thí điểm. Trước mắt, chưa triển khai xây dựng những dự án luật có nội dung phức tạp, còn nhiều ý kiến khác nhau, cần có thêm thời gian nghiên cứu kỹ lưỡng, thận trọng”; “chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế; lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm; tăng cường giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước; thúc đẩy đổi mới sáng tạo”.*

- Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 đã xác định mục tiêu hoàn thiện thể chế, chính sách hợp tác đầu tư nước ngoài có tính cạnh tranh cao, hội nhập quốc tế; đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, bảo vệ môi trường, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế...

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030 đã xác định Nhà nước thực hiện tốt chức năng xây dựng và quản lý thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách, phân bổ nguồn lực phát triển theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã yêu cầu có phương án giải quyết dứt điểm tồn tại kéo dài đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, dự án sử dụng vốn ODA, dự án BOT, BT hiệu quả thấp, gây thất thoát, lãng phí lớn.

- Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 và Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 về kỳ họp thứ 5 và thứ 6 Quốc hội khóa XV đã quyết nghị về việc rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, trọng tâm là pháp luật về đấu thầu, quy hoạch, đầu tư công, hợp tác công tư, đầu tư...; nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các luật, pháp lệnh có liên quan.

- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch đã giao Chính phủ tổng kết, đánh giá toàn diện việc thực hiện Luật Quy hoạch để khẩn trương trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch và các luật có liên quan đến quy hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về công tác quy hoạch, bảo đảm đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương rà soát, tổng hợp, phân loại và xây dựng kế hoạch, lộ trình để có phương án xử lý khó khăn, vướng mắc đã tồn tại nhiều năm, đặc biệt là các dự án quan

trọng quốc gia, các dự án trọng điểm, dự án sử dụng vốn ODA không hiệu quả, chậm tiến độ; dự án BT chuyển tiếp.

- Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô đã quyết nghị về việc “các bộ, cơ quan khẩn trương xử lý theo thẩm quyền các vướng mắc, bất cập trong các quy định pháp luật đã được chỉ ra tại các Báo cáo của Chính phủ về rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thực hiện nghị quyết số 101/2023/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15 của Quốc hội Khóa XV, đồng thời tiếp tục tổng hợp, rà soát các vướng mắc, bất cập phát sinh (nếu có); đề xuất Chính phủ báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV xem xét, ban hành văn bản phù hợp, hiệu quả để xử lý ngay các bất cập, vướng mắc pháp lý phát sinh trong thực tiễn, cản trở sự phát triển”.

- Tại Thông báo số 386/TB-VPCP ngày 16/8/2024 thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Phiên họp thứ hai của Ban chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đã “*Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan khẩn trương nghiên cứu xây dựng Dự án luật sửa đổi, bổ sung các luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư... theo trình tự, thủ tục rút gọn (nếu đã chuẩn bị kỹ thì trình Quốc hội hóa XV xem xét, thông qua trong 01 kỳ họp), tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 10 năm 2024).*

## **1.2. Những yêu cầu thực tiễn phát sinh**

### **1.2.1. Liên quan đến Luật Quy hoạch**

Việc ban hành Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tạo đột phá trong việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường và là cơ sở pháp lý để thực hiện thống nhất, đồng bộ các loại quy hoạch phát triển trên phạm vi cả nước, nâng cao chất lượng và nội dung của quy hoạch, tránh chồng chéo, lãng phí và dàn trải trong sử dụng các nguồn tài nguyên và nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, quá trình tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch trong thực tiễn đã có một số vướng mắc, khó khăn cần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, gồm: (i) hệ thống quy hoạch quốc gia và mối quan hệ giữa các loại quy hoạch; (ii) nhiệm vụ lập quy hoạch; nội dung quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch và trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch; (iii) kinh phí cho hoạt động quy hoạch; (iv) Về chế độ báo cáo.

### **1.2.2. Liên quan đến Luật Đầu tư**

Việc ban hành Luật Đầu tư năm 2020 đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả thu hút nguồn lực đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, địa bàn trên cơ sở bảo đảm an ninh, quốc phòng, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường; hoàn thiện các quy

định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh, đồng thời cắt giảm một số ngành, nghề không cần thiết, bất hợp lý nhằm tiếp tục bảo đảm thực hiện đầy đủ, nhất quán quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp trong những ngành, nghề mà Luật không cấm hoặc quy định phải có điều kiện; hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý giữa các cơ quan trung ương và cơ quan địa phương trên cơ sở đảm bảo hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh.

Tuy nhiên, quá trình tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư trong thực tiễn đã có một số vướng mắc, khó khăn cần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm tinh thần cải cách hành chính và tăng cường phân cấp, phân quyền, một số nội dung cần đưa ra gồm: (i) *thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; dự án thuộc phạm vi bảo vệ của di tích; (ii) về việc thẩm định sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị; (iii) về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.*

Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng, hiệu quả thu hút nguồn lực đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, cần có một số cơ chế, chính sách mới: (i) *về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ đầu tư; (ii) về việc thực hiện thủ tục đầu tư đặc biệt.*

### **1.2.3. Liên quan đến Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư**

Trong hơn 03 năm thực hiện Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP), có 31 dự án mới đang được triển khai thực hiện và 11 dự án đang chuẩn bị đầu tư theo phương thức PPP. Những dự án này đều là các dự án trọng điểm, quy mô lớn của quốc gia, địa phương với tổng mức đầu tư khoảng 380.000 tỷ đồng, nhu cầu sử dụng khoảng 190.000 tỷ vốn nhà nước. Các dự án PPP mới triển khai theo quy định của Luật PPP dự kiến sẽ hình thành khoảng 1000 km đường cao tốc, 02 cảng hàng không quốc tế tiêu chuẩn cấp 4C, 03 công trình xử lý chất thải rắn cấp đặc biệt, 03 nhà máy cung cấp nước sạch, góp phần mở rộng, nâng cấp các công trình kết cấu hạ tầng giao thông, kinh tế - xã hội của các địa phương.

Bên cạnh các kết quả đạt được, việc thực hiện các dự án theo quy định của Luật PPP còn tồn tại một số hạn chế, bất cập cần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, gồm: (i) *lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư; (ii) quy mô vốn đầu tư tối thiểu để thực hiện dự án PPP; (iii) về loại hợp đồng BT; (iv) về việc áp dụng hợp đồng BOT đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình hiện hữu; (v) về tỷ lệ vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP; (vi) về nguồn vốn thanh toán trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn; (vii) về nguồn vốn thanh toán trong trường hợp chia sẻ giảm doanh thu; (viii) về việc thực hiện đối với dự án thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan có thẩm quyền; (ix) về thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ; (x) về việc thực hiện các thủ tục trong quá trình chuẩn bị dự*

án, lựa chọn nhà đầu tư; (xi) về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng O&M; (xii) về thanh toán, quyết toán phần lãi vay sau giai đoạn xây dựng đối với các dự án BT thanh toán bằng tiền; (xiii) về việc áp dụng Luật PPP đối với dự án đã ký kết hợp đồng trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành; (xiv) về việc thanh toán cho nhà đầu tư trong trường hợp hợp đồng BT đã được ký kết nhưng có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký hợp đồng.

#### **1.2.4. Liên quan đến Luật Đấu thầu**

Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 5 đã tạo dựng khung pháp lý thống nhất, đồng bộ, góp phần tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

Tuy nhiên, trong hơn một năm kể từ ngày được Quốc hội thông qua và thực tiễn 8 tháng thi hành Luật Đấu thầu năm 2023 cho thấy, quy trình, thủ tục đấu thầu theo quy định của Luật này mặc dù đã được cải cách mạnh mẽ nhưng vẫn cần tiếp tục xem xét sửa đổi theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và đơn giản hóa hơn nữa nhằm đáp ứng các yêu cầu phát sinh trong thực tiễn, gồm: (i) về một số hoạt động đấu thầu được thực hiện trước khi dự án, điều ước quốc tế được phê duyệt, ký kết (đấu thầu trước); (ii) về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt; (iii) về việc áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế, đấu thầu trong nước; (iv) về mua thuốc để bán lẻ tại các nhà thuốc bệnh viện công lập; (v) về lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập đã trúng thầu; tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư; phương thức đấu thầu một giai đoạn hai túi hồ sơ; thời gian trong lựa chọn nhà thầu; (vi) về việc áp dụng chỉ định thầu, căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

### **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

#### **2.1. Mục tiêu chung**

Hoàn thiện thể chế nhằm giải quyết các khó khăn, vướng mắc cấp thiết trong thực tiễn triển khai liên quan đến công tác quy hoạch, thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, đầu tư theo theo phương thức đối tác công tư và hoạt động đấu thầu. Đồng thời, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.

#### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

Một là, hoàn thiện các quy định về hệ thống quy hoạch quốc gia, mối quan hệ giữa các loại quy hoạch và kinh phí cho hoạt động quy hoạch để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của pháp luật về quy hoạch; hoàn thiện quy định về nội dung; kế hoạch thực hiện và điều chỉnh quy hoạch bảo đảm đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương.

Hai là, tiếp tục tăng cường phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án xây dựng và kinh doanh kết

cầu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất; dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở xuống thuộc cảng biển đặc biệt; xử lý một số vướng mắc phát sinh từ thực tiễn liên quan đến thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với quy hoạch đô thị và chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư

*Ba là*, mở rộng, đa dạng hóa lĩnh vực, hình thức, phương thức thực hiện dự án PPP; hoàn thiện cơ chế tài chính đối với dự án PPP nhằm tối đa hóa nguồn lực từ khu vực tư nhân, bảo đảm phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công; đơn giản hóa thủ tục, đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước đối với dự án PPP, tạo thuận lợi cho công tác chuẩn bị đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

*Bốn là*, xử lý dứt điểm những khó khăn, vướng mắc đối với các dự án BOT, BT chuyên tiếp; xử lý một số vướng mắc phát sinh từ thực tiễn liên quan đến quy trình, thủ tục thực hiện hoạt động đấu thầu và tăng cường phân cấp trong việc quyết định các nội dung về đấu thầu.

## II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC CHÍNH SÁCH

**1. Chính sách 1. Hoàn thiện các quy định về hệ thống quy hoạch quốc gia, mối quan hệ giữa các loại quy hoạch; kinh phí cho hoạt động quy hoạch; hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch; thống nhất các khái niệm, thuật ngữ với quy định của pháp luật chuyên ngành để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của pháp luật về quy hoạch**

***1.1. Hoàn thiện các quy định về hệ thống quy hoạch quốc gia và mối quan hệ giữa các loại quy hoạch***

a) Xác định vấn đề bất cập

- *Pháp luật hiện hành có những quy định chưa hợp lý về vị trí, vai trò của quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn:*

Việc xác định quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia theo quy định tại Điều 5 Luật Quy hoạch là chưa thực sự phù hợp, do quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia nhưng lại có tính chất như quy hoạch kỹ thuật, chuyên ngành (*phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh*). Do chưa xác định đúng tính chất của quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn nên dẫn đến khó xác định mối quan hệ giữa quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn với các loại quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác, đồng thời dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau về kinh phí cho quy hoạch này (*là quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia nên được sử dụng nguồn kinh phí đầu tư công theo quy định tại Điều 9 Luật Quy hoạch hay sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên do việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn theo pháp luật chuyên ngành theo quy định tại Điều 28 Luật Quy hoạch*).

- *Việc quy định quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được lập,*

*thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh theo quy định của pháp luật có liên quan dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng pháp luật một cách thống nhất:*

- Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành không thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia tại Điều 5 nhưng được định nghĩa tại Điều 3 và liệt kê danh mục tại Phụ lục II dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau, gây khó khăn, vướng mắc trong việc lập và thực hiện quy hoạch.

- Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh nhưng Điều 6 Luật Quy hoạch không quy định mối quan hệ giữa quy hoạch này với từng cấp, loại quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia dẫn đến nhiều cách hiểu về vai trò, vị trí của loại quy hoạch này cũng như tính thống nhất, đồng bộ và liên kết của hệ thống quy hoạch.

Như vậy, các quy định nêu trên chưa bảo đảm tính thứ bậc, tính hệ thống, chưa xác định rõ mối quan hệ giữa quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh..., dẫn đến nhiều vướng mắc trong việc lập và thực hiện quy hoạch, làm giảm hiệu quả của công tác quy hoạch.

- Quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia theo quy định tại Điều 5 nhưng lại có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành do cụ thể hóa quy hoạch tỉnh (theo quy định khoản 9 Điều 3) và được lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành (theo quy định tại Điều 28). Quy định này dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng pháp luật, xác định vai trò của quy hoạch nông thôn và kinh phí cho loại quy hoạch này. Nội dung này cũng đang được đề xuất sửa đổi tại Dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn đã trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7, dự kiến thông qua tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10 năm 2024).

- Điều 20 quy định một trong các căn cứ lập quy hoạch là quy hoạch cao hơn. Tuy nhiên, trong quá trình lập các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, nhiều quy hoạch lần đầu tiên được lập; đồng thời, quy hoạch cấp dưới lại phải phù hợp với quy hoạch cấp trên dẫn đến thời gian đầu lập quy hoạch còn có cách hiểu khác nhau về việc quy hoạch cấp dưới phải chờ các quy hoạch cấp trên được phê duyệt hết mới có đủ căn cứ để lập, từ đó có thể dẫn tới việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tỉnh bị chậm do phải chờ quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch vùng được lập xong. Để khắc phục vướng mắc trên, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 giải thích khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 20 Luật Quy hoạch và các quy định này cũng đã được kế thừa tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15.

Do đó, việc sửa đổi Điều 5, Điều 6 và Điều 20 là cần thiết để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống quy hoạch; xác định rõ mối quan hệ giữa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch có tính chất



kỹ thuật, chuyên ngành; căn cứ để lập quy hoạch; kế thừa quy định tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14; Nghị quyết số 61/2022/QH15 và thống nhất với Dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn đã trình Quốc hội.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Hoàn thiện quy định về hệ thống quy hoạch quốc gia và mối quan hệ giữa các loại quy hoạch, bảo đảm tính thống nhất, liên thông, thứ bậc; qua đó nâng cao hiệu quả, hiệu lực của công tác quy hoạch; không làm thay đổi phạm vi điều chỉnh của Luật Quy hoạch và các quy định pháp luật liên quan đến quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành tại pháp luật có liên quan.

- Quy định cụ thể chi phí cho hoạt động quy hoạch trong hệ thống quy hoạch quốc gia bao gồm quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn lực các tổ chức, cá nhân hỗ trợ cho hoạt động quy hoạch bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch theo chỉ đạo của Quốc hội tại Nghị quyết số 61/2022/QH15.

- Hoàn thiện các quy định về nội dung quy hoạch tỉnh, bảo đảm thống nhất các khái niệm, thuật ngữ được quy định tại pháp luật chuyên ngành đang có hiệu lực hoặc đã trình Quốc hội để sửa đổi.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng.

- Giải pháp 2:

+ Sửa đổi quy định tại khoản 5 Điều 5 Luật Quy hoạch theo hướng Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành là một loại quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia. Đồng thời, chuyển quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan tại các khoản 3 Điều 22; khoản 3 Điều 23; khoản 7 Điều 26 và khoản 3 Điều 27 lên khoản 5 Điều 5 để làm rõ pháp luật áp dụng cho các quy hoạch này.

+ Sửa đổi mục 11 Phụ lục 2 Luật Quy hoạch: Quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn là một loại quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 6 Luật Quy hoạch: Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh tương ứng theo quy định của Chính phủ.

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 2 của Điều 20 Luật Quy hoạch: Việc lập quy hoạch chỉ căn cứ vào quy hoạch cao hơn nếu có.

+ Luật Quy hoạch sẽ điều chỉnh toàn bộ các hoạt động liên quan đến quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh.

+ Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, rà soát và điều chỉnh quy hoạch có



tính chất kỹ thuật, chuyên ngành vẫn được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

d) Đánh giá tác động các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động của chính sách và đối tượng khác có liên quan

- Tác động về hệ thống pháp luật

+ Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Không cần nghiên cứu sửa đổi luật, tiết kiệm thời gian, chi phí.

Tác động tiêu cực: Vẫn tồn tại các vướng mắc như hiện nay.

+ Giải pháp 2:

Tác động tích cực: (i) Quy định về hệ thống quy hoạch quốc gia bảo đảm sự đầy đủ, thống nhất nhưng không cần phải sửa đổi, bổ sung Luật quá nhiều; (ii) Thời gian sửa đổi ngắn do không có sự thay đổi phạm vi điều chỉnh của Luật Quy hoạch và pháp luật có liên quan; không tác động lớn đến hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước; (iii) Mối quan hệ giữa các quy hoạch được quy định rõ ràng hơn, phù hợp với phạm vi quản lý của Bộ, ngành và địa phương; (iv) Giải quyết vướng mắc trong trường hợp quy hoạch cao hơn chưa được phê duyệt dựa trên quy định về việc cho phép lập đồng thời quy hoạch tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15; (v) Quy định rõ việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, rà soát và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan như quy định hiện nay, không làm thay đổi pháp luật áp dụng; (vi) Thống nhất với quy định quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành thống nhất với quy định tại Dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật ngày 13/8/2024.

Tác động tiêu cực: Không có.

- Tác động kinh tế đối với doanh nghiệp

+ Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Việc thẩm định sự phù hợp của các dự án đầu tư giữ nguyên trình tự, thủ tục như hiện trạng.

Tác động tiêu cực: Tiến độ lập các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để cụ thể hoá quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh chậm do khó xác định kinh phí và mối quan hệ giữa các loại quy hoạch dẫn đến ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Giải pháp 2:

Tác động tích cực: (i) Mọi quan hệ giữa các quy hoạch được quy định rõ ràng hơn; tiến độ lập các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để cụ thể hoá quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh nhanh hơn; không tác động lớn đến hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước nên việc thẩm định sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch sẽ thuận lợi hơn; (ii) Doanh nghiệp dễ dàng áp dụng pháp luật mới hơn; tiết kiệm thời gian và chi phí tìm hiểu quy định pháp luật mới.

Tác động tiêu cực: Vẫn cần phải tra cứu thêm các luật khác ngoài Luật Quy hoạch do các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được quy định tại pháp luật có liên quan và các quy hoạch này vẫn liên quan nhiều đến thủ tục đầu tư, kinh doanh.

*Chưa thể đánh giá được cụ thể các tác động về kinh phí mang tính định lượng.*

- Tác động xã hội đối với người dân

+ Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Việc đánh giá về sự phù hợp trong các hoạt động của người dân đối với quy hoạch như cấp giấy phép xây dựng giữ nguyên như hiện trạng.

Tác động tiêu cực: Tiến độ lập các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để cụ thể hoá quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh chậm do khó xác định kinh phí và mối quan hệ giữa các loại quy hoạch dẫn đến ảnh hưởng đến hoạt động của người dân.

+ Giải pháp 2:

Tác động tích cực: (i) Mọi quan hệ giữa các quy hoạch được quy định rõ ràng hơn; tiến độ lập các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để cụ thể hoá quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh nhanh hơn; không tác động lớn đến hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước nên việc đánh giá sự phù hợp của các hoạt động của người dân đối với quy hoạch sẽ thuận lợi hơn; (ii) Người dân dễ dàng áp dụng pháp luật mới hơn; tiết kiệm thời gian và chi phí tìm hiểu quy định pháp luật mới.

Tác động tiêu cực: Vẫn cần phải tra cứu thêm các luật khác ngoài Luật Quy hoạch do các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được quy định tại pháp luật có liên quan và các quy hoạch này vẫn liên quan nhiều đến sinh hoạt của người dân.

- Các giải pháp được đề xuất không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính và tác động về giới.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Sau khi so sánh tác động tiêu cực và tích cực của các giải pháp cho Chính sách 1, Giải pháp 2 là phương án được lựa chọn vì theo phương án này việc sửa

đổi các quy định về Hệ thống quy hoạch và mối quan hệ giữa các quy hoạch đạt được mục tiêu đã đề ra, đồng thời, không gây xáo trộn lớn đến hệ thống pháp luật và công tác quản lý nhà nước của các Bộ, ngành và địa phương.

## 1.2. Hoàn thiện quy định về kinh phí cho hoạt động quy hoạch

### a) Xác định vấn đề bất cập

- Quy định về việc sử dụng vốn đầu tư công để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn dẫn đến thủ tục phức tạp, kéo dài thời gian thực hiện, ảnh hưởng đến tiến độ lập, phê duyệt các quy hoạch.

- Theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị, kinh phí cho lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện quy hoạch đô thị là từ ngân sách nhà nước được cân đối từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế hàng năm của ngân sách Trung ương và địa phương dẫn đến lúng túng trong triển khai thực hiện

- Nghị quyết số 61/2022/QH15 cho phép sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch mà đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành chưa được bố trí vốn. Tuy nhiên, tại Báo cáo số 437/BC-CP ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ về tình hình triển khai công tác quy hoạch và kết quả thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 đã nêu vướng mắc sau: điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 chỉ quy định việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch mà đến thời điểm Nghị quyết số 61/2022/QH15 có hiệu lực thi hành chưa được bố trí vốn, trong khi đó, các quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn được lập sau ngày 16 tháng 6 năm 2022 và quy hoạch đã được bố trí một phần kinh phí nhưng phát sinh thêm các nhiệm vụ quy hoạch sau ngày 16 tháng 6 năm 2022 lại chưa được quy định cụ thể có được sử dụng kinh phí chi thường xuyên hay không.

### b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn thiện quy định có liên quan đến kinh phí để bảo đảm bố trí nguồn lực cần thiết cho hoạt động quy hoạch; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân hỗ trợ cho hoạt động quy hoạch, bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch theo chỉ đạo của Quốc hội tại Nghị quyết số 61/2022/QH15. Quy định phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Xác định nguồn kinh phí phù hợp với đặc thù của từng loại quy hoạch.
- Bảo đảm trình tự, thủ tục linh hoạt.

### c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Luật Quy hoạch theo hướng:

+ Chi phí lập, công bố, điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh sử dụng nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, trừ quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh thực hiện theo pháp luật về đất đai.

+ Chi phí lập, thẩm định, điều chỉnh nhiệm vụ lập quy hoạch; thẩm định; đánh giá; điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh sử dụng nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

+ Chi phí lập, thẩm định, công bố, rà soát, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành do ngân sách nhà nước sử dụng nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

+ Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Việc quy định về việc sử dụng các nguồn vốn hợp pháp khác là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Quy hoạch là Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài hỗ trợ nguồn lực cho hoạt động quy hoạch bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch và đã được Chính phủ quy định chi tiết tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật

+ Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Không cần phải thực hiện rà soát, sửa đổi lại các quy định của Luật Quy hoạch.

Tác động tiêu cực: Vẫn tồn tại các vướng mắc như hiện tại.

+ Giải pháp 2:

Tác động tích cực: (i) Linh hoạt trong sử dụng kinh phí trong hoạt động quy hoạch; (ii) Xác định cụ thể nguồn vốn cho lập, thẩm định, công bố, rà soát, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; (iii) Thống nhất quy định về kinh phí trong Luật Quy hoạch với Luật Quy hoạch đô thị và Luật Đất đai.

Tác động tiêu cực: (i) Cần sửa đổi các quy định của văn bản quy định chi

tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch; Luật Đầu tư công; Luật Ngân sách nhà nước sau: Các văn bản hướng dẫn thi hành về việc sử dụng kinh phí, đặc biệt là bổ sung hướng dẫn kinh phí cho các trường hợp sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên cho hoạt động quy hoạch liên quan đến quy hoạch như điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn nếu cần; (ii) Các quy định liên quan đến kinh phí cho hoạt động quy hoạch tại Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công sẽ tiếp tục được nghiên cứu, rà soát trong quá trình soạn thảo Luật.

- Tác động kinh tế đối với doanh nghiệp

+ Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Không có.

Tác động tiêu cực: Tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch kéo dài do thủ tục liên quan đến kinh phí phức tạp sẽ ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Giải pháp 2:

Tác động tích cực: Tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch được bảo đảm sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Tác động tiêu cực: Không có.

*Chưa thể đánh giá được cụ thể các tác động về kinh phí mang tính định lượng.*

- Tác động xã hội đối với người dân.

+ Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Không có.

Tác động tiêu cực: Tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch kéo dài do thủ tục liên quan đến kinh phí phức tạp sẽ ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân.

+ Giải pháp 2:

Tác động tích cực: Tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch được bảo đảm sẽ tạo điều kiện thuận lợi sinh hoạt của người dân.

Tác động tiêu cực: Không có.

- Các quy định được sửa đổi, bổ sung không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính và tác động về giới.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Sau khi so sánh tác động tiêu cực và tích cực của các giải pháp, *Giải pháp 2* là phương án được lựa chọn vì theo phương án này quy định rõ thêm về nguồn vốn thẩm định, rà soát, đánh giá, điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn đảm

bảo tính linh hoạt, thống nhất, phù hợp với tính chất của từng loại quy hoạch.

### ***1.3. Chinh lý các thuật ngữ, khái niệm trong nội dung quy hoạch tỉnh để bảo đảm thống nhất với quy định tại pháp luật chuyên ngành***

#### a) Xác định vấn đề bất cập

Một số từ ngữ được quy định tại Điều này chưa thống nhất với các Luật chuyên ngành hiện hành.

#### b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

Chỉnh sửa để đảm bảo thống nhất với Luật Thủy lợi; Dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Dự thảo Luật Điện lực đã trình Quốc hội.

#### c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung các điểm d,e, h Điều 27 Luật Quy hoạch theo hướng:

+ Chỉnh sửa nội dung về Phương án “quy hoạch hệ thống đô thị, bao gồm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đã được xác định trong quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển đô thị tỉnh lỵ và các thành phố, thị xã, thị trấn trên địa bàn” thành “Phương án phát triển hệ thống đô thị và nông thôn”. Bỏ nội dung về phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phương án phân bố hệ thống điểm dân cư tại điểm d khoản 2 Điều 27.

+ Chỉnh sửa nội dung về “Phương án phát triển điện lực mạng lưới cấp điện, bao gồm các công trình cấp điện và mạng lưới truyền tải điện đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; mạng lưới điện truyền tải và lưới điện phân phối; phương án phát triển nguồn, lưới điện của tỉnh” thành “Phương án phát triển điện lực đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển nguồn, lưới điện của tỉnh ” tại điểm e khoản 2 Điều 27

+ Chỉnh sửa nội dung tại điểm h khoản 2 Điều 27 theo hướng bỏ cụm từ “mạng lưới”.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật

+ Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Không cần phải thực hiện rà soát, sửa đổi lại các quy định của Luật Quy hoạch.

Tác động tiêu cực: Vẫn tồn tại các vướng mắc như hiện tại.

## + Giải pháp 2:

Tác động tích cực: (i) Bảo đảm thống nhất cách hiểu, sự đồng bộ của hệ thống pháp luật, không ảnh hưởng đến hoạt động quản lý chuyên ngành; (ii) Phù hợp với Dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Dự thảo Luật Điện lực đã trình Quốc hội.

Tác động tiêu cực: Cần sửa đổi các quy định của văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch.

- Tác động kinh tế đối với doanh nghiệp

## + Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Không có.

Tác động tiêu cực: Một số nội dung quy hoạch chưa được quy định rõ, hoặc khó quy định dẫn đến các địa phương mất nhiều thời gian nghiên cứu thể hiện nội dung quy hoạch tỉnh làm cho tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch kéo dài sẽ ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

## + Giải pháp 2:

Tác động tích cực: Thống nhất cách hiểu các quy định pháp luật; tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch được bảo đảm sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Tác động tiêu cực: Không có.

*Chưa thể đánh giá được cụ thể các tác động về kinh phí mang tính định lượng.*

- Tác động xã hội đối với người dân.

## + Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Không có.

Tác động tiêu cực: Một số nội dung quy hoạch chưa được quy định rõ, hoặc khó quy định dẫn đến các địa phương mất nhiều thời gian nghiên cứu thể hiện nội dung quy hoạch tỉnh làm cho tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch kéo dài sẽ ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân.

## + Giải pháp 2:

Tác động tích cực: Thống nhất cách hiểu các quy định pháp luật; Tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch được bảo đảm sẽ tạo điều kiện thuận lợi sinh hoạt của người dân.

Tác động tiêu cực: Không có.

- Các quy định được sửa đổi, bổ sung không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính và tác động về giới.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Sau khi so sánh tác động tiêu cực và tích cực của các giải pháp, *Giải pháp 2* là phương án được lựa chọn vì theo phương án này đảm bảo được tính tính đồng bộ, thống nhất với quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

**2. Chính sách 2: Hoàn thiện quy định về nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh; quy trình lập quy hoạch; nội dung quy hoạch; kế hoạch thực hiện và điều chỉnh quy hoạch, chế độ báo cáo bảo đảm đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương**

### 2.1. Về nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh

#### a) Xác định vấn đề

Theo Điều 15 Luật Quy hoạch, Thủ tướng Chính phủ tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh; nhưng theo khoản 2 Điều 29 Luật Quy hoạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh. Như vậy, không có sự tương thích giữa thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định của 2 giai đoạn và dẫn tới kéo dài thời gian thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch. Do đó, cần sửa đổi quy định về thẩm quyền tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh quy hoạch tỉnh để bảo đảm đồng bộ, thống nhất và đơn giản hóa trình tự, thủ tục trong hoạt động quy hoạch.

#### b) Mục tiêu chính sách

Bảo đảm đồng bộ, thống nhất và đơn giản hóa trình tự, thủ tục trong hoạt động quy hoạch.

#### c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng.

- Giải pháp 2: Sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Quy hoạch theo hướng Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh. Giữ nguyên thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

d) Đánh giá tác động các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động của chính sách và đối tượng khác có liên quan

- Tác động về hệ thống pháp luật

+ Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Không cần nghiên cứu sửa đổi luật, tiết kiệm thời gian, chi phí.

Tác động tiêu cực: Vẫn tồn tại các vướng mắc như hiện nay.

- Giải pháp 2:

Tác động tích cực: (i) Bảo đảm đồng bộ với quy định về thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh tại khoản 2 Điều 29 Luật Quy hoạch; (ii) Bảo đảm tính tương thích với thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch; thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh (Thủ tướng Chính phủ); (iii) Đơn



giản hóa trình tự, thủ tục, rút ngắn thời gian thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh; (iv) Không làm phát sinh thêm kinh phí thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh.

Tác động tiêu cực: Cần sửa đổi quy định về trình tự, thủ tục thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh đang được quy định chi tiết tại Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

- Tác động kinh tế đối với doanh nghiệp:

+ Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Không có.

Tác động tiêu cực: Tiến độ lập quy hoạch chậm, ảnh hưởng tới đầu tư, kinh doanh.

+ Giải pháp 2:

Tác động tích cực: Đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch tỉnh, rút ngắn thời gian thực hiện trình tự, thủ tục hành chính từ đó đáp ứng kịp thời yêu cầu đầu tư, kinh doanh.

Tác động tiêu cực: Không có.

*Chưa thể đánh giá được cụ thể các tác động về kinh phí mang tính định lượng.*

- Tác động xã hội đối với người dân:

+ Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Không có.

Tác động tiêu cực: Tiến độ lập quy hoạch chậm, ảnh hưởng tới sinh hoạt cả người dân.

+ Giải pháp 2:

Tác động tích cực: Đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch tỉnh, rút ngắn thời gian thực hiện trình tự, thủ tục hành chính từ đó đáp ứng kịp thời yêu cầu sinh hoạt của người dân.

Tác động tiêu cực: Không có.

- Các quy định được sửa đổi, bổ sung không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính và tác động về giới.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Sau khi so sánh tác động tiêu cực và tích cực của các giải pháp, Giải pháp 2 là phương án được lựa chọn vì theo phương án này việc sửa đổi các quy định về trình tự, thủ tục trong quá trình lập quy hoạch đạt được mục tiêu đã đề ra.

## 2.2. Về hoàn thiện quy định về nội dung quy hoạch

### a) Xác định vấn đề

- Giai đoạn lập quy hoạch chưa có đủ cơ sở để xác định được chính xác danh mục dự án quan trọng quốc gia theo tiêu chí được quy định tại Điều 7 Luật Đầu tư công, dự án của vùng hoặc dự án của tỉnh trong cả thời kỳ quy hoạch. Do vậy, quy định về việc xác định danh mục dự án quan trọng quốc gia, danh mục dự án của vùng và danh mục dự án của tỉnh trong các quy định về nội dung quy hoạch chưa phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn trong quá trình lập quy hoạch, thiếu linh hoạt dẫn tới phải điều chỉnh quy hoạch nhiều lần mới bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư, kinh doanh; do đó, cần sửa đổi để bảo đảm tính khả thi và linh hoạt trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch.

### b) Mục tiêu chính sách

Bảo đảm nguyên tắc các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh là các quy hoạch có tính tổng hợp, tích hợp và định hướng; các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành cụ thể hóa các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Đồng thời, tránh trùng lặp, mâu thuẫn với Danh mục dự án tại Kế hoạch đầu tư công trung hạn và trùng lặp, mâu thuẫn với các nội dung được quyết định tại bước lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, chủ trương đầu tư và quyết định dự án đầu tư.

### c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng.

- Giải pháp 2: Sửa đổi quy định về danh mục dự án trong nội dung của các quy hoạch thành Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia; Danh mục dự kiến các dự án quan trọng của vùng; Danh mục dự kiến các dự án ưu tiên thực hiện của tỉnh.

d) Đánh giá tác động các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động của chính sách và đối tượng khác có liên quan

- Tác động về hệ thống pháp luật

+ Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Không cần nghiên cứu sửa đổi luật, tiết kiệm thời gian, chi phí.

Tác động tiêu cực: Vẫn tồn tại các vướng mắc như hiện nay.

- Giải pháp 2:

Tác động tích cực: (i) Thời gian nghiên cứu quy định pháp luật ngắn, không phải chính sách lần đầu được áp dụng do được kế thừa tên Danh mục dự án tại Quy hoạch tổng thể quốc gia; quy hoạch không gian biển quốc gia đã được Quốc hội thông qua và tên Danh mục dự án tại các quy hoạch vùng và các quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; (ii) Không phải sửa đổi nhiều điều, khoản của Luật Quy hoạch; không tác động đến pháp luật chuyên

ngành khác.

Tác động tiêu cực: (i) Vẫn cần phải sửa đổi một số điểm, khoản của các điều từ Điều 22 đến Điều 27 của Luật Quy hoạch; (ii) Cần sửa đổi quy định về nội dung quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đang được quy định chi tiết tại Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

- Tác động kinh tế đối với doanh nghiệp:

+ Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Không có.

Tác động tiêu cực: Quy hoạch không bảo đảm tính khả thi, thiếu linh hoạt dẫn tới phải điều chỉnh quy hoạch nhiều lần mới bảo đảm được yêu cầu đầu tư, kinh doanh.

+ Giải pháp 2:

Tác động tích cực: Tăng tính khả thi của quy hoạch, giảm việc phải điều chỉnh quy hoạch, rút ngắn thời gian thực hiện trình tự, thủ tục hành chính từ đó đáp ứng kịp thời yêu cầu đầu tư, kinh doanh.

Tác động tiêu cực: Không có.

*Chưa thể đánh giá được cụ thể các tác động về kinh phí mang tính định lượng.*

- Tác động xã hội đối với người dân:

+ Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Không có.

Tác động tiêu cực: Quy hoạch không bảo đảm tính khả thi, thiếu linh hoạt dẫn tới phải điều chỉnh quy hoạch nhiều lần mới bảo đảm được yêu cầu sinh hoạt của người dân.

+ Giải pháp 2:

Tác động tích cực: Tăng tính khả thi của quy hoạch, giảm việc phải điều chỉnh quy hoạch nên rút ngắn thời gian thực hiện trình tự, thủ tục hành chính nên đáp ứng được kịp thời yêu cầu sinh hoạt của người dân.

Tác động tiêu cực: Không có.

- Các quy định được sửa đổi, bổ sung không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính và tác động về giới.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Sau khi so sánh tác động tiêu cực và tích cực của các giải pháp, Giải pháp 2 là phương án được lựa chọn vì theo phương án này việc sửa đổi các quy định về trình tự, thủ tục trong quá trình lập quy hoạch đạt được mục tiêu đã đề ra.

### 2.3. Về kế hoạch thực hiện quy hoạch

#### a) Xác định vấn đề

- Nội dung kế hoạch thực hiện quy hoạch quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Quy hoạch bao gồm cả kế hoạch sử dụng đất dẫn đến bất cập do trùng lặp với quy định về lập kế hoạch sử dụng đất các cấp theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Nội dung của kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực và do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Quy hoạch nhưng việc phân cấp quản lý, phân công nhiệm vụ thực hiện lại có sự khác nhau. Đồng thời, việc quy định về thẩm quyền ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh tại Luật Quy hoạch chưa tạo sự linh hoạt trong quản lý và điều hành của địa phương, do nhiều nội dung tại kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh đã được tăng cường phân cấp tại pháp luật có liên quan khác. Cụ thể như sau:

+ Nhiều nội dung của kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh hiện nay đã được phân cấp cho cấp tỉnh, cụ thể: Luật Đầu tư công năm 2019 đẩy mạnh phân cấp trong việc xem xét quyết định các phê duyệt chủ trương đầu tư, trong đó HĐND, UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư chương trình, dự án nhóm A, B, C do địa phương quản lý (trừ dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ); Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong việc quyết định chủ trương đầu tư, chương trình dự án của tỉnh theo quy định của pháp luật; quyết định dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn và việc huy động các nguồn lực xã hội để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

#### b) Mục tiêu chính sách

- Đơn giản hóa trình tự, thủ tục trong hoạt động quy hoạch; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với đề cao trách nhiệm của các cấp, các ngành quản lý nhà nước về quy hoạch.

- Tiết kiệm thời gian, chi phí liên quan đến quy trình, thủ tục lập, ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả triển khai thực hiện quy hoạch.

- Tạo sự chủ động cho địa phương và bảo đảm linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch tỉnh.

#### c) Các giải pháp được đề xuất

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng.

- Giải pháp 2: Bỏ quy định về kế hoạch sử dụng đất trong nội dung kế hoạch thực hiện quy hoạch. Quy định cụ thể Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh. Chính phủ sẽ quy định chi tiết về kế hoạch

thực hiện quy hoạch.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Không cần nghiên cứu sửa đổi các quy định của pháp luật có liên quan.

Tác động tiêu cực: Vẫn tồn tại những vướng mắc về xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch như hiện trạng.

+ Giải pháp 2:

Tác động tích cực: Rút ngắn thời gian ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh. Tạo sự linh hoạt trong quản lý và điều hành của địa phương. Mặt khác, theo quy định của Luật Quy hoạch, việc lập kế hoạch thực hiện quy hoạch do các cơ quan nhà nước thực hiện và không có quy định về thuê tư vấn lập; không sử dụng nguồn vốn đầu tư công, kinh phí cho hoạt động này lấy từ nguồn kinh phí chi thường xuyên tương tự như các hoạt động quản lý nhà nước thông thường khác. Do đó, việc sửa đổi không làm phát sinh thêm kinh phí.

Tác động tiêu cực: Quy định về trình tự, thủ tục ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch được quy định tại khoản 4 Điều 38c Nghị định số 37/2019/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 58/2023/NĐ-CP) sẽ hết hiệu lực do có sự thay đổi về thẩm quyền ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh nên cần ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định nói trên.

- Tác động kinh tế đối với doanh nghiệp

+ Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Không có.

Tác động tiêu cực: Việc thông tin về tổ chức thực hiện quy hoạch tỉnh chậm hơn nên sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Giải pháp 2:

Tác động tích cực: Việc thông tin về tổ chức thực hiện quy hoạch tỉnh nhanh hơn từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Tác động tiêu cực: Không có.

*Chưa thể đánh giá được cụ thể các tác động về kinh phí mang tính định lượng.*

- Tác động xã hội đối với người dân:

+ Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Không có.

Tác động tiêu cực: Việc thông tin về tổ chức thực hiện quy hoạch tỉnh chậm hơn nên sẽ tác động đến hoạt động sinh hoạt của người dân.

+ Giải pháp 2:

Tác động tích cực: Việc thông tin về tổ chức thực hiện quy hoạch tỉnh nhanh hơn từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sinh hoạt của người dân.

Tác động tiêu cực: Không có.

- Các quy định được sửa đổi, bổ sung không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính và tác động về giới.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Sau khi so sánh tác động tiêu cực và tích cực của các giải pháp, Giải pháp 2 là phương án được lựa chọn vì theo phương án này việc sửa đổi các quy định về kế hoạch thực hiện quy hoạch đạt được mục tiêu đã đề ra.

#### **2.4. Về điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn**

a) Xác định vấn đề bất cập

Theo quy định tại Điều 54, việc điều chỉnh quy hoạch phải thực hiện đầy đủ thủ tục như đối với việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch mới, bao gồm nhiệm vụ lập điều chỉnh quy hoạch, lập điều chỉnh quy hoạch, thẩm định quy hoạch... (thời gian hoàn thành khoảng 2 đến 3 năm). Trong khi trên thực tế đã phát sinh nhiều tình huống cần điều chỉnh quy hoạch như: thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã hay việc triển khai thực hiện các dự án quan trọng quốc gia (các dự án đường cao tốc cần vật liệu để đắp nền trong khi các quy hoạch tỉnh không đáp ứng về số lượng, tiến độ,...) hoặc khi quy hoạch được lập đồng thời hay trong quá trình thực hiện quy hoạch phát hiện quy hoạch mâu thuẫn với quy hoạch cấp cao hơn hoặc quy hoạch cùng cấp dẫn đến cần phải điều chỉnh ngay để đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Hoàn thiện quy định có liên quan đến điều chỉnh quy hoạch theo hướng đơn giản hóa trình tự, thủ tục, bảo đảm phù hợp với thực tiễn và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước về quy hoạch. Việc điều chỉnh phải bảo đảm công khai, minh bạch, sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống quy hoạch.

- Quy định hình thức điều chỉnh bảo đảm linh hoạt trong quản lý nhà nước, phù hợp với đặc thù của từng loại quy hoạch.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng.

- Giải pháp 2: Bổ sung quy định về điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ

tục rút gọn. Trong đó:

+ Quy định cụ thể các trường hợp điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn; điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn phải không làm thay đổi quan điểm, mục tiêu phát triển tổng quát; bảo đảm phù hợp với quy hoạch cao hơn, không mâu thuẫn với quy hoạch cùng cấp có liên quan và đáp ứng yêu cầu về nội dung quy hoạch quy định tại Điều 21 của Luật Quy hoạch.

+ Về trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch rút gọn:

(i) Kế thừa quy định về trình tự, thủ tục tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15. Việc điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn không phải xây dựng và phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch; không thành lập Hội đồng thẩm định.

(ii) Rút ngắn thời gian lấy ý kiến các cơ quan có liên quan đối với hồ sơ điều chỉnh quy hoạch từ 30 ngày xuống còn 15 ngày.

(iii) Quy định một số trường hợp cần xin chủ trương điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn, trong đó phân quyền từ Quốc hội cho Chính phủ được quyết định chủ trương điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia; quy hoạch không gian biển quốc gia; quy hoạch sử dụng đất quốc gia trong trường hợp điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn do Quốc hội mỗi năm chỉ họp 2 kỳ họp nên việc phải trình xin ý kiến sẽ không thể đáp ứng được yêu cầu cấp bách.

(iv) Quy hoạch tỉnh được điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn để thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh mà không cần báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương điều chỉnh.

Tuy nhiên, để bảo đảm chất lượng của việc điều chỉnh quy hoạch tỉnh trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, cần quy định quy trình rà soát hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh của các Bộ, cơ quan ngang Bộ sau khi tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan có liên quan.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Không cần nghiên cứu sửa đổi các quy định của pháp luật có liên quan.

Tác động tiêu cực: Vẫn tồn tại những vướng mắc về điều chỉnh quy hoạch như hiện trạng.

+ Giải pháp 2:

Tác động tích cực: (i) Đáp ứng kịp thời nhu cầu thực tiễn quản lý của nhà nước; tạo sự linh hoạt trong triển khai thực hiện quy hoạch; (ii) Bảo đảm cơ sở

pháp lý rõ ràng, chặt chẽ đối với việc điều chỉnh quy hoạch, tránh tình trạng điều chỉnh quy hoạch tùy tiện, gây chồng chéo, mâu thuẫn dẫn đến lãng phí nguồn lực; (iii) Kế thừa lại quy định về trình tự, thủ tục điều chỉnh rút gọn tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 mà không cần nghiên cứu thêm quy định mới.

Tác động tiêu cực: (i) Cần thời gian nghiên cứu bổ sung quy định về các trường hợp được phép điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn một cách chặt chẽ; (ii) Trường hợp hình thức điều chỉnh bị lạm dụng sẽ dẫn đến những tiêu cực trong quản lý nhà nước nói chung và mất ổn định của hệ thống quy hoạch nói riêng như thời gian trước khi Luật Quy hoạch được ban hành; (iii) Cần sửa đổi quy định của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP để quy định chi tiết về thành phần hồ sơ; việc thuê tư vấn và kinh phí cho điều chỉnh quy hoạch (nếu có); phạm vi và nội dung lấy ý kiến; thời gian tiết hành từng bước trong quá trình điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn.

- Tác động kinh tế đối với doanh nghiệp

+ Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Không có.

Tác động tiêu cực: Dự án đầu tư ở một số lĩnh vực đặc thù như giao thông, khoáng sản...sẽ bị ảnh hưởng đến tiến độ triển khai khi quy hoạch chưa được điều chỉnh kịp thời.

+ Giải pháp 2:

Tác động tích cực: Đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tác động tiêu cực: Việc quy hoạch bị điều chỉnh quá nhiều sẽ ảnh hưởng lớn để tính thống nhất, ổn định của hệ thống quy hoạch, gây xáo trộn trong sản xuất kinh doanh.

*Chưa thể đánh giá được cụ thể các tác động về kinh phí mang tính định lượng.*

- Tác động xã hội đối với người dân:

+ Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Không có.

Tác động tiêu cực: Trường hợp có yêu cầu thực tiễn phát sinh cần điều chỉnh quy hoạch trong thời gian ngắn sẽ không thực hiện được, do đó, đời sống sinh hoạt của người dân sẽ bị ảnh hưởng.

+ Giải pháp 2:

Tác động tích cực: Đáp ứng kịp thời nhu cầu sinh hoạt của người dân.

Tác động tiêu cực: Việc quy hoạch bị điều chỉnh quá nhiều sẽ ảnh hưởng lớn để tính thống nhất, ổn định của hệ thống quy hoạch, gây xáo trộn trong sinh



hoạt của người dân.

- Các quy định được sửa đổi, bổ sung không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính và tác động về giới.

#### đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Sau khi so sánh tác động tiêu cực và tích cực của các giải pháp, Giải pháp 2 là phương án được lựa chọn vì theo giải pháp này việc bổ sung quy định về điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn đạt được mục tiêu đã đề ra.

### 2.5. Về chế độ báo cáo

#### a) Xác định vấn đề

Có sự trùng lặp về cơ quan thực hiện và nội dung báo cáo về hoạt động quy hoạch hàng năm tại khoản 1 Điều 48 với cơ quan đánh giá thực hiện quy hoạch tại khoản 2 Điều 49; cơ quan rà soát quy hoạch tại khoản 2 Điều 52 Luật Quy hoạch. Do đó cần sửa đổi để bảo đảm đơn giản hoá chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian và nguồn lực thực hiện.

#### b) Mục tiêu chính sách

Đơn giản hoá chế độ báo cáo trong hoạt động quy hoạch, tiết kiệm thời gian và nguồn lực thực hiện.

#### c) Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1; Giữ nguyên hiện trạng.

- Giải pháp 2; Gộp nội dung của các báo cáo như sau:

+ Việc đánh giá thực hiện quy hoạch định kỳ hàng năm đã có tại báo cáo về hoạt động quy hoạch hàng năm được quy định tại khoản 1 Điều 48 do thực hiện quy hoạch cũng là một nội dung của hoạt động quy hoạch theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Luật Quy hoạch.

+ Việc đánh giá thực hiện quy hoạch định kỳ 5 năm sẽ là một nội dung của báo cáo rà soát quy hoạch được quy định tại Điều 52.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Không cần nghiên cứu sửa đổi các quy định của pháp luật có liên quan.

Tác động tiêu cực: Vẫn tồn tại những vướng mắc về điều chỉnh quy hoạch như hiện trạng.

+ Giải pháp 2:

Tác động tích cực: (i) Gộp các nội dung trùng nhau của các báo cáo mà không làm mất đi vai trò của các báo cáo này; (ii) Bảo đảm cơ sở pháp lý rõ ràng, chặt chẽ đối với việc điều chỉnh quy hoạch, tránh tình trạng điều chỉnh quy hoạch tùy tiện, gây chồng chéo, mâu thuẫn dẫn đến lãng phí nguồn lực; (iii) Vẫn bảo đảm phù hợp về thẩm quyền: Có sự trùng lặp về cơ quan báo cáo về hoạt động quy hoạch hàng năm tại khoản 1 Điều 48 với cơ quan đánh giá thực hiện quy hoạch tại khoản 2 Điều 49. Chính phủ (cơ quan tổ chức lập quy hoạch) có thể giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài nguyên và Môi trường lập đánh giá việc thực hiện quy hoạch định kỳ 5 năm theo quy định tại Điều 49 trong quá trình rà soát quy hoạch tổng thể quốc gia; quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch không gian biển quốc gia theo quy định tại Điều 52 Luật Quy hoạch.

Mặt khác, theo quy định của Luật Quy hoạch, việc lập các báo cáo trên không do các cơ quan nhà nước thực hiện và không có quy định về thuê tư vấn lập; không sử dụng nguồn vốn đầu tư công, kinh phí cho hoạt động này lấy từ nguồn kinh phí chi thường xuyên tương tự như các hoạt động quản lý nhà nước thông thường khác. Do đó, việc sửa đổi không làm phát sinh thêm kinh phí.

Tác động tiêu cực: Cần sửa đổi quy định của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP để quy định chi tiết về việc đánh giá thực hiện quy hoạch.

- Tác động kinh tế đối với doanh nghiệp

+ Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Không có.

Tác động tiêu cực: Thông tin quy hoạch đến doanh nghiệp chậm, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

+ Giải pháp 2:

Tác động tích cực: Đáp ứng kịp thời nhu cầu về thông tin quy hoạch phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tác động tiêu cực: Không có.

- Tác động xã hội đối với người dân:

+ Giải pháp 1:

Tác động tích cực: Không có.

Tác động tiêu cực: Thông tin quy hoạch đến người dân chậm, ảnh hưởng đến hoạt động sinh hoạt.

+ Giải pháp 2:

Tác động tích cực: Đáp ứng kịp thời nhu cầu về thông tin quy hoạch phục vụ sinh hoạt của người dân.

Tác động tiêu cực: Không có.

- Các quy định được sửa đổi, bổ sung không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính và tác động về giới.

#### đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Sau khi so sánh tác động tiêu cực và tích cực của các giải pháp, Giải pháp 2 là phương án được lựa chọn vì theo giải pháp này việc bổ sung quy định về điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn đạt được mục tiêu đã đề ra.

**3. Chính sách 3: Tiếp tục tăng cường phân quyền chấp thuận chủ trương đầu tư cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất; dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở xuống thuộc cảng biển đặc biệt**

#### 3.1. Xác định vấn đề

a) Về việc phân quyền chấp thuận chủ trương đầu tư cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất

Thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án hạ tầng khu công nghiệp của Thủ tướng Chính phủ đã được quy định và thực hiện xuyên suốt từ năm 2005 đến nay tại Luật Đầu tư năm 2005, Luật Đầu tư năm 2014 và Luật Đầu tư năm 2020.

Tổng kết 30 năm xây dựng và phát triển khu chế xuất, khu công nghiệp, khu kinh tế ở Việt Nam cho thấy, mặt được của việc Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định nêu trên là đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước<sup>1</sup>, thu hút đầu tư nước ngoài một cách hiệu quả<sup>2</sup> trong bối cảnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp chưa được xây dựng đồng bộ, quản lý chặt chẽ và năng lực quản lý của các địa phương còn hạn chế; phát triển đồng bộ, thống nhất hệ thống hạ tầng các khu công nghiệp phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương, phát huy lợi thế về vị trí địa lý và tiềm năng phát triển kinh tế của các vùng<sup>3</sup>; nâng

<sup>1</sup> Hoạt động đầu tư tại KCN tạo tăng trưởng trong sản xuất công nghiệp, nâng cao giá trị xuất khẩu, tạo việc làm và đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước. Tỷ trọng giá trị xuất khẩu của doanh nghiệp tại KCN, KKT trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước đạt khoảng 6% (năm 1995) lên 19% (năm 2005), 50% (năm 2015) và 57% (năm 2018). Trong giai đoạn 2016-2020, giá trị xuất khẩu trung bình hằng năm của dự án trong KCN, KKT chiếm trên 55% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước; KCN, KKT góp phần giải quyết việc làm cho gần 4 triệu lao động trực tiếp (chiếm 7,3% lực lượng lao động của cả nước), chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng năng suất lao động và cải thiện chất lượng nguồn nhân lực; Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn KCN, KKT trong tổng thu NSNN tăng: giai đoạn 1996 - 2000, 4.508 tỷ đồng, chiếm 1,22% tổng thu NSNN; giai đoạn 2011 - 2015, 361.978 tỷ đồng, chiếm 12,7 % tổng thu trong nước (không bao gồm dầu thô). Số doanh nghiệp trong KCN, KKT trong 1000 doanh nghiệp nộp thuế nhiều nhất cả nước chiếm khoảng 20% hàng năm.

<sup>2</sup> Tính lũy kế đến tháng 6/2021, các KCN, KKT trên cả nước đã thu hút được khoảng 10.148 dự án đầu tư trong nước và 10.921 dự án có vốn đầu tư nước ngoài còn hiệu lực, với tổng vốn đầu tư đăng ký tương ứng khoảng 2,51 triệu tỷ đồng và 229,8 tỷ USD. Trung bình hàng năm, vốn đầu tư nước ngoài trong KCN, KKT chiếm khoảng 35 - 40% tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký tăng thêm của cả nước; nếu tính riêng trong lĩnh vực chế biến, chế tạo thì vốn đầu tư nước ngoài trong KCN, KKT chiếm khoảng 75 - 85% tổng vốn đăng ký cả nước.

<sup>3</sup> Đến tháng 6/2021, hệ thống khu công nghiệp, khu kinh tế đã được hình thành trên các vùng kinh tế của cả nước, 395 khu công nghiệp đã được thành lập, trong đó 285 KCN đã đi vào hoạt động và tỷ lệ lấp đầy đạt 58,9%.

cao hiệu quả sử dụng đất; quản lý chặt chẽ việc đầu tư xây dựng và chuyển nhượng dự án đầu tư kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; tránh phát triển tràn lan khu công nghiệp ở các địa phương, gây thất thoát, lãng phí...

Thực hiện chủ trương hoàn thiện, cải cách thể chế theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và ý kiến chỉ đạo về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước trong các lĩnh vực của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ thấy rằng, việc thực hiện quy định chấp thuận chủ trương đầu tư nêu trên trong thời gian qua cũng đặt ra yêu cầu xem xét phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bởi những lý do sau:

*Một là*, theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, nội dung thẩm định dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp bao gồm đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng khu công nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có trong Danh mục các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với khu công nghiệp nằm trong ranh giới khu kinh tế; nhu cầu sử dụng đất; sơ bộ về hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; khả năng đáp ứng điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; điều kiện về tỷ lệ lấp đầy của các khu công nghiệp...

Hầu hết những nội dung thẩm định này đều thuộc thẩm quyền xem xét của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, quy hoạch, đất đai, lâm nghiệp và pháp luật có liên quan.

Trên thực tế, khi ban hành Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư các khu công nghiệp, Thủ tướng Chính phủ vẫn yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, các điều kiện về môi trường, quy hoạch... và chịu trách nhiệm toàn diện trong việc giám sát, quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp trên địa bàn.

*Hai là*, Luật Quy hoạch đã quy định việc tích hợp định hướng xây dựng khu công nghiệp vào quy hoạch vùng và phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp vào quy hoạch tỉnh. Theo quy định tại Điều 34 Luật Quy hoạch, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Như vậy, định hướng xây dựng và phương án phát triển khu công nghiệp là căn cứ để xem xét việc thành lập khu công nghiệp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

Quy định này tạo cơ chế để bảo đảm định hướng thực thi chính sách phát triển các khu công nghiệp của cơ quan Trung ương.

*Ba là*, Nghị định số 35/2022/NĐ-CP đã được xây dựng và hoàn thiện theo hướng quy định cụ thể, minh bạch các tiêu chí, điều kiện thành lập, mở rộng khu

công nghiệp (bao gồm tiêu chí về quy hoạch; tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp; các điều kiện sử dụng đất, xây dựng, bảo vệ môi trường...).

Ngoài ra, Luật Đất đai năm 2024 đã phân cấp thẩm quyền chuyên mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng và chủ trương chuyên mục đích sử dụng rừng cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; sửa đổi quy định về thu hồi đất đối với trường hợp thực hiện dự án khu công nghiệp theo hướng không yêu cầu dự án phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

Do vậy, việc phân quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp là phù hợp, đảm bảo sự đồng bộ về thẩm quyền trong triển khai thực hiện.

Việc đầu tư, thành lập, mở rộng khu công nghiệp sẽ được kiểm soát trên cơ sở phương hướng xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế và phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp theo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; và các yêu cầu, điều kiện về thành lập, mở rộng khu công nghiệp (bao gồm tiêu chí về tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp; các điều kiện sử dụng đất, xây dựng, bảo vệ môi trường...) theo Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.

b) Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Luật Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với: “*Dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I*”. Theo đó, mọi dự án đầu tư xây dựng mới: **bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt**, không phân biệt quy mô vốn đầu tư đều phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 75 Bộ luật hàng hải, “*Cảng biển đặc biệt là cảng biển có quy mô lớn phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của cả nước hoặc liên vùng và có chức năng trung chuyển quốc tế hoặc cảng cửa ngõ quốc tế*”.

Theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ, hiện cả nước có 02 cảng biển đặc biệt là cảng biển Hải Phòng và cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong đó, Cảng biển Hải Phòng hiện có khoảng 46 bến cảng, 82 cầu cảng; quy hoạch đến 2030 sẽ phát triển lên thành 69-73 bến cảng. Cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu có khoảng 55 bến cảng; quy hoạch đến 2030 sẽ phát triển lên thành 69-70 bến. Trong đó, một số bến có chức năng là cảng cửa ngõ kết hợp trung chuyển quốc tế là khu bến Lạch

Huyện, khu bến Nam Đồ Sơn, Văn Úc, khu bến Cái Mép<sup>4</sup>. Các bến cảng này là khâu quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu, nâng cao vị thế đối ngoại, nâng cao sức cạnh tranh quốc gia và có tính chất, ý nghĩa quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế biển, do đó, việc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư các bến này là phù hợp.

Tuy nhiên, trong 02 cảng biển đặc biệt nêu trên cũng có nhiều bến cảng quy mô nhỏ, không có chức năng trung chuyển quốc tế hoặc cửa ngõ quốc tế (như khu bến Sông Cấm - Phà Rừng, khu bến Đình Vũ thuộc cảng biển Hải Phòng; khu bến Thị Vải, khu bến Sao Mai - Bến Đình, khu bến Sông Dinh, khu bến Long Sơn thuộc cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu...).

Chính phủ nhận thấy, hiện nay việc đầu tư, xây dựng cảng biển có thể được kiểm soát trên cơ sở phương án phát triển các cảng biển tại quy hoạch tỉnh, quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển và quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển và các yêu cầu, điều kiện về đầu tư xây dựng cảng biển (bao gồm tiêu chí về quy hoạch; các điều kiện sử dụng đất, xây dựng, bảo vệ môi trường...) theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

Mặt khác, điểm d khoản 1 Điều 31 và điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư đã phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển loại I có quy mô vốn đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng (mức vốn dự án nhóm A theo Luật Đầu tư công<sup>5</sup>).

Do vậy, tương tự các dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất nêu trên, việc xem xét phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng mới bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt có quy mô vốn đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng là phù hợp nhằm đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước cho địa phương, tạo điều kiện thuận lợi, chủ động cho các địa phương, hạn chế số lượng các dự án phải trình Thủ tướng Chính phủ.

c) Về việc phân quyền chấp thuận chủ trương đầu tư cho Ủy ban nhân dân

<sup>4</sup> Nhu cầu vốn đầu tư các bến này giai đoạn đến 2030 dự kiến như sau: khu bến Lạch Huyện 15.000 tỷ, khu bến Nam Đồ Sơn (giai đoạn khởi động) 15.000 tỷ, Khu bến cảng và Logistics Cái Mép Hạ 23.000 tỷ. Các bến cảng này là những cảng lớn kết nối các tuyến vận tải liên châu lục, và thường cũng là cửa ngõ ra vào các khu vực kinh tế rộng lớn thông qua việc kết nối các tuyến vận tải đường dài bằng tàu mẹ (mother ships) cùng với các tuyến ngắn hơn bằng tàu con (feeder ship).

<sup>5</sup> Điểm a khoản 2 Điều 8 Luật Đầu tư công quy định Dự án có tổng mức đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc lĩnh vực giao thông, bao gồm cầu, cảng biển, cảng sông, sân bay, đường sắt, đường quốc lộ là dự án nhóm A.

cấp tỉnh đối với dự án đầu tư thuộc khu vực bảo vệ của di tích

Theo quy định tại điểm g1 khoản 1 Điều 31 và điểm b1 khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư, “Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư đối với *các dự án đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật về di sản văn hóa không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc phạm vi **khu vực bảo vệ I** của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt; thuộc phạm vi **khu vực bảo vệ II** của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia đặc biệt thuộc **Danh mục di sản thế giới***; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với *dự án đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật về di sản văn hóa không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc phạm vi **khu vực bảo vệ II** của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, **trừ di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới**...*

Theo đó, tất cả các công trình, dự án đầu tư lớn hay nhỏ (như xây dựng nhà vệ sinh hoặc nhà ở riêng lẻ, khách sạn quy mô nhỏ...) đều thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.

Hiện nay, cả nước có 08 di sản thế giới, 133 di tích quốc gia đặc biệt, 3.630 di tích quốc gia, trong đó, nhiều di tích, danh lam thắng cảnh có quy mô lớn, diện tích khu vực khoanh vùng bảo vệ I và II rộng, như Danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Hồ Ba Bể (Bắc Kạn), Quần thể Hương Sơn (chùa Hương), Khu di tích Đền Hùng, Di tích quốc gia Làng cổ Đường Lâm (Hà Nội)... hay các di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục Di sản thế giới như Quần thể di tích Cố đô Huế (vùng lõi là 315,47ha và vùng đệm là 71,93ha), Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà (vùng lõi 65.650 ha, vùng đệm 34.140 ha), Quần thể danh thắng Tràng An (vùng lõi 6.226ha và vùng đệm 6.026ha). Vì vậy, việc quy định thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ tại điểm g1, Khoản 1 Điều 31 Luật Đầu tư đang gây ra khó khăn, tạo thành điểm nghẽn cho các địa phương, cho các nhà đầu tư và người dân tại khu vực có di sản do quy trình, thủ tục thực hiện các dự án quy mô nhỏ bị kéo dài, không cần thiết.

### 3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Thực hiện phân cấp, bảo đảm thực chất, hiệu quả, tránh lãng phí thời gian, nguồn lực, tinh giản quy trình, thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất; dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở xuống thuộc cảng biển đặc biệt; đồng thời, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án này; hạn chế số lượng các dự án phải trình Thủ tướng Chính phủ.

### 3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Về việc phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương

đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng.

- Giải pháp 2: Bãi bỏ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 và bổ sung điểm đ vào khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư theo nguyên tắc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp.

b) Về việc phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở xuống thuộc cảng biển đặc biệt

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 và bổ sung điểm e vào khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư theo nguyên tắc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở xuống thuộc cảng biển đặc biệt.

c) Về việc phân quyền chấp thuận chủ trương đầu tư cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư thuộc khu vực bảo vệ của di tích

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm g1 khoản 1 Điều 31 và điểm b1 khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư theo nguyên tắc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư không phân biệt quy mô thuộc phạm vi bảo vệ của khu vực I và khu vực II của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, trừ các dự án đầu tư thuộc khu vực bảo vệ I của di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới (**bao gồm phần lớn** dự án đầu tư thuộc 3.630 di tích tích cấp quốc gia và 125 di tích quốc gia đặc biệt).

#### **3.4. Đánh giá tác động các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động của chính sách và đối tượng khác có liên quan**

a) Về việc phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp

- Giải pháp 1:

+ Tác động về hệ thống pháp luật:

Giải pháp này không gây ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành do chủ yếu liên quan đến thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại Luật Đầu tư.

+ Tác động kinh tế - xã hội

(i) Đối với Nhà nước: Bảo đảm sự tập trung quản lý đối với dự án xây dựng



kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất. Các bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình chấp thuận chủ trương đầu tư dự án này.

(ii) *Đối với doanh nghiệp, người dân (nhà đầu tư)*: doanh nghiệp, nhà đầu tư phải tiêu tốn thời gian, nhân lực trong việc thực hiện thủ tục hành chính ở cấp trung ương; chưa thực hiện được chủ trương phân quyền, cải cách được thủ tục hành chính của Đảng và Nhà nước đối với người dân, doanh nghiệp.

+ *Tác động về giới*: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ *Tác động về thủ tục hành chính*: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính

- Giải pháp 2:

+ Tác động về hệ thống pháp luật:

Giải pháp này không gây ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành do chủ yếu liên quan đến thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại Luật Đầu tư.

+ *Tác động kinh tế - xã hội*

(i) *Đối với Nhà nước*: thúc đẩy tiến độ thực hiện các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất.

(ii) *Đối với doanh nghiệp, người dân (nhà đầu tư)*: việc phân cấp nêu trên giúp cho các chủ thể tham gia việc thực hiện quy định về thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính; góp phần đẩy nhanh tiến độ cho các dự án từ đó giúp nâng cao hiệu quả đối với quá trình thực hiện các dự án này và gia tăng hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án, đảm bảo thực hiện đồng bộ, thống nhất chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm quản lý nhà nước của UBND cấp tỉnh, phát huy được sự chủ động của địa phương trong việc phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất gắn liền với nhu cầu thực tế của địa phương, đồng thời nâng cao vai trò và trách nhiệm của địa phương trong quản lý các dự án này.

+ *Tác động về giới*: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ *Tác động về thủ tục hành chính*: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính

b) Về việc phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở xuống thuộc cảng biển đặc biệt

- Giải pháp 1:

+ Tác động về hệ thống pháp luật:

Giải pháp này không gây ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành do chủ yếu liên quan đến thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại Luật Đầu tư.

+ Tác động kinh tế - xã hội

(i) Đối với Nhà nước: Bảo đảm sự tập trung quản lý đối với dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng. Các bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình chấp thuận chủ trương đầu tư dự án này.

(ii) Đối với doanh nghiệp, người dân (nhà đầu tư): doanh nghiệp, nhà đầu tư phải tiêu tốn thời gian, nhân lực trong việc thực hiện thủ tục hành chính ở cấp trung ương; chưa thực hiện được chủ trương phân quyền, cải cách thủ tục hành chính của Đảng và Nhà nước đối với người dân, doanh nghiệp.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính

- Giải pháp 2:

+ Tác động về hệ thống pháp luật:

Giải pháp này không gây ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành do chủ yếu liên quan đến thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại Luật Đầu tư.

+ Tác động kinh tế - xã hội

(i) Đối với Nhà nước: đẩy nhanh tiến độ chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng.

(ii) Đối với doanh nghiệp, người dân (nhà đầu tư): việc phân quyền nêu trên giúp cho các chủ thể tham gia việc thực hiện quy định về thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính; góp phần đẩy nhanh tiến độ cho các dự án từ đó giúp nâng cao hiệu quả đối với quá trình thực hiện các dự án này và gia tăng hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án, đảm bảo thực hiện đồng bộ, thống nhất chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm quản lý nhà nước của UBND cấp tỉnh, phát huy được sự chủ động của địa phương trong việc phát triển các dự án bến cảng, khu bến cảng gắn liền với nhu cầu thực tế của địa phương, đồng thời nâng cao vai trò và trách nhiệm của địa phương trong quản lý các dự án này.

+ *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ *Tác động về thủ tục hành chính:* Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

c) Về việc phân quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc phạm vi bảo vệ của di tích

**- Giải pháp 1:**

+ Tác động về hệ thống pháp luật:

Giải pháp này không gây ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành do chủ yếu liên quan đến thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại Luật Đầu tư.

+ *Tác động kinh tế - xã hội*

(i) *Đối với Nhà nước:* Bảo đảm sự tập trung quản lý đối với dự án thực hiện tại khu vực bảo vệ I của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt; khu vực II của di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới. Các bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình chấp thuận chủ trương đầu tư dự án này.

(ii) *Đối với doanh nghiệp, người dân (nhà đầu tư):* doanh nghiệp, nhà đầu tư phải tiêu tốn thời gian, nhân lực trong việc thực hiện thủ tục hành chính ở cấp trung ương; chưa thực hiện được chủ trương phân quyền, cải cách được thủ tục hành chính của Đảng và Nhà nước đối với người dân, doanh nghiệp.

+ *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ *Tác động về thủ tục hành chính:* Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

**- Giải pháp 2:**

+ Tác động về hệ thống pháp luật:

Giải pháp này không gây ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành do chủ yếu liên quan đến thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại Luật Đầu tư.

+ *Tác động kinh tế - xã hội*

(i) *Đối với Nhà nước:* thúc đẩy tiến độ thực hiện các dự án thực hiện tại khu vực bảo vệ I của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt và khu vực II của di tích quốc gia đặc biệt thuộc

Danh mục di sản thế giới.

(ii) *Đối với doanh nghiệp, người dân (nhà đầu tư)*: việc phân cấp nêu trên giúp cho các chủ thể tham gia việc thực hiện quy định về thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính; góp phần đẩy nhanh tiến độ cho các dự án từ đó giúp nâng cao hiệu quả đối với quá trình thực hiện các dự án này và gia tăng hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án, đảm bảo thực hiện đồng bộ, thống nhất chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm quản lý nhà nước của UBND cấp tỉnh, phát huy được sự chủ động của địa phương trong việc phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất gắn liền với nhu cầu thực tế của địa phương, đồng thời nâng cao vai trò và trách nhiệm của địa phương trong quản lý các dự án này.

+ *Tác động về giới*: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ *Tác động về thủ tục hành chính*: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

### 3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Sau khi so sánh tác động của các giải pháp, giải pháp 2 là phương án được lựa chọn để đảm bảo đạt được mục tiêu chính sách đã đề ra.

**4. Chính sách 4: Hoàn thiện các quy định liên quan đến việc đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị khi thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư và bổ sung quy định về Quỹ hỗ trợ đầu tư**

#### 4.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Về việc thẩm định sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư, nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương bao gồm đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị...Tuy vậy, quy định này chưa xác định được cụ thể cấp độ quy hoạch đô thị, bao gồm quy hoạch chung, quy hoạch phân khu hay quy hoạch chi tiết làm cơ sở để thẩm định, đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, **đồ án quy hoạch phân khu** đã được phê duyệt là cơ sở để **xác định các dự án đầu tư xây dựng trong đô thị và lập quy hoạch chi tiết**. Như vậy, các dự án đầu tư xây dựng trong đô thị sẽ được xác định trên cơ sở đồ án quy hoạch phân khu.

Theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, đô thị loại V tương đương với thị trấn không phải lập quy hoạch phân khu (vì quy hoạch chung thị trấn được lập trên tỷ lệ 1/5000 tương đương với quy hoạch phân khu). Theo dự

thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn thì các đô thị loại III, IV, V không phải lập quy hoạch phân khu (quy hoạch phân khu sẽ được tích hợp vào quy hoạch chung). Do vậy, đối với trường hợp này, chỉ cần đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch chung.

Thực tiễn áp dụng quy định về thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư cho thấy, yêu cầu đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chi tiết tại giai đoạn chấp thuận chủ trương đầu tư là chưa thực sự phù hợp, bởi lẽ ở giai đoạn này cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ xem xét chấp thuận về mục tiêu, địa điểm, quy mô, tiến độ, thời hạn thực hiện dự án để thực hiện dự án đầu tư...

Do vậy, để tạo cơ sở pháp lý thực hiện thống nhất, thuận lợi cho nhà đầu tư trong việc thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư dự án, đề nghị bổ sung quy định hướng dẫn nội dung này theo hướng đối với quy hoạch đô thị, nội dung thẩm định phải có đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch phân khu; trường hợp dự án được đề xuất tại khu vực không phải lập quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch phân khu phải điều chỉnh và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chung.

#### b) Về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ đầu tư

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu có nhiều yếu tố bất ổn và thách thức, các quốc gia đang cạnh tranh gay gắt để ổn định, khuyến khích và thu hút đầu tư, tập trung mạnh vào lĩnh vực công nghệ cao, trong đó chú trọng các lĩnh vực đang là xu hướng của thế giới như chip, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo. Nhiều quốc gia như Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Ấn Độ, Trung Quốc, các quốc gia Châu Âu, nhiều nước trong khu vực Asean như Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan đều ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư đa dạng và hấp dẫn, áp dụng song song chính sách ưu đãi dựa trên thu nhập (miễn, giảm thuế) và ưu đãi dựa trên chi phí với các gói hỗ trợ lên đến nhiều tỷ USD. Nhờ sự phản ứng nhanh trong việc đổi mới chính sách, các quốc gia này, đặc biệt là các nước gia trong khu vực Đông Nam Á đã thu hút được các dự án quy mô rất lớn trong lĩnh vực công nghệ cao.

Tại Việt Nam, mặc dù thu hút đầu tư nước ngoài vẫn tăng trưởng qua các năm gần đây nhưng số lượng dự án quy mô vốn đầu tư lớn với hàm lượng công nghệ cao còn khiêm tốn. Trong khi đó, việc áp dụng thuế thu nhập tối thiểu toàn cầu đã làm suy giảm mạnh sức hấp dẫn trong thu hút dự án quy mô lớn, có sức lan toả. Một số doanh nghiệp đã thông báo chính thức tạm chưa triển khai hoặc sẽ cân nhắc kế hoạch đầu tư mới, mở rộng tại Việt Nam. Một số tập đoàn lớn đã đến khảo sát, nghiên cứu đầu tư, nhưng chưa lựa chọn Việt Nam hoặc chờ đợi để theo dõi phản ứng chính sách của Chính phủ.

- Thực hiện nhiệm vụ được Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương tổng kết

việc thi hành pháp luật về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư. Kết quả cho thấy:

+ Việc khuyến khích, thu hút đầu tư của Việt Nam hiện nay dựa trên chính sách ưu đãi đầu tư (miễn, giảm thuế, nghĩa vụ tài chính cho nhà đầu tư) và chính sách hỗ trợ đầu tư (nhà nước bỏ chi phí để bù đắp chi phí cho nhà đầu tư trong một số hoạt động như phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực... được quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư). Các chính sách này được áp dụng trên cơ sở tiêu chí ngành, nghề (lĩnh vực) và địa bàn khuyến khích đầu tư theo quy định tại Chương III Luật Đầu tư và Chương III Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Mức ưu đãi cụ thể đối với từng loại ưu đãi đầu tư áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán và đất đai. Các hỗ trợ đầu tư thực hiện theo từng quy định riêng của Chính phủ trên cơ sở định hướng, khả năng bố trí nguồn lực trong từng giai đoạn, thời kỳ.

+ Về cơ bản, chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư của Việt Nam có tính cạnh tranh trong khu vực. Nhờ đó, cùng với các lợi thế so sánh như: kinh tế chính trị ổn định; tăng trưởng kinh tế cao và ổn định; vị trí địa lý chiến lược; hội nhập quốc tế sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và khu vực; Chính phủ “hành động, thân thiện, đồng hành, chia sẻ” với cộng đồng doanh nghiệp; chi phí sản xuất cạnh tranh; nguồn lao động dồi dào, thị trường tiềm năng..., Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu lớn trong việc thu hút ĐTNN, với việc dòng vốn ĐTNN liên tục tăng qua các năm.

Tuy nhiên, chính sách này còn dàn trải, thiếu đa dạng, chưa bắt kịp với các chính sách tiên tiến, thông lệ quốc tế và đặc biệt là không còn tác dụng trong thu hút dự án lớn, tập đoàn đa quốc gia trong bối cảnh áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu.

Với mục tiêu thu hút vốn ĐTNN (giai đoạn 2021-2025 khoảng 150 - 200 tỉ USD, 30 - 40 tỉ USD/năm; giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 200 - 300 tỉ USD, 40 - 50 tỉ USD/năm) và trong bối cảnh cạnh tranh thu hút đầu tư hiện nay, Việt Nam cần sớm ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư mới hướng đến các dự án quy mô lớn, có sức lan toả trong lĩnh vực công nghệ cao thông qua Quỹ hỗ trợ đầu tư để tạo đột phá, có chọn lọc trong thu hút đầu tư, đảm bảo vị thế cạnh tranh; giữ chân và thu hút các Tập đoàn với chuỗi cung ứng và mạng lưới doanh nghiệp vệ tinh lớn, có ảnh hưởng và tác động lan toả lớn đến sự phát triển kinh tế-xã hội. Chính sách này cần đủ mạnh để thay thế các chính sách thu hút đầu tư bị mất hiệu lực do áp dụng thuế thu nhập tối thiểu toàn cầu; đồng thời bảo đảm yêu cầu không nhằm bù đắp cho các nhà đầu tư thuộc phạm vi áp dụng của thuế tối thiểu toàn cầu và thể hiện tinh thần “thiện chí đồng hành” của Chính phủ Việt Nam đối với nhà đầu tư trong bối cảnh tình hình quốc tế thay đổi.

Hiện nay, Chính phủ đang hoàn thiện dự thảo Nghị định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư để trình xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18 Luật Đầu tư về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ đầu tư để có thêm cơ sở pháp lý cho việc ban hành Nghị định này.

c) Về chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư chậm tiến độ

- Về việc chấm dứt hoạt động đối với dự án không thực hiện theo tiến độ

Điều 48 Luật Đầu tư đã quy định về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, trong đó bao gồm việc chấm dứt hoạt động liên quan đến tiến độ thực hiện. Tuy vậy, yêu cầu/điều kiện chấm dứt hoạt động chưa được quy định rõ ràng, đầy đủ hoặc chưa thực sự phù hợp trong một số trường hợp, cụ thể là:

Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 48, cơ quan đăng ký đầu tư chấm dứt hoạt động trong trường hợp dự án bị thu hồi đất do **không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng** theo quy định của pháp luật về đất đai.

Quy định này liên quan đến các dự án đã được giao đất, cho thuê đất, nhưng không áp dụng để chấm dứt hoạt động đối với các dự án chậm tiến độ nhiều năm do nhà đầu tư chưa triển khai thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất hoặc không phối hợp trong việc thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng để hoàn thành thủ tục đất đai, dẫn đến tình trạng “dự án treo”, dự án chậm tiến độ nhiều năm so với tiến độ tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư...

Bên cạnh đó, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 48 và khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư thì cơ quan đăng ký đầu tư chấm dứt hoạt động trong trường hợp nhà đầu tư **không thực hiện đúng nội dung** chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm mà không có khả năng khắc phục điều kiện ngừng hoạt động.

Theo quy định này, trường hợp nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không được thực hiện đúng là **tiến độ thực hiện** dự án đầu tư thì điều kiện để chấm dứt hoạt động là đã bị cơ quan nhà nước quyết định **ngừng hoạt động** mà không có khả năng khắc phục.

Tuy vậy, yêu cầu về việc ngừng hoạt động trong trường hợp này không thực sự phù hợp vì sẽ làm chậm thêm tiến độ thực hiện dự án, không giải quyết được mục tiêu/điều kiện cần khắc phục trong trường hợp dự án đã bị chậm tiến độ, dẫn đến vướng mắc khi xem xét việc khắc phục điều kiện ngừng hoạt động để chấm dứt hoạt động đối với dự án đầu tư, bởi lẽ việc khắc phục hậu quả như buộc tiếp tục thực hiện dự án đầu tư theo tiến độ tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là không khả thi sau khi bị ngừng hoạt động...

Vướng mắc nêu trên đã được nhiều địa phương<sup>6</sup> phản ánh trong quá trình rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 và trong khuôn khổ Tổ công tác đặc biệt về rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với dự án đầu tư theo Quyết định số 1242/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>6</sup> Cao Bằng, Bắc Giang, Hưng Yên, Ninh Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Bình Thuận, Trà Vinh...

Do vậy, việc sửa đổi quy định về chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư tại Điều 47 và Điều 48 Luật Đầu tư là cần thiết nhằm góp phần giải quyết tình trạng nhiều dự án không triển khai thực hiện trong nhiều năm, giải phóng nguồn lực đất đai để phát triển kinh tế - xã hội...

#### **4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Luật Đầu tư theo hướng đối với quy hoạch đô thị, nội dung thẩm định phải có đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch phân khu; trường hợp dự án được đề xuất tại khu vực không phải lập quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch phân khu phải điều chỉnh và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chung.

- Bổ sung quy định tại Khoản 3 Điều 18 Luật Đầu tư để quy định về việc thành lập Quỹ hỗ trợ đầu tư.

- Bổ sung quy định riêng về chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư chậm tiến độ. Theo đó, đối với dự án mà sau 12 tháng, nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện theo tiến độ tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được điều chỉnh tiến độ theo các trường hợp quy định tại Điều 41 của Luật Đầu tư.

#### **4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

a) Về việc thẩm định đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư theo hướng: đối với quy hoạch đô thị, nội dung thẩm định phải có đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch phân khu; trường hợp dự án được đề xuất tại khu vực không phải lập quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch phân khu phải điều chỉnh và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chung.

b) Về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ đầu tư:

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng.

- Giải pháp 2: Bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Đầu tư theo hướng căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ thành lập Quỹ Hỗ trợ đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn thu hợp pháp khác để thu hút nhà đầu tư chiến lược, tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ doanh nghiệp trong nước đối với một số ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

Chính phủ quy định về mô hình hoạt động, địa vị pháp lý, nguồn ngân sách cấp hàng năm và bổ sung cho Quỹ, hình thức hỗ trợ chi phí của Quỹ, cơ chế bồi



hoàn hỗ trợ và các chính sách đặc thù khác của Quỹ sau khi báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi ban hành.

c) Về việc chấm dứt hoạt động của dự án

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng.

- Giải pháp 2:

+ Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 47 như sau:

*“đ) Nhà đầu tư không thực hiện đúng nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm, **trừ trường hợp không thực hiện theo đúng tiến độ tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại điểm a1 khoản 2 Điều 48**”.*

+ Bổ sung điểm a1 vào sau điểm a khoản 2 Điều 48 như sau:

*“a1) Sau 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc tiến độ tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh mà nhà đầu tư vẫn không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện;”*

#### **4.4. Đánh giá tác động các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động của chính sách và đối tượng khác có liên quan**

a) Về việc thẩm định sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị

- Giải pháp 1:

+ Tác động về hệ thống pháp luật:

Giải pháp này không gây ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành do chủ yếu liên quan đến nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án tại Luật Đầu tư.

+ *Tác động kinh tế - xã hội*

(i) *Đối với Nhà nước:* cơ quan nhà nước chưa có cơ sở pháp lý để xác định được cụ thể cấp độ quy hoạch đô thị, bao gồm quy hoạch chung, quy hoạch phân khu hay quy hoạch chi tiết làm cơ sở để thẩm định, đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư, làm chậm quá trình chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

(ii) *Đối với doanh nghiệp, người dân (nhà đầu tư):* việc chưa quy định cụ thể cấp độ quy hoạch yêu cầu phải đánh giá sự phù hợp trong quá trình chấp thuận chủ trương khiến nhà đầu tư gặp khó khăn trong việc chuẩn bị hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư, tiêu tốn thời gian, nguồn lực tài chính và có thể dẫn đến mất cơ hội đầu tư của nhà đầu tư.

+ *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ *Tác động về thủ tục hành chính*: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- Giải pháp 2:

+ Tác động về hệ thống pháp luật:

Giải pháp này không gây ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành do chủ yếu liên quan đến nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án tại Luật Đầu tư.

+ *Tác động kinh tế - xã hội*

(i) *Đối với Nhà nước*: đẩy nhanh quá trình thẩm định sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị. (ii) *Đối với doanh nghiệp, người dân* (nhà đầu tư): tạo cơ sở pháp lý minh bạch, giúp nhà đầu tư thuận lợi trong việc chuẩn bị hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư, tiết kiệm được thời gian và nguồn lực tài chính trong quá trình này.

+ *Tác động về giới*: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ *Tác động về thủ tục hành chính*: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

b) Về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ đầu tư:

- Giải pháp 1:

+ Tác động về hệ thống pháp luật:

Giải pháp này không gây ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

+ *Tác động kinh tế - xã hội*

(i) *Đối với Nhà nước*: cơ quan nhà nước chưa có cơ sở pháp lý trong việc thu hút đầu tư vào một số ngành, lĩnh vực quan trọng.

(ii) *Đối với doanh nghiệp, người dân* (nhà đầu tư): Tại Việt Nam, mặc dù thu hút đầu tư nước ngoài vẫn tăng trưởng qua các năm gần đây nhưng số lượng dự án quy mô vốn đầu tư lớn với hàm lượng công nghệ cao còn khiêm tốn<sup>7</sup>. Trong khi đó, việc áp dụng thuế thu nhập tối thiểu toàn cầu đã làm suy giảm mạnh sức hấp dẫn trong thu hút dự án quy mô lớn, có sức lan toả. Một số doanh

<sup>7</sup> Hiện nay, Việt Nam thu hút được 108 dự án ĐTNN có quy mô vốn đầu tư trên 500 triệu USD; trong đó chỉ có 27 dự án trong lĩnh vực công nghệ cao. Riêng trong giai đoạn từ 2013 đến nay, chỉ có 56 dự án quy mô lớn trên 500 triệu USD, trung bình chưa đến 5 dự án/năm.

nghiệp đã thông báo chính thức<sup>8</sup> tạm chưa triển khai hoặc sẽ cân nhắc kế hoạch đầu tư mới, mở rộng tại Việt Nam. Một số tập đoàn lớn đã đến khảo sát, nghiên cứu đầu tư, nhưng chưa lựa chọn Việt Nam hoặc chờ đợi để theo dõi phản ứng chính sách của Chính phủ.

+ *Tác động về giới*: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ *Tác động về thủ tục hành chính*: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- Giải pháp 2:

+ Tác động về hệ thống pháp luật:

Giải pháp này không gây ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành do chỉ liên quan đến việc thành lập Quỹ hỗ trợ đầu tư.

+ *Tác động kinh tế - xã hội*

(i) *Đối với Nhà nước*: cơ quan nhà nước có cơ sở pháp lý trong việc thu hút đầu tư vào một số ngành, lĩnh vực quan trọng, cho phép sử dụng ngân sách nhà nước để hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp trong các lĩnh vực này.

(ii) *Đối với doanh nghiệp, người dân (nhà đầu tư)*: ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư.

+ *Tác động về giới*: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ *Tác động về thủ tục hành chính*: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

c) Về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư

- Giải pháp 1:

+ Tác động về hệ thống pháp luật:

Giải pháp này không gây ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành do chủ yếu liên quan đến nội dung chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư tại Luật Đầu tư.

+ *Tác động kinh tế - xã hội*

(i) *Đối với Nhà nước*: Khó khăn trong việc chấm dứt hoạt động đối với các

<sup>8</sup> Tập đoàn Samsung, LG, Intel...

Tuy đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần quan trọng vào quá trình cải thiện, tăng cường khả năng cạnh tranh của môi trường đầu tư kinh

### 5.1. Xác định vấn đề

5. Chính sách 5: Quy định trình tự, thủ tục đầu tư đặc biệt cho các dự án đầu tư vào một số lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư

Sau khi so sánh tác động của các giải pháp, giải pháp 2 là phương án được lựa chọn để đảm bảo đạt được mức tiêu chính sách đã đề ra.

### 4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

tục hành chính.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ

được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của môi giới do chính sách

doanh nghiệp, nhà đầu tư mới gia nhập thị trường được tiếp cận nguồn lực này;

lực dài của các dự án đã bị chậm tiến độ trong nhiều năm là cơ hội cho các

(ii) Đối với doanh nghiệp, người dân (nhà đầu tư): việc giải phóng nguồn

kinh tế - xã hội...;

(i) Đối với Nhà nước: góp phần giải quyết tình trạng nhiều dự án không

triển khai thực hiện trong nhiều năm, giải phóng nguồn lực dài để phát triển

+ Tác động kinh tế - xã hội

đầu tư tại Luật Đầu tư.

luật hiện hành do chủ yếu liên quan đến nội dung chậm dứt hoạt động của dự án

Giải pháp này không gây ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp

+ Tác động về hệ thống pháp luật:

- Giải pháp 2:

tục hành chính

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ

được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của môi giới do chính sách

tư có thể sẽ lợi dụng giải pháp này để tiếp tục chậm triển khai dự án đầu tư.

(ii) Đối với doanh nghiệp, người dân (nhà đầu tư): doanh nghiệp, nhà đầu

trung đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư...;

trung đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư...;

trung đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư...;

trung đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư...;

doanh, khai thông, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển nhưng thủ tục về đầu tư nhìn chung vẫn còn hạn chế. Thủ tục đầu tư không chỉ được quy định trong Luật Đầu tư mà còn được quy định trong nhiều luật khác nhau như đất đai, xây dựng, môi trường, chuyên giao công nghệ, phòng cháy chữa cháy... Việc thực hiện thủ tục về đầu tư kéo dài qua nhiều bước, nhiều khâu liên quan đến quy định của pháp luật trong nhiều lĩnh vực khác nhau chưa đáp ứng được yêu cầu mới đặt ra trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt trong việc thu hút các nhà đầu tư chiến lược, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghiệp bán dẫn, công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo,... Ở một số quốc gia, ngoài việc hoàn thiện các chính sách ưu đãi đầu tư, việc nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc thu hút các nhà đầu tư chiến lược trên cơ sở áp dụng các thủ tục hành chính đặc biệt đã và đang được thực hiện ở các mức độ khác nhau ...

Tại Việt Nam, việc thu hút các nhà đầu tư chiến lược trong một số lĩnh vực như xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư nghiên cứu và hỗ trợ chuyên giao công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới, năng lượng sạch... đã được áp dụng trong các Nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù tại một số địa phương như TP. Hồ Chí Minh, Khánh Hòa, Đà Nẵng, ... Tuy nhiên, các dự án nói trên vẫn thực hiện theo các thủ tục đầu tư thông thường theo quy định của pháp luật về đầu tư, đấu thầu, đất đai, xây dựng, môi trường, phòng cháy chữa cháy...

Trên thực tế, nhiều nhà đầu tư chiến lược trong các lĩnh vực công nghệ cao đang đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư và xúc tiến các dự án đầu tư có quy mô lớn tại Việt Nam. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt như hiện nay, việc áp dụng thủ tục đầu tư hiện hành đối với các trường hợp này có thể làm mất đi cơ hội trong việc thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào các lĩnh vực cần ưu tiên thu hút đầu tư.

Theo đó, thời gian thực hiện các thủ tục về đất đai, xây dựng, môi trường, chuyên giao công nghệ, phòng cháy chữa cháy thường mất nhiều thời gian. Mỗi thủ tục lại có yêu cầu riêng về hồ sơ, trình tự và thời gian, một số thủ tục lại quy định nhiều bước thực hiện (thủ tục xây dựng), một số thủ tục phải thực hiện tuần tự, kết quả của thủ này là đầu vào của thủ tục khác. Tính trung bình, thời gian để thực hiện đầy đủ các thủ tục nêu trên kéo dài từ khoảng 250 ngày đến 350 ngày. Trên thực tế, thời gian thực hiện thủ tục có thể kéo dài hơn do độ trễ vì phải hoàn thiện các hồ sơ và tài liệu có liên quan.

Do vậy, cần xây dựng, bổ sung quy định về quy trình, thủ tục đầu tư đặc biệt nhằm rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục đối với các dự án này nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao..., các lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư, nhất là các nhà đầu tư chiến lược là cần thiết và cấp bách.

### **5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:**

Đơn giản hoá trình tự, thủ tục đầu tư, rút ngắn thời gian triển khai thực hiện dự án đầu tư để tập trung thu hút các nhà đầu tư chiến lược trong các lĩnh vực như công nghệ cao, nghiên cứu và phát triển, công nghiệp mạch tích hợp bán dẫn, công nghệ thiết kế, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip, pin công nghệ mới, vật liệu mới, công nghiệp năng lượng sạch..., các dự án thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

### **5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

Về thủ tục đầu tư đặc biệt

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung quy định hiện hành về thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư để áp dụng đối với các dự án đầu tư cần đặc biệt thu hút đầu tư theo hướng tích hợp việc thực hiện thủ tục thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với thủ tục đánh giá tác động môi trường, cấp phép xây dựng, chứng nhận PCCC...

- Giải pháp 3: Bổ sung một Điều riêng quy định về đối tượng áp dụng, hồ sơ, nội dung đánh giá hồ sơ, trình tự thủ tục đăng ký đầu tư, các loại giấy tờ, thủ tục khác mà nhà đầu tư không phải thực hiện sau khi đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đặc biệt.

### **5.4. Đánh giá tác động các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động của chính sách và đối tượng khác có liên quan**

- Giải pháp 1:

+ Tác động về hệ thống pháp luật:

Giải pháp này không gây ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành do chủ yếu liên quan đến thủ tục đầu tư quy định tại Luật Đầu tư.

+ Tác động kinh tế - xã hội

(i) *Đối với Nhà nước*: Không thu hút được các nhà đầu tư chiến lược trong các lĩnh vực như công nghệ cao, nghiên cứu và phát triển, công nghiệp mạch tích hợp bán dẫn, công nghệ thiết kế, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip, pin công nghệ mới, vật liệu mới, công nghiệp năng lượng sạch..., các dự án thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư do chưa có cơ chế thông thoáng thuận lợi để nhà đầu tư thực hiện, đồng thời các cơ quan nhà nước phải thực hiện nhiều thủ tục khác nhau trong quá trình nhà đầu tư thực hiện dự án như thẩm định, cấp phép môi trường, PCCC, xây dựng, đất đai, chuyển giao công nghệ.

(ii) *Đối với doanh nghiệp, người dân (nhà đầu tư)*: doanh nghiệp, nhà đầu tư phải tiêu tốn thời gian, nhân lực, tài chính trong việc thực hiện thủ tục hành

chính do ngoài việc thực hiện thủ tục đầu tư còn phải thực hiện nhiều thủ tục có liên quan khác như đánh giá tác động môi trường, PCCC, xây dựng...

+ *Tác động về giới*: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt về giới.

+ *Tác động về thủ tục hành chính*: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính

- Giải pháp 2:

+ Tác động về hệ thống pháp luật:

Giải pháp này có tác động đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành do tích hợp một phần hoặc toàn bộ các thủ tục liên quan đến đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, chuyển giao công nghệ, phòng cháy chữa cháy để thực hiện đồng thời trong thủ tục đầu tư.

Trong trường hợp này, thủ tục đầu tư đặc biệt sẽ được thiết kế một cách đồng bộ từ khâu lựa chọn nhà đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư và triển khai thực hiện dự án. Tuy nhiên, do có liên quan đến các thủ tục được quy định ở nhiều luật khác nhau nên sẽ phát sinh một số vấn đề rất phức tạp. Việc thiết kế thủ tục đầu tư đặc biệt theo hướng tích hợp, thực hiện đồng thời các thủ tục có liên quan có thể rút ngắn tổng thời gian để đưa dự án vào triển khai thực hiện nhưng sẽ làm tăng nội dung về thủ tục và kéo dài thời gian ở ngay những khâu đầu tiên là khâu chuẩn bị hồ sơ (nhà đầu tư) và khâu thẩm định, chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư (cơ quan nhà nước).

+ *Tác động kinh tế - xã hội*

(i) *Đối với Nhà nước*: tăng thời gian và nội dung thẩm định dự án do phải chấp thuận đồng thời các nội dung theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, chuyển giao công nghệ, phòng cháy chữa cháy.

(ii) *Đối với doanh nghiệp, người dân (nhà đầu tư)*: tăng thành phần hồ sơ, tăng nội dung chuẩn bị và kéo dài thời gian thực hiện ngay ở những giai đoạn đầu tiên.

+ *Tác động về giới*: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ *Tác động về thủ tục hành chính*: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- Giải pháp 3:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Giải pháp này sẽ có thể tạo ra sự không thống nhất giữa pháp luật đầu tư với pháp luật đất đai, bảo vệ môi trường, xây dựng, chuyển giao công nghệ, phòng cháy chữa cháy... vì sau khi được cấp Giấy

chúng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đặc biệt nhà đầu tư không phải thực hiện các thủ tục này mà lẽ ra các dự án đầu tư thông thường khác có thể phải thực hiện. Tuy nhiên, do thủ tục đầu tư đặc biệt chỉ áp dụng trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu chức năng trong khu kinh tế nên phạm vi tác động hẹp và có khả năng kiểm soát, hạn chế được những xung đột và rủi ro phát sinh.

+ *Tác động kinh tế - xã hội*

(i) *Đối với Nhà nước*: Tăng cường công tác hậu kiểm của các cơ quan chức năng đối với loại dự án này nhưng giảm bớt các thủ tục hành chính mà nhà nước có thể phải thực hiện như đối với các loại dự án khác.

(ii) *Đối với doanh nghiệp, người dân (nhà đầu tư)*: giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục đầu tư nhưng đồng thời tăng trách nhiệm của nhà đầu tư khi phải cam kết nhiều nội dung phải thực hiện liên quan đến đất đai, bảo vệ môi trường, xây dựng, chuyển giao công nghệ, phòng cháy chữa cháy. Tuy nhiên tác động phù hợp với chủ trương chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, chuyển từ cơ chế xin - cho sang cơ chế đăng ký trên cơ sở tang cường trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp và trách nhiệm hậu kiểm của các cơ quan quản lý nhà nước.

+ *Tác động về giới*: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ *Tác động về thủ tục hành chính*: Để thực hiện các thủ tục có liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư như hiện nay, nhà đầu tư phải thực hiện một cách liên tục và tuần tự các thủ tục về đất đai, bảo vệ môi trường, xây dựng, chuyển giao công nghệ, phòng cháy chữa cháy thì phải mất thời gian từ khoảng 250 ngày đến 350 ngày, chưa kể độ trễ của các thủ tục (nhà đầu tư phải lập và hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền) thì thời hạn thực hiện thủ tục có thể kéo dài hơn. Việc thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt sẽ rút ngắn thời gian cấp Giấy chứng nhận ĐKĐT chỉ còn 15 ngày (giảm hơn 20 lần nếu thực hiện theo thủ tục thông thường khi nhà đầu tư không được miễn các thủ tục khác).

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư có thể triển khai thực hiện dự án ngay theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các nội dung đã cam kết mà không phải thực hiện các thủ tục để được cấp các loại giấy phép, văn bản phê duyệt, chấp thuận, thỏa thuận và các yêu khác theo quy định của pháp luật về đất đai, bảo vệ môi trường, xây dựng, chuyển giao công nghệ, phòng cháy chữa cháy. Việc chậm triển khai thực hiện và đưa dự án vào hoạt động hoàn toàn thuộc về trách nhiệm của nhà đầu tư. Điều này cho phép xác định rõ trách nhiệm và là cơ sở để thực hiện các thủ tục xử phạt, tạm ngừng hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư không thực hiện đúng Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các nội dung đã cam kết, góp phần xử lý các



“dự án treo”, giải phóng và khai thông các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

### **5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Sau khi so sánh tác động của các giải pháp, giải pháp 3 là phương án được lựa chọn để đảm bảo đạt được mục tiêu chính sách đã đề ra.

**6. Về Chính sách 6 (trước đây là chính sách 5) – Mở rộng, đa dạng hóa lĩnh vực, hình thức, phương thức thực hiện dự án PPP; hoàn thiện cơ chế tài chính đối với dự án PPP nhằm tối đa hóa nguồn lực từ khu vực tư nhân, bảo đảm phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công**

#### **6.1. Về lĩnh vực đầu tư:**

##### **a) Xác định vấn đề:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật PPP, dự án đầu tư theo phương thức PPP được thực hiện trong 05 lĩnh vực, gồm: giao thông vận tải; lưới điện, nhà máy điện; thủy lợi, cung cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải, xử lý chất thải; y tế, giáo dục - đào tạo và hạ tầng công nghệ thông tin.

Tuy nhiên, đến nay, dự án PPP chỉ tập trung vào 03 lĩnh vực, gồm: giao thông vận tải (22 dự án đường bộ cao tốc, 03 dự án cảng hàng không, chiếm khoảng 80 % tổng số dự án PPP mới), xử lý rác thải (03 dự án, chiếm khoảng 10%) và cung cấp nước sạch (03 dự án, chiếm khoảng 10%). Trong lĩnh vực y tế, có 02 dự án bắt đầu được UBND Thành phố Đà Nẵng và UBND tỉnh Yên Bái nghiên cứu đề xuất triển khai theo phương thức PPP.

Bên cạnh đó, một số Bộ, ngành, địa phương có tiềm năng và điều kiện thu hút đầu tư theo phương thức PPP trong một số lĩnh vực khác, nhưng lại chưa được quy định tại Luật PPP. Trên thực tế, một số địa phương đã được áp dụng phương thức PPP đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao, đầu tư xây dựng chợ... theo các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm áp dụng cơ chế đặc thù phát triển của địa phương (như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng).

b) Mục tiêu giải quyết: Đa dạng hoá các lĩnh vực có tiềm năng và phù hợp với nhu cầu, điều kiện thu hút đầu tư theo phương thức PPP của một số ngành, địa phương.

##### **c) Giải pháp đề xuất:**

- Giải pháp 1: Xem xét sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật PPP về lĩnh vực đầu tư theo hướng không hạn chế các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP.

- Giải pháp 2: Xem xét sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật PPP về lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP để bổ sung một số lĩnh vực như: văn hoá, thể thao, hạ tầng chợ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước.

- Giải pháp 3: Xem xét sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật PPP về lĩnh vực đầu tư theo hướng không hạn chế các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP, trừ các dự án thuộc trường hợp Nhà nước độc quyền theo quy định của pháp luật

quản lý ngành, lĩnh vực hoặc dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dự án PPP được khuyến khích thực hiện đối với tất cả các dự án đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

- Giải pháp 1:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Có tác động đến các Luật đã sửa đổi, bổ sung Luật PPP về quy định lĩnh vực, gồm Luật Tài nguyên nước, Luật Thủ đô. Ngoài ra, có thể có tác động đến một số pháp luật chuyên ngành quy định lĩnh vực thuộc độc quyền Nhà nước hoặc lĩnh vực quốc phòng, an ninh thì không thu hút đầu tư tư nhân.

+ Tác động kinh tế - xã hội: Chính sách này sẽ giúp nâng cao hiệu quả sử dụng các công trình, dịch vụ, góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính

- Giải pháp 2:

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách này giúp bổ sung cơ chế cho một số lĩnh vực đầu tư PPP nhằm đồng bộ hoá các quy định tại một số Luật được ban hành và Nghị quyết đặc thù của các địa phương.

+ Tác động kinh tế-xã hội:

(i) Đối với Nhà nước và doanh nghiệp: Khi sửa đổi Luật PPP theo hướng sẽ đáp ứng được mục tiêu vừa quản lý chặt chẽ, có hiệu quả việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển góp phần làm tăng tính minh bạch, hiệu quả kinh tế, xã hội.

(ii) Đối với người dân: Chính sách này sẽ giúp nâng cao hiệu quả sử dụng các công trình, dịch vụ, góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- Giải pháp 3:

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Tạo cơ sở pháp lý để các Bộ, ngành,

địa phương chủ động, linh hoạt khi lựa chọn dự án để đầu tư theo phương thức PPP. Có tác động đến các Luật đã sửa đổi, bổ sung Luật PPP về quy định lĩnh vực, gồm Luật Tài nguyên nước, Luật Thủ đô tương tự như giải pháp 1 nên cần có quy định bãi bỏ các nội dung liên quan đến lĩnh vực đầu tư PPP tại các Luật này; đồng thời bổ sung quy định loại trừ lĩnh vực thuộc độc quyền Nhà nước hoặc lĩnh vực quốc phòng, an ninh thì không áp dụng PPP.

+ Tác động kinh tế-xã hội:

(i) Đối với Nhà nước và doanh nghiệp: Khi sửa đổi Luật PPP theo hướng này sẽ đáp ứng được mục tiêu thu hút tối đa nguồn lực ngoài ngân sách. Tuy nhiên, việc không hạn chế lĩnh vực có thể dẫn đến tình trạng đầu tư tràn lan các lĩnh vực khiến nguồn lực đầu tư bị phân tán, không phát huy được hiệu quả đầu tư.

(ii) Đối với người dân: Chính sách này sẽ giúp nâng cao hiệu quả sử dụng các công trình, dịch vụ, góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Sau khi so sánh tác động của các giải pháp, giải pháp 3 là phương án được lựa chọn để đảm bảo đạt được mục tiêu chính sách đã đề ra.

## 6.2. Về quy mô đầu tư

a) Xác định vấn đề:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật PPP, quy mô vốn đầu tư tối thiểu để thực hiện dự án trong lĩnh vực giao thông vận tải; lưới điện, nhà máy điện<sup>9</sup>; thủy lợi; cung cấp nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý chất thải; hạ tầng công nghệ thông tin là 200 tỷ đồng. Riêng dự án trong lĩnh vực y tế, giáo dục – đào tạo và dự án thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì tổng mức đầu tư tối thiểu là 100 tỷ đồng.

Thực tiễn thu hút đầu tư của một số Bộ, ngành, địa phương cho thấy, hạn mức vốn này là khá cao đối với lĩnh vực y tế, giáo dục, chưa tạo cơ chế mở, thông thoáng để huy động tối đa nguồn lực từ khu vực tư nhân phù hợp với điều kiện của từng ngành, địa phương, nhất là đối với các dự án có quy mô nhỏ,

<sup>9</sup> Trừ nhà máy thủy điện và các trường hợp Nhà nước độc quyền theo quy định của Luật Điện lực.

nhưng địa phương có nhu cầu đầu tư và thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư do có khả năng kinh doanh.

b) Mục tiêu giải quyết: Quy định mức quy mô đầu tư tối thiểu phù hợp với điều kiện đặc thù của dự án trong từng lĩnh vực cụ thể.

c) Giải pháp đề xuất:

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng.

- Giải pháp 2: Xem xét sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật PPP theo hướng hạ mức quy mô tối thiểu đối với các dự án này xuống 50 tỷ đồng đối với:

+ Dự án trong lĩnh vực y tế, giáo dục – đào tạo, văn hoá, thể thao, hạ tầng chợ, hạ tầng công nghệ thông tin;

+ Dự án thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Giải pháp 3: Xem xét bãi bỏ quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật PPP về hạn mức quy mô tối thiểu để các cơ quan chủ động, linh hoạt khi áp dụng phương thức PPP trong từng dự án cụ thể

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

- Giải pháp 1:

+ Tác động về hệ thống pháp luật:

Giải pháp này sẽ gây thiếu đồng bộ với quy định của Luật Thủ đô và một số Nghị quyết đặc thù (Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Nghệ An).

+ Tác động kinh tế - xã hội: Chính sách này gây hạn chế việc thu hút đầu tư theo phương thức PPP vào một số dự án quy mô nhỏ nhưng có tác động lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, đặc biệt là các lĩnh vực an sinh xã hội và dự án thực hiện tại các địa bàn kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính

- Giải pháp 2:

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách này bảo đảm sự đồng bộ với quy định của Luật Thủ đô và một số Nghị quyết đặc thù (Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Nghệ An).

+ Tác động về kinh tế - xã hội:



(i) Đối với Nhà nước và doanh nghiệp: Khi sửa đổi Luật PPP theo hướng này sẽ khắc phục được vướng mắc đối với một số lĩnh vực hạ tầng xã hội (thường có quy mô nhỏ hơn so với lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật), đồng thời bảo đảm dự án có quy mô vốn đủ lớn để đầu tư, tạo tác động lan tỏa, hạn chế đầu tư dàn trải, phân tán nguồn lực.

(ii) Đối với người dân (nhà đầu tư): Chính sách này hạn chế thu hút đầu tư tư nhân vào các dự án có quy mô nhỏ tại các địa phương

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính

- Giải pháp 3:

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách này giúp linh hoạt tối đa quy mô đầu tư các dự án theo phương thức PPP nhằm tạo điều kiện thu hút đầu tư theo phương thức PPP của tất cả các ngành, phù hợp với định hướng phát triển địa phương. Tuy nhiên, việc không quy định quy mô tối thiểu có thể dẫn đến tình trạng đầu tư tràn lan các lĩnh vực khiến nguồn lực đầu tư bị phân tán, không tạo động lực phát triển mà có thể dẫn đến lãng phí nguồn lực.

+ Tác động về kinh tế - xã hội:

(i) Đối với Nhà nước và doanh nghiệp: Tạo tính chủ động, linh hoạt cho các Bộ, ngành, địa phương khi lựa chọn dự án để áp dụng phương thức đầu tư PPP, đặc biệt là các dự án quy mô nhỏ có tiềm năng.

(ii) Đối với người dân: Chính sách này bảo đảm thu hút đầu tư theo phương thức PPP vào cả các dự án quy mô nhỏ nhưng có tác động lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Sau khi so sánh tác động của các giải pháp, giải pháp 3 là phương án được lựa chọn để đảm bảo đạt được mục tiêu chính sách đã đề ra.

### **6.3. Về loại hợp đồng BT**

a) Xác định vấn đề:

Từ năm 1997 đến nay, quy định của pháp luật về loại hợp đồng BT có

nhiều thay đổi, đặc biệt là về hình thức thanh toán, cụ thể là:

- Trước năm 2014, áp dụng cả hai hình thức thanh toán bằng tiền và bằng quỹ đất theo Nghị định 108/2009/NĐ-CP;

- Kể từ năm 2014, dừng thực hiện hình thức thanh toán bằng tiền theo Nghị quyết 01 của Chính phủ và Nghị định 15/2015/NĐ-CP;

- Kể từ năm 2018, hình thức thanh toán bằng quỹ đất theo cơ chế ngang giá được luật hoá tại Luật Quản lý và sử dụng tài sản công;

- Kể từ năm 2021, hợp đồng BT không áp dụng đối với dự án đầu tư mới.

Việc dừng thực hiện dự án BT theo Luật PPP xuất phát từ những bất cập của việc thực hiện loại hợp đồng này, như: *một số dự án không có mục tiêu đầu tư phù hợp, không cần thiết; giá trị công trình BT được xác định không chính xác, đa số dự án có suất đầu tư cao hơn so với dự án sử dụng vốn đầu tư công; việc lựa chọn nhà đầu tư chủ yếu được thực hiện thông qua hình thức chỉ định thầu không cạnh tranh; công tác giám sát bị xem nhẹ dẫn đến chất lượng công trình không bảo đảm...*

Mặc dù còn tồn tại một số bất cập nhưng theo đánh giá của nhiều Bộ, ngành, địa phương, các dự án BT được thực hiện trong thời gian trước khi Luật PPP có hiệu lực thi hành vẫn có một số đóng góp nhất định trong việc hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng tại các địa phương, huy động được nguồn lực của khu vực tư nhân, giúp giảm áp lực về vốn đầu tư công. Bên cạnh đó, các dự án đối ứng được thanh toán đầu tư cũng góp phần đáng kể cho việc cải thiện cơ sở hạ tầng về nhà ở, dịch vụ, hình thành các đô thị mới, khu dân cư mới...

Do vậy, nếu mô hình này được nghiên cứu kỹ lưỡng để đổi mới toàn diện, khắc phục tối đa những bất cập của giai đoạn trước thì vẫn có thể phát huy được hiệu quả. Hiện nay, Quốc hội đã cho phép 03 địa phương được thí điểm triển khai loại hợp đồng BT, gồm: Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hà Nội và Nghệ An. Tuy nhiên, cách thức áp dụng còn chưa thống nhất, tùy thuộc vào điều kiện đặc thù của từng địa phương, cụ thể là:

- Thành phố Hồ Chí Minh được áp dụng cơ chế BT thanh toán bằng tiền (sử dụng ngân sách Thành phố).

- Nghệ An được áp dụng cơ chế BT thanh toán bằng tiền (sử dụng ngân sách nhà nước hoặc tiền thu từ đấu giá tài sản công, đấu giá quyền sử dụng đất).

- Thành phố Hà Nội được áp dụng cơ chế BT thanh toán bằng tiền (ngân sách thành phố) hoặc thanh toán bằng quỹ đất.

b) Mục tiêu giải quyết: Hoàn thiện cơ chế thực hiện loại hợp đồng loại hợp đồng BT

c) Giải pháp đề xuất:

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng

- Giải pháp 2: Áp dụng Hợp đồng BT thanh toán cho nhà đầu tư bằng tiền theo hướng:

+ Cơ quan có thẩm quyền căn cứ thiết kế kỹ thuật để xác định tổng mức đầu tư của công trình BT (trong đó gồm chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng và lợi nhuận hợp lý của nhà đầu tư), làm cơ sở để tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư đề xuất giá trị công trình BT tiết kiệm nhất được xét duyệt trúng thầu.

+ Sau khi công trình hoặc hạng mục công trình được nghiệm thu theo quy định, cơ quan có thẩm quyền thanh toán cho nhà đầu tư.

+ Nguồn thanh toán phải được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để có cơ sở thanh toán hoặc được chi trả trực tiếp cho nhà đầu tư dự án BT từ nguồn tiền thu được từ đấu giá tài sản công. Trường hợp tổ chức đấu giá tài sản công, nhà đầu tư xây dựng công trình dự án BT được ưu đãi khi tham gia đấu giá.

- Giải pháp 3: Áp dụng Hợp đồng BT thanh toán cho nhà đầu tư bằng tiền và bằng quỹ đất (không phải đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp), theo hướng:

\* Đối với hợp đồng BT thanh toán bằng tiền

+ Xác định tổng mức đầu tư dự án BT căn cứ thiết kế kỹ thuật (tránh việc nâng khống giá trị công trình);

+ Phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư;

+ Thời hạn và tiến độ thanh toán bằng tiền phải được bảo đảm (thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm hoặc từ nguồn thu được từ đấu giá đất).

\* Đối với hợp đồng BT thanh toán bằng quỹ đất

+ Tương tự BT thanh toán bằng tiền, phải xác định tổng mức đầu tư dự án BT căn cứ thiết kế kỹ thuật và tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

+ Quỹ đất thanh toán phải được xác định cụ thể về vị trí, diện tích, giá trị dự kiến tại các thời điểm: lập báo cáo khả thi, ký kết hợp đồng và thời điểm thanh toán.

+ Tại thời điểm thanh toán, cho phép áp dụng cơ chế bù trừ chênh lệch giữa giá trị BT và giá trị quỹ đất.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

- Giải pháp 1:

+ Tác động về hệ thống pháp luật:

Giải pháp này không gây ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành do Luật PPP quy định dùng thực hiện dự án BT mới. Tuy nhiên,

chính sách này khiến hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ do quy định tại một số Luật được ban hành và Nghị quyết đặc thù của các địa phương đã cho phép áp dụng dự án BT.

+ Tác động kinh tế - xã hội: Trong bối cảnh nguồn lực ngân sách hạn chế, dự án không áp dụng được các loại hợp đồng PPP khác để huy động vốn tư nhân, giải pháp này không hỗ trợ xử lý tình trạng này.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính

- Giải pháp 2:

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp giúp đồng bộ hệ thống pháp luật do một số Luật được ban hành và Nghị quyết đặc thù của các địa phương đã cho phép áp dụng dự án BT. Tuy nhiên, trường hợp áp dụng hình thức thanh toán bằng nguồn thu từ tiền đấu giá tài sản công, cần xem xét, sửa đổi bổ sung Luật Ngân sách nhà nước để cho phép áp dụng cơ chế tiền thu được từ bán đấu giá được chi trả trực tiếp cho nhà đầu tư dự án BT mà không phải nộp về ngân sách nhà nước và giao Bộ Tài chính quy định chi tiết việc ghi thu, ghi chi trong trường hợp này.

+ Tác động về kinh tế - xã hội:

(i) Đối với Nhà nước và doanh nghiệp: Khắc phục được hầu hết bất cập của loại hợp đồng BT thanh toán bằng tiền trong giai đoạn trước, cụ thể: xác định chính xác tổng mức đầu tư công trình BT trên cơ sở thiết kế kỹ thuật (tương tự như công trình đầu tư công); nhà đầu tư được lựa chọn thông qua đấu thầu rộng rãi, không áp dụng chỉ định thầu; nguồn thanh toán phải được xác định trước (trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm hoặc tài sản công sẽ tổ chức đấu giá).

Giải pháp tác động đến ngân sách nhà nước khi cho phép áp dụng thanh toán bằng ngân sách nhà nước, nhưng đem lại hiệu quả đầu tư cho Nhà nước khi tận dụng được nguồn vốn tư nhân để có công trình ngay, sau đó cân đối, bố trí ngân sách theo kế hoạch để thanh toán dần cho nhà đầu tư.

(ii) Đối với người dân: Chính sách này giúp cải thiện cơ sở hạ tầng về nhà ở, dịch vụ, hình thành các đô thị mới, khu dân cư mới...

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Chính sách này không làm



phát sinh thủ tục hành chính.

- Giải pháp 3:

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp giúp đồng bộ hệ thống pháp luật do một số Luật được ban hành và Nghị quyết đặc thù của các địa phương đã cho phép áp dụng dự án BT.

Giải pháp tác động đến Luật Ngân sách nhà nước để cho phép áp dụng cơ chế tiền thu được từ bán đấu giá được chi trả trực tiếp cho nhà đầu tư dự án BT mà không phải nộp về ngân sách nhà nước và giao Bộ Tài chính quy định chi tiết việc ghi thu, ghi chi trong trường hợp này. Tác động đến Luật Đất đai năm 2024 để bổ sung trường hợp được giao đất, cho thuê đất cho nhà đầu tư thực hiện dự án BT.

+ Tác động về kinh tế - xã hội:

Đối với hình thức BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước, tác động về kinh tế - xã hội tương tự như giải pháp 2. Đối với hình thức BT thanh toán bằng quỹ đất, tác động về kinh tế - xã hội có thể kể đến:

(i) Đối với Nhà nước và doanh nghiệp: Tạo cơ sở pháp lý để huy động thêm nguồn lực từ đất đai cho đầu tư phát triển. Tuy nhiên, mặc dù đã đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục bất cập của loại hợp đồng BT thanh toán bằng quỹ đất như trên, nhưng chưa có giải pháp để xử lý phần chênh lệch giữa giá trị công trình BT và giá trị quỹ đất ở các thời điểm khác nhau.

(ii) Đối với người dân: Chính sách này giúp cải thiện cơ sở hạ tầng về nhà ở, dịch vụ, hình thành các đô thị mới, khu dân cư mới...

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

+ Chi phí phát sinh: Giải pháp này có thể phát sinh thêm chi phí liên quan đến việc sửa đổi bổ sung Luật Đất đai năm 2024.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Sau khi so sánh tác động của các giải pháp, giải pháp 3 là phương án được lựa chọn để đảm bảo đạt được mục tiêu chính sách đã đề ra.

#### **6.4. Về loại hợp đồng BOT đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình hiện hữu**

a) Xác định vấn đề:

Theo Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các dự án đường bộ đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT chỉ áp dụng đối

với các tuyến đường mới để bảo đảm quyền lựa chọn cho người dân, không đầu tư các dự án cải tạo, nâng cấp các tuyến đường độc đạo hiện hữu.

Trên cơ sở đó, Luật PPP (khoản 4 Điều 45) quy định không áp dụng loại hợp đồng thu phí trực tiếp từ người sử dụng (hợp đồng BOT) đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa, vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hiện hữu.

Thực tiễn triển khai ở một số địa phương cho thấy, nhiều tuyến đường giao thông trục chính, cửa ngõ, kết nối vùng... cần mở rộng để đáp ứng nhu cầu lưu thông, giảm ùn tắc, tai nạn giao thông, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương cũng như các tỉnh lân cận. Tuy nhiên, ngân sách địa phương không đảm bảo được nhu cầu huy động đầu tư mở rộng các tuyến đường này.

Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Tp. Hồ Chí Minh đã cho phép Thành phố áp dụng loại hợp đồng BOT đối với dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa công trình đường bộ hiện hữu, phù hợp theo quy hoạch được phê duyệt đối với loại đường phố chính đô thị, đường trên cao.

Chính sách này cũng được quy định tại Luật Đường bộ năm 2024, trong đó cho phép áp dụng loại hợp đồng BOT đối với các dự án đường bộ cao tốc hiện hữu hoặc đường bộ đang khai thác được cải tạo, nâng cấp thành đường cao tốc nhưng phải bảo đảm quyền lựa chọn của người sử dụng.

b) Mục tiêu giải quyết: Xem xét việc áp dụng loại hợp đồng BOT đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình hiện hữu, phù hợp theo quy hoạch được phê duyệt, đáp ứng điều kiện bảo đảm quyền lựa chọn của người dân.

c) Giải pháp đề xuất:

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng

- Giải pháp 2: Cần xem xét sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 45 Luật PPP theo hướng cho phép áp dụng loại hợp đồng BOT đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình hiện hữu, phù hợp theo quy hoạch được phê duyệt đối với loại đường phố chính đô thị, đường trên cao (tương tự như Nghị quyết số 98/2023/QH15; Luật Thủ đô).

- Giải pháp 3: Xem xét sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 45 Luật PPP theo hướng cho phép áp dụng loại hợp đồng BOT đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình hiện hữu, trừ trường hợp cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa, vận hành, kinh doanh công trình đường bộ hiện hữu mà công trình đó là lựa chọn duy nhất của cộng đồng dân cư, cá nhân sinh sống, sản xuất, kinh doanh tại khu vực công trình. Trong trường hợp này, dự án phải được đánh giá tác động, lấy ý kiến rộng rãi đối tượng bị tác động thông qua Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh nơi thực hiện dự án, hiệp hội nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực đầu tư trước khi phê duyệt quyết định chủ trương

đầu tư nhằm bảo đảm quyền lựa chọn của người sử dụng dịch vụ.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

- Giải pháp 1:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Giải pháp này gây thiếu đồng bộ với các quy định tại một số Luật được ban hành và Nghị quyết đặc thù của các địa phương.

+ Tác động kinh tế - xã hội: Không xử lý được các bất cập hiện nay ở một số công trình hiện hữu đã xuống cấp nhưng thiếu kinh phí để thực hiện; tác động đến các loại công trình khác ngoài công trình giao thông như bệnh viện, trường học khiến các công trình này cũng không được áp dụng mô hình BOT.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính

- Giải pháp 2:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Chính sách này giúp đồng bộ hoá các quy định tại một số Luật được ban hành và Nghị quyết đặc thù của các địa phương, cho phép áp dụng loại hợp đồng BOT đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình hiện hữu, phù hợp theo quy hoạch được phê duyệt đối với loại đường phố chính đô thị, đường trên cao.

+ Tác động kinh tế - xã hội:

(i) Đối với Nhà nước: Giải pháp này chỉ phù hợp với các thành phố có đô thị lớn, giúp giải quyết vướng mắc trong việc thu hút đầu tư tư nhân đối với công trình giao thông đường bộ trong đô thị, đường trên cao, giảm ùn tắc giao thông. Tuy nhiên, không hỗ trợ xử lý vướng mắc trong các lĩnh vực khác.

(ii) Đối với người dân: Chính sách này chưa đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch để bảo đảm người dân vẫn có quyền lựa chọn các tuyến đường không thu phí, ví dụ áp dụng đối với loại đường phố chính đô thị.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính

- Giải pháp 3:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Chính sách này giúp đồng bộ Luật PPP, Luật Đường bộ, Luật Thủ đô mới được ban hành nhưng cần rà soát, bãi bỏ nội

dung liên quan Luật PPP tại Luật Đường bộ năm 2024, Luật Thủ đô

+ Tác động kinh tế - xã hội:

(i) Đối với Nhà nước: Khi sửa đổi Luật PPP theo hướng sẽ đáp ứng được mục tiêu vừa quản lý chặt chẽ, có hiệu quả việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển góp phần làm tăng tính minh bạch, hiệu quả kinh tế, xã hội.

(ii) Đối với người dân: Chính sách này đảm bảo người dân vẫn có quyền lựa chọn các tuyến đường không thu phí.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính

+ Chi phí phát sinh: Chính sách này có thể phát sinh chi phí lấy ý kiến rộng rãi đối tượng bị tác động bởi dự án thông qua Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh nơi thực hiện dự án, hiệp hội nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực đầu tư trước khi phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Sau khi so sánh tác động của các giải pháp, giải pháp 3 là phương án được lựa chọn để đảm bảo đạt được mục tiêu chính sách đã đề ra.

### **6.5. Về tỷ lệ vốn nhà nước trong dự án PPP**

a) Xác định vấn đề:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật PPP, tỷ lệ vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP được quy định ở mức không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án. Nguồn vốn này được sử dụng để hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng thuộc dự án PPP và chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công hình tạm không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án.

Hiện nay, một số dự án đang được Bộ Giao thông vận tải và các địa phương khẩn trương chuẩn bị đầu tư theo chỉ đạo của Chính phủ nhằm tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho một số vùng, miền còn khó khăn. Các dự án này có nhu cầu vận tải giai đoạn đầu chưa cao nên cần có sự tham gia vốn nhà nước nhiều hơn để đảm bảo tính khả thi khi thu hút đầu tư theo phương thức PPP. Trong khi đó, một số dự án chỉ tính riêng chi phí giải phóng mặt bằng, tái định cư đã vượt quá 50% tổng mức đầu tư của dự án.

Để tháo gỡ vướng mắc cho ngành giao thông, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ, trong đó cho phép tỷ lệ vốn nhà nước

tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư được vượt quá 50% tổng mức đầu tư. Tuy nhiên, quy định này chỉ áp dụng đối với Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển tỉnh Thái Bình (không quá 80%) và Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (không quá 70%).

b) Mục tiêu giải quyết: Điều chỉnh tỷ lệ vốn tối đa của Nhà nước trong dự án PPP nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế, tăng tính khả thi của các dự án lớn, trọng điểm.

c) Giải pháp đề xuất:

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng

- Giải pháp 2: Xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 69 Luật PPP theo hướng duy trì tỷ lệ vốn nhà nước ở mức 50%, nhưng có một số trường hợp dự án được áp dụng mức cao hơn mức 50% nhưng không quá 70% tổng mức đầu tư khi dự án PPP thuộc một hoặc các trường hợp: (i) có chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công hình tạm vượt quá 50% tổng mức đầu tư; (ii) thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; (iii) có yêu cầu tiếp nhận chuyển giao công nghệ cao, công nghệ mới, tiên tiến từ nhà đầu tư tư nhân và cần sử dụng vốn nhà nước cao hơn hạn mức 50% để bảo đảm tính khả thi về tài chính của dự án. Thủ tướng Chính phủ quyết định tỷ lệ cao hơn mức 50% đối với dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương hoặc hỗn hợp vốn trung ương và vốn địa phương; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương.

Ngoài ra, cần sửa đổi khoản 4 Điều 70 theo hướng không quy định việc xác định giá trị tài sản công làm phần vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

- Giải pháp 1:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Giải pháp này gây thiếu đồng bộ với các quy định tại một số Luật được ban hành và Nghị quyết đặc thù của các địa phương.

+ Tác động kinh tế - xã hội: Giải pháp này không có tác động tích cực đến việc phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, tháo gỡ vướng mắc trong lĩnh vực giao thông.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ

tục hành chính

- Giải pháp 2:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Chính sách này giúp đồng bộ hoá các quy định tại một số Luật được ban hành và Nghị quyết đặc thù của các địa phương, tháo gỡ vướng mắc cho ngành giao thông.

+ Tác động kinh tế - xã hội:

(i) Đối với Nhà nước: Giải pháp đáp ứng được mục tiêu vừa quản lý chặt chẽ do có quy định cụ thể về điều kiện nâng tỷ lệ vốn, góp phần làm tăng tính minh bạch, vừa góp phần tăng tính khả thi cho dự án PPP, bảo đảm hiệu quả kinh tế, xã hội.

Giải pháp có thể tác động đến ngân sách nhà nước trong một số dự án được nâng tỷ lệ vốn Nhà nước. Tuy nhiên, trường hợp không có giải pháp này thì dự án sẽ không được đầu tư theo phương thức PPP và có thể phải sử dụng toàn bộ ngân sách nhà nước để đầu tư khiến tác động tới ngân sách nhà nước nhiều hơn.

(ii) Đối với người dân: Chính sách này tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho một số vùng, miền còn khó khăn.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Sau khi so sánh tác động của các giải pháp, giải pháp 2 là phương án được lựa chọn để đảm bảo đạt được mục tiêu chính sách đã đề ra.

#### ***6.6. Về nguồn vốn thanh toán trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn***

a) Xác định vấn đề:

Theo quy định tại khoản 6 Điều 52 Luật PPP, kinh phí mua lại doanh nghiệp dự án PPP hoặc bồi thường chấm dứt hợp đồng được bố trí từ nguồn vốn nhà nước trong trường hợp chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước thời hạn vì lợi ích quốc gia, bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước hoặc do cơ quan ký kết hợp đồng vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

Tuy nhiên, cần xem xét, sửa đổi bổ sung quy định tại Luật PPP nhằm làm rõ trình tự, thủ tục sử dụng vốn đầu tư công để thanh toán cho nhà đầu tư trong trường hợp bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn không phải do lỗi của nhà đầu tư.

b) Mục tiêu giải quyết: Nội dung này được sửa đổi nhằm bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy định tại dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi. Theo đó, đối tượng đầu tư công gồm đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP theo quy định của pháp luật về PPP, trong đó có bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước hạn dự án PPP được cấp có thẩm quyền quyết định.

c) Giải pháp đề xuất:

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng

- Giải pháp 2: Để tháo gỡ vướng mắc nêu trên, cần xem xét sửa đổi, bổ sung một số quy định sau:

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 69 Luật PPP nhằm bổ sung mục đích chi trả chi phí trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn từ vốn nhà nước trong dự án PPP;

- Bổ sung quy định tại Điều 52 Luật PPP nhằm làm rõ trình tự, thủ tục sử dụng vốn đầu tư công để thanh toán cho nhà đầu tư trong trường hợp bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn không phải do lỗi của nhà đầu tư.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp:

- Giải pháp 1:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Giải pháp này không làm thay đổi quy định hiện hành.

+ Tác động kinh tế - xã hội: Giải pháp này không có tác động tích cực đến việc phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, tháo gỡ vướng mắc của nhà đầu tư.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính

- Giải pháp 2:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Chính sách này giúp đồng bộ hoá quy định tại pháp luật về PPP, pháp luật về đầu tư công. Để bảo đảm đồng bộ, dự thảo Luật Đầu tư công đã bổ sung tương ứng đối tượng được sử dụng vốn đầu tư công.

+ Tác động kinh tế - xã hội:

(i) Đối với Nhà nước: Khi sửa đổi Luật PPP theo hướng sẽ đáp ứng được mục tiêu vừa quản lý chặt chẽ, có hiệu quả việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển góp phần làm tăng tính minh bạch, hiệu quả kinh tế, xã hội.

Giải pháp có thể tác động đến ngân sách nhà nước khi thực hiện chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và Nhà nước phải chi trả chi phí này. Tuy nhiên, trường

hợp không có giải pháp này thì sẽ không xử lý được vướng mắc ở các dự án, gây tồn đọng lâu dài, dẫn đến lãng phí tài sản đã đầu tư, ảnh hưởng chung đến môi trường đầu tư PPP nói riêng và đầu tư chung của cả nước.

(ii) Đối với người dân: Chính sách này không có tác động trực tiếp đến người dân.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Sau khi so sánh tác động của các giải pháp, giải pháp 2 là phương án được lựa chọn để đảm bảo đạt được mục tiêu chính sách đã đề ra.

### **6.7. Về nguồn vốn thanh toán trong trường hợp chia sẻ giảm doanh thu**

#### **a) Xác định vấn đề:**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật PPP, chi phí xử lý cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu được sử dụng từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương đối với dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác quyết định chủ trương đầu tư hoặc dự phòng ngân sách địa phương đối với dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

Tuy nhiên, nguồn dự phòng ngân sách nhà nước phụ thuộc vào nguồn thu ngân sách hằng năm nên cần bổ sung các nguồn vốn khác để xử lý rủi ro giảm doanh thu của các dự án PPP trong trường hợp không bố trí được nguồn dự phòng ngân sách nhà nước.

b) Mục tiêu giải quyết: Xác định rõ nguồn vốn thanh toán cho doanh nghiệp dự án PPP trong trường hợp áp dụng cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu.

#### **c) Giải pháp đề xuất:**

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng

- Giải pháp 2: Xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 82 Luật PPP theo hướng quy định việc thanh toán trong trường hợp áp dụng cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu từ một hoặc các nguồn vốn sau đây:

+ Nguồn từ dự phòng ngân sách nhà nước trung ương và địa phương (tương tự như quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật PPP);

+ Nguồn từ dự phòng kế hoạch đầu tư công;

+ Nguồn vốn của doanh nghiệp đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước.



- Giải pháp 3: Xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 82 Luật PPP theo hướng quy định việc thanh toán trong trường hợp áp dụng cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu từ một hoặc các nguồn vốn sau đây:

+ Nguồn từ dự phòng ngân sách nhà nước trung ương và địa phương (tương tự như quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật PPP);

+ Nguồn từ dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

+ Nguồn tăng thu ngân sách nhà nước hằng năm dành cho chi đầu tư phát triển.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

- Giải pháp 1:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Giải pháp này không làm thay đổi quy định hiện hành.

+ Tác động kinh tế - xã hội: Giải pháp này không có tác động tích cực đến việc phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, tháo gỡ vướng mắc của nhà đầu tư.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính

- Giải pháp 2:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Chính sách này giúp đồng bộ hoá quy định tại pháp luật về PPP, pháp luật về đầu tư công nhưng ảnh hưởng đến Luật kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

+ Tác động kinh tế - xã hội:

(i) Đối với Nhà nước: Khi sửa đổi Luật PPP theo hướng sẽ đáp ứng được mục tiêu vừa quản lý chặt chẽ, có hiệu quả việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển góp phần làm tăng tính minh bạch, hiệu quả kinh tế, xã hội.

(ii) Đối với người dân: Chính sách này không có tác động trực tiếp đến người dân.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính

- Phát sinh chi phí: Chính sách này có thể phát sinh chi phí sửa đổi, bổ sung pháp luật về ngân sách nhà nước, quản lý nợ công.

- Giải pháp 3:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Chính sách này giúp đồng bộ hoá quy định tại pháp luật về PPP, pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công.

+ Tác động kinh tế - xã hội:

(i) Đối với Nhà nước: Đa dạng hóa cách thức, nguồn vốn cho việc chia sẻ rủi ro giảm doanh thu, ngoài nguồn dự phòng ngân sách nhà nước, việc bổ sung nguồn dự phòng kế hoạch đầu tư công là cần thiết, khả thi.

Giải pháp có thể tác động đến ngân sách nhà nước nhưng không nhiều do việc bố trí ngân sách nhà nước để chia sẻ rủi ro đã được quy định tại Luật PPP hiện hành. Giải pháp này giúp bổ sung các cách thức, nguồn vốn khác, tạo cơ sở pháp lý để cơ quan ký kết hợp đồng thực hiện cân đối, bố trí vốn ngân sách nhà nước để chia sẻ rủi ro với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP.

(ii) Đối với người dân: Chính sách này không có tác động trực tiếp đến người dân.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Sau khi so sánh tác động của các giải pháp, giải pháp 3 là phương án được lựa chọn để đảm bảo đạt được mục tiêu chính sách đã đề ra.

**7. Chính sách 7: Đơn giản hóa thủ tục, đẩy mạnh phân quyền, trong quản lý nhà nước đối với dự án PPP, tạo thuận lợi cho công tác chuẩn bị đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án**

**7.1. Phân cấp trong thực hiện dự án PPP**

a) Xác định vấn đề:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Luật PPP, trong trường hợp dự án thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan có thẩm quyền thì Thủ tướng Chính phủ quyết định giao cho một cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, quy định nêu trên chưa xác định rõ thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với những dự án này.

Về thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và Báo cáo nghiên cứu khả thi, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Luật PPP, Hội đồng thẩm định liên ngành được thành lập để thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư. Thực tế cho thấy, việc Hội đồng thẩm định liên ngành tiếp tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, sau khi đã thẩm

định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã làm giảm tính chủ động của các địa phương (là cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ); đồng thời tạo gánh nặng cho Hội đồng thẩm định liên ngành.

b) Mục tiêu giải quyết: Đẩy mạnh phân cấp trong quá trình thực hiện dự án PPP nhằm nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của địa phương.

c) Giải pháp đề xuất:

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng

- Giải pháp 2: Nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quá trình thực hiện dự án PPP đồng thời nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của địa phương, cần xem xét sửa đổi, bổ sung một số quy định sau:

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 Luật PPP theo hướng quy định Hội đồng thẩm định liên ngành chỉ thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư và giao Hội đồng thẩm định cấp cơ sở thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư;

+ Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 12 Luật PPP theo hướng quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan có thẩm quyền được Thủ tướng Chính phủ giao địa phương làm cơ quan có thẩm quyền.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

- Giải pháp 1:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Giải pháp này không làm thay đổi quy định hiện hành.

+ Tác động kinh tế - xã hội: Giải pháp này không có tác động tích cực đến việc phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, tháo gỡ vướng mắc của nhà đầu tư.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính

- Giải pháp 2:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quá trình thực hiện dự án PPP đồng thời nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của địa phương

+ Tác động kinh tế - xã hội:

(i) Đối với Nhà nước: Khi sửa đổi Luật PPP theo hướng sẽ đáp ứng được mục tiêu vừa quản lý chặt chẽ, có hiệu quả việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển góp phần làm tăng tính minh bạch, hiệu quả kinh tế, xã hội.

(ii) Đối với người dân: Chính sách này không có tác động trực tiếp đến người dân.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính

+ Chi phí phát sinh: Chính sách này có thể phát sinh chi phí, nguồn lực con người nguồn lực con người cần bổ sung khi phân cấp, phân quyền thực hiện một số nhiệm vụ cho cơ quan có thẩm quyền tại địa phương (chi phí hội đồng thẩm định cấp cơ sở thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan có thẩm quyền)...

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Sau khi so sánh tác động của các giải pháp, giải pháp 2 là phương án được lựa chọn để đảm bảo đạt được mục tiêu chính sách đã đề ra.

## **7.2. Về việc thực hiện các thủ tục trong quá trình chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu tư, ký kết và triển khai hợp đồng dự án PPP:**

### **a) Xác định vấn đề:**

Theo quy định tại các Điều 11 và 28 Luật PPP, việc chuẩn bị đầu tư và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện lần lượt theo trình tự: lập báo cáo nghiên cứu khả thi sau khi đã có chủ trương đầu tư và lập hồ sơ mời thầu sau khi báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt. Thực tế cho thấy, để đơn giản hóa thủ tục và rút ngắn thời gian chuẩn bị dự án, các thủ tục này có thể thực hiện đồng thời mà không nhất thiết phải theo trình tự lần lượt từng bước nêu trên.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật PPP, sau khi ký kết hợp đồng, doanh nghiệp dự án PPP tổ chức lập thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở của công trình dự án PPP theo quy định của pháp luật về xây dựng. Tuy nhiên, đối với dự án PPP sử dụng vốn nhà nước theo cách thức tách thành “tiểu dự án”, việc thực hiện tiểu dự án sử dụng vốn nhà nước phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công. Hiện nay, một số địa phương (Thành phố Hà Nội đối với dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội) đang gặp vướng mắc trong việc xác định chủ thể lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán của tiểu dự án sử dụng vốn nhà nước và thời điểm phê duyệt thiết kế.

### **b) Mục tiêu giải quyết: Cho phép lồng ghép các bước, đơn giản hoá thủ tục**

trong quá trình chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu tư căn cứ điều kiện cụ thể từng dự án trên cơ sở đề xuất của cơ quan có thẩm quyền nhằm rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.

c) Giải pháp đề xuất:

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng

- Giải pháp 2: Để giải quyết vướng mắc nêu trên, cần sửa đổi, bổ sung một số quy định sau:

+ Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 11 Luật PPP quy trình, thủ tục rút gọn đối với dự án PPP quy mô nhỏ không có yêu cầu sử dụng vốn nhà nước trong dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán, không sử dụng vốn nhà nước theo hướng không yêu cầu thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án này, chỉ thực hiện thủ tục lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án, công bố dự án; lựa chọn nhà đầu tư; thành lập doanh nghiệp dự án PPP và ký kết hợp đồng dự án PPP.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 13 Luật PPP theo hướng cắt giảm thủ tục thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn; bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy định tại dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 19 Luật PPP theo hướng cho phép lập báo cáo nghiên cứu khả thi trong quá trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng phải bảo đảm việc phê duyệt dự án được thực hiện căn cứ quyết định chủ trương đầu tư; cho phép dự án PPP đã được đánh giá tác động môi trường ở báo cáo nghiên cứu khả thi thì nhà đầu tư trúng thầu, doanh nghiệp dự án PPP không cần đánh giá lại khi triển khai hợp đồng dự án.

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 28 Luật PPP theo hướng cho phép cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện đồng thời một số nội dung sau: Lựa chọn danh sách ngắn trong quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi căn cứ quyết định chủ trương đầu tư, tổ chức lập hồ sơ mời thầu trong quá trình chuẩn bị dự án nhưng phải bảo đảm việc phê duyệt hồ sơ mời thầu được thực hiện căn cứ quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 49 theo hướng trường hợp dự án có tiêu dự án sử dụng vốn đầu tư công thì hợp đồng được ký kết căn cứ thiết kế kỹ thuật (đối với dự án yêu cầu thiết kế ba bước theo quy định của pháp luật về xây dựng) và dự toán do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 57 theo hướng trường hợp dự án có tiêu dự án thì doanh nghiệp dự án lập thiết kế ở bước thiết kế bản vẽ thi công và dự toán gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng để tổ chức thẩm định.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

- Giải pháp 1:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Giải pháp này không làm thay đổi quy định hiện hành.

+ Tác động kinh tế - xã hội: Giải pháp này không có tác động tích cực đến việc phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, tháo gỡ vướng mắc của nhà đầu tư.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính

- Giải pháp 2:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quá trình thực hiện dự án PPP đồng thời nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của địa phương

+ Tác động kinh tế - xã hội:

(i) Đối với Nhà nước: Việc sửa đổi, bổ sung các quy định về sẽ góp phần làm giảm thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư; tăng cường trách nhiệm của các người có thẩm quyền, trong việc thực hiện các trách nhiệm của mình theo đúng mức thời gian quy định trong Luật. Việc tiết kiệm được thời gian trong lựa chọn nhà đầu tư sẽ mang lại hiệu quả kinh tế thông qua việc đưa dự án vào khai thác, sử dụng sớm.

(ii) Đối với người dân: Chính sách này không có tác động trực tiếp đến người dân.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Sau khi so sánh tác động của các giải pháp, giải pháp 2 là phương án được lựa chọn để đảm bảo đạt được mục tiêu chính sách đã đề ra.

### 7.3. Về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng O&M:

#### a) Xác định vấn đề:

Các Điều 11 và 19 Luật PPP quy định về quy trình thực hiện và nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi áp dụng thống nhất đối với tất cả các dự án PPP, bao gồm cả dự án đầu tư theo loại hợp đồng O&M. Tuy nhiên, đây là một loại hợp đồng mới, có tính chất đặc thù, được thực hiện để khai thác, kinh doanh, quản lý

công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đã có sẵn (không có cấu phần xây dựng). Với tính chất đặc thù như vậy, nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, cơ chế quản lý hợp đồng cũng có nhiều yếu tố khác biệt. Do vậy, việc triển khai thực hiện dự án PPP theo loại hợp đồng này trong thời gian qua gặp nhiều vướng mắc, không thể áp dụng trong thực tế.

b) Mục tiêu: tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi trong quá trình chuẩn bị dự án áp dụng loại hợp đồng O&M

c) Giải pháp đề xuất:

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng

- Giải pháp 2: Để xử lý vướng mắc nêu trên, cần sửa đổi, bổ sung một số quy định sau:

+ Sửa đổi Điều 11 Luật PPP theo hướng đơn giản hóa quy trình thực hiện dự án O&M, không yêu cầu thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án này (do dự án không có cấu phần xây dựng), chỉ thực hiện thru tục lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án, công bố dự án; lựa chọn nhà đầu tư; thành lập doanh nghiệp dự án PPP và ký kết hợp đồng dự án PPP.

+ Sửa đổi Điều 19 Luật PPP theo hướng quy định riêng về nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, trong đó quy định nội dung về đánh giá hiện trạng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hiện hữu và máy móc, thiết bị của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, đồng thời bỏ nội dung đánh giá về sự phù hợp của dự án với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, thời gian xây dựng công trình, phương án kỹ thuật, công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng của công trình... vì các nội dung này chỉ phù hợp đối với các dự án có cấu phần xây dựng.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp:

- Giải pháp 1:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Giải pháp này không làm thay đổi quy định hiện hành.

+ Tác động kinh tế - xã hội: Giải pháp này không có tác động tích cực đến việc phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, tháo gỡ vướng mắc của nhà đầu tư.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính

- Giải pháp 2:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quá trình thực hiện dự án PPP đồng thời nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của địa phương

+ Tác động kinh tế - xã hội:

(i) Đối với Nhà nước: Việc sửa đổi, bổ sung các quy định về hợp đồng, đặc biệt là hợp đồng O&M theo hướng đơn giản hơn nữa các quy định sẽ tạo sự phù hợp với thực tiễn; phù hợp với thông lệ quốc tế; giải quyết được các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.

(ii) Đối với người dân: Chính sách này không có tác động trực tiếp đến người dân.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Sau khi so sánh tác động của các giải pháp, giải pháp 2 là phương án được lựa chọn để đảm bảo đạt được mục tiêu chính sách đã đề ra.

## **8. Chính sách 8: Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong trình tự, thủ tục cho các dự án BOT, BT chuyên tiếp**

### **8.1. Về thanh toán, quyết toán phần lãi vay sau giai đoạn xây dựng đối với các dự án BT thanh toán bằng tiền:**

#### a) Xác định vấn đề:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 134 Luật Xây dựng, nội dung tổng mức đầu tư xây dựng gồm chi phí xây dựng, thiết bị, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, quản lý dự án, tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và trượt giá; **không bao gồm** các khoản chi phí phát sinh sau thời gian xây dựng (như chi phí lãi vay chờ thanh toán, lợi nhuận của nhà đầu tư được tính từ khi dự án hoàn thành...).

Hiện nay, một số hợp đồng BT thanh toán bằng tiền do Bộ Giao thông vận tải và một số địa phương làm cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được ký kết trong giai đoạn Nghị định số 108/2009/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đang gặp vướng mắc trong việc thanh toán, quyết toán do các quy định nêu trên của Luật Xây dựng và Nghị định số 99/2021/NĐ-CP chỉ áp dụng đối với việc thanh toán, quyết toán các chi phí trong thời gian xây dựng. Đối với các chi phí **sau** thời gian xây dựng, mặc dù được thể hiện trong phương án tài chính, đã được cấp có thẩm quyền cho phép và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thoả thuận với nhà đầu tư trong Hợp đồng dự án, nhưng không thuộc nội dung tổng mức đầu tư



theo quy định của pháp luật về xây dựng nên không có cơ sở để thanh toán và quyết toán, thanh lý hợp đồng do chưa hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan.

Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đã được phép Thành phố áp dụng loại hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước, trong đó quy định: *chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng và lợi nhuận hợp lý được tính vào tổng mức đầu tư dự án (điểm d khoản 5 Điều 4).*

b) Mục tiêu giải quyết: Xử lý vướng mắc về thanh toán, quyết toán phần lãi vay sau giai đoạn xây dựng đối với các dự án BT thanh toán bằng tiền

c) Giải pháp đề xuất:

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng

- Giải pháp 2: Xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 101 theo hướng: Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT thanh toán bằng tiền được ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trường hợp hợp đồng dự án đã xác định chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý và các chi phí hợp pháp khác trong phương án tài chính và các khoản chi phí này đã được kiểm toán độc lập do cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm toán, thì được thanh toán các khoản này theo hướng dẫn của Bộ Tài chính mà không cần phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

- Giải pháp 1:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Giải pháp này không làm thay đổi quy định hiện hành.

+ Tác động kinh tế - xã hội: Giải pháp này không có tác động tích cực đến việc phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, không giúp tháo gỡ vướng mắc của nhà đầu tư. Đặc biệt, đối với hợp đồng BT thanh toán bằng tiền có bảo lãnh của Chính phủ, giải pháp này không xử lý được vướng mắc, ảnh hưởng lớn đến mức độ tín nhiệm Chính phủ.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính

- Giải pháp 2:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Giải pháp này là một trường hợp đặc biệt khi giá trị thanh toán cho nhà đầu tư lớn hơn tổng mức đầu tư theo pháp luật về xây dựng. Trường hợp cần thiết, cần sửa đổi, bổ sung quy định của Chính

phủ hướng dẫn về thanh toán để cho phép riêng đối với dự án BT, được thanh toán các chi phí ngoài tổng mức đầu tư xây dựng nhưng là hợp pháp, hợp lệ, đã được quy định tại hợp đồng dự án.

+ Tác động kinh tế - xã hội:

(i) Đối với Nhà nước: tháo gỡ ngay các vướng mắc dự án BT thanh toán bằng tiền còn đang triển khai hiện nay, đặc biệt là các dự án có bảo lãnh của Chính phủ.

(ii) Đối với người dân: Chính sách này không có tác động trực tiếp đến người dân, nhưng tháo gỡ vướng mắc cho nhà đầu tư.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Sau khi so sánh tác động của các giải pháp, giải pháp 2 là phương án được lựa chọn để đảm bảo đạt được mục tiêu chính sách đã đề ra.

## **8.2. Về việc áp dụng Luật PPP đối với dự án đã ký kết hợp đồng trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành:**

a) Xác định vấn đề:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật PPP, Hợp đồng dự án được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của hợp đồng dự án.

Trên thực tế, các hợp đồng được ký kết trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành đều có nội dung thỏa thuận căn cứ quy định tại Nghị định số 108/2009/NĐ-CP, Nghị định số 15/2015/NĐ-CP và Nghị định số 63/2018/NĐ-CP và một số văn bản khác có hiệu lực tại thời điểm ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, hiện nay một số hợp đồng dự án có yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung nhưng không thể thực hiện vì các văn bản nêu trên không có quy định áp dụng đối nội dung sửa đổi, bổ sung.

b) Mục tiêu giải quyết: Xử lý vướng mắc do thiếu quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng

c) Giải pháp đề xuất:

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 101 theo hướng: Hợp đồng dự án được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của hợp đồng dự án. Trường hợp pháp luật tại thời điểm ký

kết hợp đồng dự án không có quy định mà cần sửa đổi, bổ sung hợp đồng thì cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận với nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung hợp đồng về việc áp dụng theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

*d) Đánh giá tác động của các giải pháp*

- Giải pháp 1:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Giải pháp này không làm thay đổi quy định hiện hành.

+ Tác động kinh tế - xã hội: Giải pháp này không có tác động tích cực đến việc phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, tháo gỡ vướng mắc của nhà đầu tư.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính

- Giải pháp 2:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Đồng bộ hóa với quy định về nguyên tắc áp dụng pháp luật tại khoản 1 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật<sup>10</sup>.

+ Tác động kinh tế - xã hội:

(i) Đối với Nhà nước: Tháo gỡ các dự án PPP chuyển tiếp, cần áp dụng các quy định của Luật PPP mang lại hiệu quả tốt hơn cho dự án (như cơ chế chia sẻ rủi ro, cơ chế chấm dứt hợp đồng trước thời hạn...) nhưng chưa được quy định tại hợp đồng dự án.

(ii) Đối với người dân: Chính sách này không có tác động trực tiếp đến người dân, nhưng tháo gỡ vướng mắc cho nhà đầu tư.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Sau khi so sánh tác động của các giải pháp, giải pháp 2 là phương án được lựa chọn để đảm bảo đạt được mục tiêu chính sách đã đề ra.

**8.3. Về việc thanh toán cho nhà đầu tư trong trường hợp hợp đồng BT**

<sup>10</sup> Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực.

***đã được ký kết nhưng có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký hợp đồng:***

a) Xác định vấn đề:

Luật PPP đã dừng thực hiện các dự án BT mới và quy định chuyển tiếp đối với các dự án đã thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành (bao gồm cả việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của nhà nước). Theo số liệu được tổng hợp từ các địa phương, tính đến thời điểm báo cáo, có 160 dự án BT chuyển tiếp đang tiếp tục triển khai; trong đó, một số địa phương triển khai nhiều dự án, như Bắc Ninh (41 dự án), Thái Nguyên (10 dự án), Hà Nam (12 dự án), Hà Nội (17 dự án), Đà Nẵng (06 dự án), Bắc Giang (06 dự án), Khánh Hòa (15 dự án), Ninh Thuận (05 dự án), Thái Bình (05 dự án), Lạng Sơn (04 dự án), Thanh Hoá (04 dự án)...

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Quốc hội và nhiệm vụ được Chính phủ giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện rà soát và báo cáo Lãnh đạo Chính phủ kết quả tổng hợp vướng mắc trong việc thực hiện các dự án BT chuyển tiếp và phân loại thành 03 nhóm vướng mắc và đề xuất phương án xử lý gồm:

*\* Nhóm 1 - Vướng mắc phát sinh từ quy định của Luật, cụ thể:*

- Chưa có quy định để thanh toán, quyết toán phần lãi vay sau giai đoạn xây dựng đối với các dự án BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước (liên quan quy định của Luật Xây dựng – đã được báo cáo tại chính sách 8.1);

- Giá trị quỹ đất dự kiến thanh toán vượt gấp nhiều lần giá trị công trình BT (liên quan quy định về nguyên tắc ngang giá của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công);

- Chưa có quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục để bố trí ngân sách nhà nước để thanh toán hoặc bồi thường chấm dứt hợp đồng cho nhà đầu tư (liên quan quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công (nếu sử dụng vốn đầu tư công)).

- Chưa có quy định xử lý đối với trường hợp hợp đồng đã ký kết có nội dung chưa phù hợp với quy định (chưa được quy định tại Luật PPP); trong đó: (i) chưa làm rõ tiêu chí xác định “Hợp đồng đã ký kết đúng quy định của pháp luật” và cơ quan có trách nhiệm xác định; (ii) trường hợp hợp đồng được ký kết chưa đúng thì trách nhiệm thuộc về nhà đầu tư hay của cơ quan quản lý có thẩm quyền; (iii) nguyên tắc xử lý trong trường hợp hợp đồng được ký kết không đúng quy định.

*\* Nhóm 2 - Vướng mắc phát sinh do chưa có quy định tại Nghị định hoặc quy định còn có cách hiểu chưa thống nhất, cụ thể:*

- Chưa có quy định về việc sử dụng quỹ đất trong đó có phần diện tích đất

công để thanh toán cho nhà đầu tư;

- Chưa có quy định để xử lý phần kinh phí nhà đầu tư đã ứng trước để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định của quỹ đất đối ứng;

- Chưa có quy định để điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế bản vẽ thi công, sửa đổi hợp đồng đối với dự án BT

- Chưa có quy định xử lý trường hợp thay đổi giá trị nộp ngân sách mà nhà đầu tư đã chào tại hồ sơ dự thầu

\* *Nhóm 3 - Vương mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng*, cụ thể là: chậm trễ đền bù, giải phóng mặt bằng dẫn đến phải gia hạn thời gian thực hiện dự án làm phát sinh chi phí đầu tư, gia tăng khoản lãi vay trong thời gian thực hiện dự án và làm tăng giá trị các dự án BT; xử lý, khắc phục theo kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm toán...

Căn cứ kết quả rà soát, phân loại nêu trên, các vương mắc thuộc nhóm 1 cần được xử lý tại Luật do vương mắc liên quan đến các Luật (PPP, Ngân sách nhà nước, Quản lý sử dụng tài sản công, Xây dựng...). Chính sách này xử lý đối với trường hợp hợp đồng đã ký kết có nội dung chưa phù hợp với quy định.

b) Mục tiêu giải quyết: Xử lý việc thanh toán cho nhà đầu tư trong trường hợp hợp đồng BT đã được ký kết nhưng có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký hợp đồng.

c) Giải pháp đề xuất:

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 101 Luật PPP theo hướng quy định rõ các dự án chuyển tiếp được tiếp tục thực hiện căn cứ kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước về nội dung của hợp đồng dự án; các đối tượng có liên quan phải được xử lý theo pháp luật tương ứng (hành chính, dân sự, hình sự). Chỉ trong trường hợp khắc phục được các nội dung chưa phù hợp, xác định cụ thể lỗi của từng bên thì mới áp dụng quy định chuyển tiếp tại Luật.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

- Giải pháp 1:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Giải pháp này không làm thay đổi quy định hiện hành.

+ Tác động kinh tế - xã hội: Giải pháp này không có tác động tích cực đến việc phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, tháo gỡ vương mắc của nhà đầu tư, tiếp tục tình trạng tồn đọng nguồn vốn đầu tư cũng như quỹ đất tại các địa phương.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính

- Giải pháp 2:

+ Tác động về hệ thống pháp luật: Giải pháp đã được rà soát để đồng bộ các pháp luật về dân sự, hình sự, hành chính, bảo đảm thống nhất, giải quyết được vướng mắc của các dự án.

+ Tác động kinh tế - xã hội:

(i) Đối với Nhà nước: Đáp ứng được mục tiêu vừa quản lý chặt chẽ, có hiệu quả việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển góp phần làm tăng tính minh bạch, hiệu quả kinh tế, xã hội; tháo gỡ vướng mắc cho các dự án BT chuyển tiếp. Tuy nhiên, giải pháp này phát sinh thêm trách nhiệm của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước.

(ii) Đối với người dân, nhà đầu tư: Chính sách này giúp tháo gỡ vướng mắc cho nhà đầu tư, khơi thông nguồn vốn đầu tư đang tồn đọng ở hơn 160 dự án BT chuyển tiếp.

+ Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

+ Chi phí phát sinh: Nguồn lực con người, chi phí cho nhiệm vụ phát sinh của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Sau khi so sánh tác động của các giải pháp, giải pháp 2 là phương án được lựa chọn để đảm bảo đạt được mục tiêu chính sách đã đề ra.

**9. Chính sách 9: Xử lý một số vướng mắc phát sinh từ thực tiễn liên quan đến quy trình, thủ tục thực hiện hoạt động đấu thầu và tăng cường phân cấp trong việc quyết định các nội dung về đấu thầu**

**9.1. Về một số hoạt động đấu thầu được thực hiện trước khi dự án, điều ước quốc tế được phê duyệt, ký kết (đấu thầu trước)**

a) *Xác định vấn đề*

- Đối với gói thầu sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ: Quy định về đấu thầu trước tại Điều 42 Luật Đấu thầu năm 2023 đã cho phép chủ đầu tư được thực hiện các hoạt động thực hiện trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, gồm: lập, trình duyệt, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, xác định danh sách ngắn, không bao gồm việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

và ký hợp đồng.

Đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, trên thực tế có một số nhà tài trợ có yêu cầu ràng buộc tài trợ theo hợp đồng thương mại (phải có hợp đồng thương mại mới ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay), đặc biệt là các nhà tài trợ song phương châu Âu (Đan Mạch, Hungary, Áo, Bỉ, Phần Lan, Tây Ban Nha v.v.) theo hình thức tín dụng xuất khẩu có hỗ trợ làm mềm khoản vay của Chính phủ nước tài trợ. Trong giai đoạn từ năm 2015 đến nay, tổng số vốn vay Việt Nam đã huy động trong đó nhà tài trợ yêu cầu ký hợp đồng thương mại trước khi ký Thỏa thuận vay là 163 triệu USD. Nếu vướng mắc này không được giải quyết, việc huy động nguồn vốn từ đa số các nước châu Âu là không thể thực hiện được với quy mô ước tính (theo cam kết tại các Hiệp định khung và các đề xuất dự án) khoảng 550 triệu USD trong 3-5 năm tới.

- *Đối với các gói thầu thuộc dự án khác, không phải là dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài:* Quy định hiện hành chỉ cho phép lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, xây lắp phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, di dời công trình hạ tầng...sau khi có quyết định phê duyệt dự án. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trong quá trình chuẩn bị đầu tư, vẫn có thể tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu nêu trên trước khi dự án được phê duyệt dự án để đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu.

#### b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đơn giản hóa quy trình, thủ tục trong lựa chọn nhà thầu; tiết kiệm thời gian trong lựa chọn nhà thầu, giúp đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, gói thầu, đặc biệt là các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.

#### c) Giải pháp đưa ra

Giải pháp 1: Giữ nguyên như quy định hiện hành

Giải pháp 2:

Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 42 Luật Đấu thầu theo hướng:

- Cho phép chủ đầu tư được thực hiện trước toàn bộ các hoạt động lựa chọn nhà thầu, bao gồm cả việc *phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu* trước khi quyết định đầu tư được phê duyệt;

- Cho phép ký kết hợp đồng thương mại trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài đối với gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và sau khi dự án đã hoàn thành thủ tục đầu tư.

- Các gói thầu được thực hiện trước một số hoạt động trong 02 trường hợp nêu trên gồm:

+ Gói thầu mua sắm hàng hóa đã xác định rõ phạm vi cung cấp, yêu cầu kỹ

thuật;

+ Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, di dời công trình hạ tầng, kỹ thuật, rà phá bom mìn, vật nổ, quy hoạch, tái định cư;

+ Gói thầu tư vấn quản lý dự án cho các phần công việc thực hiện sau khi dự án được phê duyệt, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công;

+ Gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài có yêu cầu đấu thầu trước theo quy định ràng buộc của nhà tài trợ.

Ngoài ra, chủ đầu tư có thể hình thành gói thầu bao gồm một hoặc một số công việc như khảo sát xây dựng, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, lập quy hoạch chi tiết xây dựng, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công để tổ chức lựa chọn nhà thầu mà không phải chia thành nhiều gói thầu riêng biệt.

*d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan*

*Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

Giải pháp 1: Không làm ảnh hưởng đến hệ thống quy phạm pháp luật hiện hành do nội dung về đấu thầu trước chủ yếu được quy định tại Luật Đấu thầu.

Giải pháp 2:

+ Phù hợp với quy định tại Luật Đấu thầu năm 2023 và giúp tháo gỡ vướng mắc trong quá trình đàm phán các điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài mà nhà tài trợ có yêu cầu về ký hợp đồng thương mại trước như là một điều kiện để ký các thỏa thuận vay cụ thể, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

+ Việc cho phép đấu thầu trước đối với các hoạt động này là cần thiết, khả thi và không trái với các luật có liên quan, đồng thời không dẫn đến rủi ro trong quá trình thực hiện.

+ Việc thực hiện đấu thầu trước bảo đảm tính khả thi và không dẫn đến xung đột, chông chéo với quy trình, thủ tục thực hiện dự án đầu tư theo pháp luật đầu tư công, xây dựng bởi vì việc lập, thẩm định và phê duyệt dự án sẽ căn cứ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng (đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công) và kế hoạch sản xuất kinh doanh (đối với các dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước), do đó sẽ ít xảy ra trường hợp đã triển khai đấu thầu trước nhưng dự án lại không được phê duyệt.

*Tác động về kinh tế - xã hội:*

Giải pháp 1: Với các dự án ODA, nếu không hài hòa với nhà tài trợ về yêu cầu ký hợp đồng thương mại trước thì có thể dẫn đến không ký được thỏa thuận vay, làm giảm khả năng tiếp cận với vốn tài trợ của các nhà tài trợ nước ngoài và



ảnh hưởng đến nền phát triển kinh tế. Với các dự án khác, nếu không được đấu thầu trước một số công việc thì sẽ dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện dự án, công trình, chậm đưa vào khai thác, sử dụng.

#### Giải pháp 2:

##### - Đối với Nhà nước:

+ Việc thực hiện đấu thầu trước không mất nhiều thời gian trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (chỉ thực hiện trước công tác lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu phục vụ giải phóng mặt bằng, tái định cư, tư vấn thiết kế, giám sát...), đặc biệt là việc cho phép gộp chung một số công việc liên quan đến hoạt động tư vấn để tổ chức lựa chọn nhà thầu sẽ giúp cho thời gian thực tế lựa chọn nhà thầu rút ngắn đáng kể sau khi dự án được phê duyệt (ước tính giảm khoảng 03 đến 04 tháng).

+ Việc quy định về đấu thầu trước như nêu trên không làm phát sinh nhân lực, nguồn lực trong quá trình thực hiện, ngoài ra, góp phần tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí sau khi dự án được phê duyệt.

+ Thực tế, Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) cũng đã có quy định cho phép áp dụng đấu thầu trước đối với các dự án sử dụng vốn vay ODA. Thực tiễn tại Việt Nam, một số dự án lớn, trọng điểm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (dự án đường dây 500 kV mạch 3 từ Quảng Bình đến Phố Nối, dự án cấp điện Côn Đảo...) đã vận dụng đấu thầu trước, rút ngắn thời gian thực hiện dự án từ 6-8 tháng nên dự án được đưa vào vận hành, khai thác đúng tiến độ dẫn đến tăng hiệu quả, hiệu suất đầu tư.

##### - Đối với doanh nghiệp:

+ Đối với các dự án đầu tư của doanh nghiệp nếu được thực hiện đấu thầu trước sẽ giúp rút ngắn thời gian thực hiện dự án, dẫn đến tăng hiệu quả, hiệu suất đầu tư.

+ Góp phần tích cực trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, bảo vệ tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp.

+ Việc thực hiện đấu thầu trước không dẫn đến rủi ro cho các bên do đã được dự liệu trước tại khoản 5 Điều 42 dự thảo Luật. Theo đó, khi tham dự thầu, nhà thầu đã được xác định trước mọi rủi ro nếu nhà thầu được xét duyệt trúng thầu hoặc được ký hợp đồng nhưng không được tiếp tục thực hiện do dự án không được phê duyệt hoặc điều ước quốc tế, thỏa thuận vay không được ký kết. Những nội dung này đều được quy định trong hồ sơ mời thầu để các nhà thầu quyết định việc tham dự thầu của mình.

+ Việc cho phép áp dụng đấu thầu trước không gây ra các rủi ro cho chủ đầu tư và nhà thầu do khối lượng công việc, yêu cầu kỹ thuật đã được nêu rõ trong hồ sơ mời thầu, bảo đảm chỉ sau khi dự án được duyệt hoặc sau khi ký kết

điều ước quốc tế, thỏa thuận vay (lúc này đã xác định được nguồn vốn thanh toán cho nhà thầu) thì các bên mới được triển khai thực hiện gói thầu.

- Đối với người dân: Góp phần giúp người dân tiếp cận nhanh chóng các hệ thống hạ tầng cơ sở, dịch vụ chất lượng, đặc biệt ở các địa phương, vùng sâu, vùng xa, từ đó cải thiện môi trường sống, nâng cao chất lượng an sinh, xã hội.

*Tác động về giới:* Các quy định không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính.

#### *đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Sau khi so sánh các tác động, giải pháp 2 là phương án được lựa chọn vì theo phương án này, thời gian thực hiện dự án sẽ được cắt giảm đáng kể, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư; đồng thời không dẫn đến rủi ro trong quá trình thực hiện và không trái với quy định của pháp luật có liên quan.

### **9.2. Về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt**

#### *a) Xác định vấn đề*

Luật Đấu thầu (Điều 29) đã quy định một số gói thầu được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, gói thầu có yêu cầu cấp bách và có tính đặc thù, riêng biệt mà không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu đã được quy định tại Luật. Quy định này được luật hóa trên cơ sở Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, quá trình thực hiện Luật đã phát sinh yêu cầu phải xem xét bổ sung một số trường hợp khác như sau:

+ *Gói thầu thẩm định giá tài sản cần thực hiện gấp theo yêu cầu của cơ quan điều tra.* Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu này theo các hình thức quy định của Luật Đấu thầu sẽ không có nhà thầu tham dự do tính chất của các vụ án điều tra thường nhạy cảm, phức tạp, nhà thầu có tâm lý e ngại, không muốn tham dự thầu. Trường hợp phải xử lý tình huống trong đấu thầu để gia hạn thời gian đóng thầu sẽ kéo dài thời gian lựa chọn nhà thầu, gây ảnh hưởng, đình trệ đến tiến độ điều tra, xử lý các vụ án hình sự. Ban Chỉ đạo trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã yêu cầu Chính phủ nghiên cứu, trình Quốc hội xem xét bổ sung trường hợp áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với gói thầu này.

+ *Gói thầu tổ chức các hội nghị, hội thảo có yêu cầu cấp bách.* Nội dung này trước đây đã được áp dụng ổn định theo Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhưng chưa được quy định tại Luật Đấu thầu năm 2023. Các bộ, ngành, địa phương đều có kiến nghị đề xuất bổ sung quy định này

nhằm tạo sự linh hoạt, chủ động, đơn giản hóa thủ tục, tiết kiệm thời gian trong đấu thầu cho chủ đầu tư, bên mời thầu.

+ *Gói thầu sản xuất phim.* Nội dung gói thầu bao gồm việc lựa chọn diễn viên, kịch bản phim phải gắn với bản quyền của biên kịch... không thể áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

Ngoài ra, một số trường hợp khác phát sinh trong thực tiễn đặt ra yêu cầu cần được bổ sung áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt để đáp ứng tính riêng biệt, đặc thù mà không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác như:

+ *Gói thầu phục vụ công tác đối ngoại theo quy định của pháp luật về nghi lễ đối ngoại và mua tặng phẩm đối ngoại cho Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Thủ tướng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương đi công tác nước ngoài:* Gói thầu này có tính đặc thù cao là do đề án chính trị, đề án lễ tân... thường được phê duyệt gần sát ngày diễn ra lễ đón khách quốc tế nên tiến độ thường phải thực hiện gấp; việc lựa chọn nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu của nước bạn, phải bảo đảm yêu cầu về an ninh, bảo mật.

+ *Gói thầu mua dịch vụ các công ty xếp hạng tín nhiệm quốc tế; gói thầu mua hệ thống thanh toán quốc tế được cung cấp độc quyền bởi Hiệp hội viễn thông tài chính liên ngân hàng toàn cầu SWIFT và gói thầu mua dịch vụ của các công ty cung cấp dịch vụ thông tin tài chính – tiền tệ quốc tế và nền tảng giao dịch.* Trước đây, một số gói thầu này đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý áp dụng trong trường hợp đặc biệt theo Điều 26 Luật Đấu thầu năm 2013 theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước. Tuy nhiên, hiện nay do không còn được áp dụng nên nếu thực hiện theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 29 Luật Đấu thầu 2023 sẽ gặp khó khăn về mặt thời gian, trình tự, thủ tục; trong khi đó, các gói thầu nói trên cần được ký kết kịp thời, tránh ảnh hưởng đến quá trình thực hiện các nghiệp vụ đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước.

Đối với gói thầu mua dịch vụ của công ty xếp hạng tín dụng (mua quyền khai thác trực tuyến thông tin từ các công ty xếp hạng có uy tín trên thế giới) có tính đặc thù chuyên môn cao trong lĩnh vực phân tích tài chính quốc tế và đòi hỏi nền tảng kỹ thuật hiện đại, cho phép truy cập khối lượng dữ liệu lớn, bảo mật thông tin khách hàng, không phải bất kì công ty xếp hạng tín dụng nào cũng đáp ứng; hiện nay chỉ có 3 công ty Moody's, S&P và Fitch đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và việc sử dụng dịch vụ của các công ty này trong thời gian tới là cần thiết, bảo đảm cho công tác quản lý dự trữ ngoại hối được an toàn, hiệu quả. Trường hợp tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và công ty xếp hạng nhỏ trúng thầu thì một số đối tác của Ngân hàng Nhà nước không được xếp hạng, ảnh hưởng tới danh mục đầu tư, hiệu quả quản lý dự trữ ngoại hối.

Đối với gói thầu hệ thống thanh toán quốc tế, việc lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu cũng không khả thi do: (i) Hiệp hội SWIFT không phải là nhà thầu và sẽ không tham gia đấu thầu; (ii) Dịch vụ qua hệ thống SWIFT là dịch vụ độc quyền; (iii) Hình thức đặt hàng trực tiếp (e-order) qua trang điện tử của Hiệp hội SWIFT không giống với bất kỳ hình thức lựa chọn nhà thầu nào theo quy định của Luật Đấu thầu.

Đối với gói thầu mua dịch vụ của các công ty cung cấp dịch vụ thông tin tài chính – tiền tệ quốc tế và nền tảng giao dịch: Hiện tại trên thế giới chỉ có 2 hãng Bloomberg và Refinitiv đồng thời tích hợp đầy đủ các dịch vụ về thông tin tài chính và công cụ để thực hiện giao dịch đầu tư trên thị trường. Dịch vụ chuyên nghiệp của Refinitiv và Bloomberg được các định chế tài chính sử dụng rộng rãi trên thị trường quốc tế cũng như tại Việt Nam và khó có lựa chọn thay thế vì các ngân hàng trên thế giới cũng như đối tác của Ngân hàng Nhà nước đều sử dụng hai nền tảng này để giao dịch. Do là công ty quốc tế có phạm vi hoạt động và dịch vụ được sử dụng trên toàn cầu nên thường không sẵn sàng tham gia các hoạt động đấu thầu.

+ *Gói thầu lựa chọn luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nước ngoài.* Luật Đấu thầu hiện hành chỉ cho phép lựa chọn luật sư để bảo vệ Nhà nước Việt Nam tại cơ quan tài phán nước ngoài mà chưa cho phép lựa chọn luật sư bảo vệ Nhà nước Việt Nam tại cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nước ngoài được áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt. Hiện nay, khi số lượng các vụ việc phòng vệ thương mại gia tăng thì nhu cầu giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực phòng vệ thương mại cũng tăng lên do khả năng các biện pháp vi phạm quy định của WTO hoặc các Hiệp định/thỏa thuận song phương/đa phương. Theo thống kê của WTO, các vụ việc giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực phòng vệ thương mại chiếm tỷ lệ đa số (55%) trong tổng số các vụ việc giải quyết tranh chấp tại WTO. Điều này cho thấy các vụ việc phòng vệ thương mại thường gây nhiều tranh cãi giữa các thành viên WTO và rộng hơn là trong các khuôn khổ hiệp định thương mại song phương/đa phương (như CPTPP, RCEP...). Do quy trình giải quyết tranh chấp tại WTO và các khuôn khổ này mang tính chất tố tụng pháp lý, cần phải thuê luật sư có kinh nghiệm dày dặn, năng lực pháp lý và kiến thức chuyên sâu về quy định PVTM của WTO và quốc tế để bảo vệ quyền và lợi ích của Chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam. Do vậy, gói thầu này cần được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt để đảm bảo tính cấp thiết, chất lượng, thuận lợi trong công tác thực hiện nhiệm vụ.

+ *Gói thầu mua thông tin của các hãng thông tấn, tổ chức báo chí nước ngoài, in ấn phẩm báo chí do các đơn vị sự nghiệp của Trung ương đảng, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện để thực hiện nhiệm vụ chính trị do Đảng và Nhà nước giao nhằm tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước*



*Gói thầu mua thông tin của các hãng thông tấn, tổ chức báo chí nước ngoài* là hoạt động để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, thu thập thông tin ngoài nước từ các nguồn chính thống, tin cậy để đối chứng, cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước cũng như định hướng thông tin trong nước. Trên thực tế tại mỗi khu vực, địa bàn trên thế giới chỉ có một hãng tin/thông tấn nước ngoài có nguồn thông tin đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, trong khi các hãng tin/thông tấn nước ngoài không có nhu cầu tham gia hoạt động đấu thầu mà chỉ ký hợp đồng mua bán thông tin với khách hàng có nhu cầu.

*Gói thầu in ấn phẩm báo chí do các đơn vị sự nghiệp của Trung ương đảng, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện* là hoạt động yêu cầu về tính bảo mật và kiểm soát chất lượng thông tin, đảm bảo thông tin không bị sai lệch hay rò rỉ trước khi được phát hành, đồng thời yêu cầu gấp rút về mặt thời gian từ khi có bài viết, biên tập, hiệu đính, phê duyệt đến khâu in ấn, phát hành ấn phẩm cần nhanh chóng đưa thông tin tới các đồng chí lãnh đạo và độc giả; nếu tổ chức đấu thầu rộng rãi thì sẽ khó khăn trong việc kiểm tra, giám sát lại thông tin sau khi in và trước khi phát hành đối với doanh nghiệp in được trúng thầu, dẫn đến kéo dài quy trình, thời gian, nguồn nhân lực trong quá trình thực hiện in ấn và phát hành. Ngoài ra, việc cho phép áp dụng cơ chế đặc biệt đối với gói thầu này để giao cho các nhà in, công ty in trực thuộc sẽ tạo thuận lợi cho hoạt động xuất bản, phát hành các ấn phẩm của báo nhanh chóng, kịp thời (thời gian giao báo phải đảm bảo trước 5h sáng hàng ngày đến các điểm nhận báo), hiệu quả đến tay bạn đọc.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Đấu thầu, trừ các gói thầu thuộc quyền quyết định lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ hoặc của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu khác; Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định việc bỏ sung trường hợp áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với gói thầu có điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu và không thuộc trường hợp quy định tại Luật Đấu thầu.

Để tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo sự linh hoạt, chủ động, rút ngắn thời gian, quy trình, thủ tục trong việc quyết định áp dụng các gói thầu được lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, cần xem xét sửa đổi quy định tại Điều 29 Luật Đấu thầu.

#### *b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

Mục tiêu được đặt ra là giải quyết được các gói thầu cấp bách, đặc thù, riêng biệt mà không áp dụng được các hình thức lựa chọn nhà thầu khác; từ đó đơn giản hóa quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu, góp phần đẩy nhanh tiến độ

thực hiện dự án, gói thầu. Đồng thời, nâng cao tính chủ động, sẵn sàng trong việc thực hiện lựa chọn nhà thầu.

*c) Giải pháp đưa ra*

Giải pháp 1: Giữ nguyên như quy định hiện hành

Giải pháp 2:

+ Khoản 1 Điều 29 được sửa đổi theo hướng bổ sung các gói thầu được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt trên cơ sở Luật hóa các nội dung đã được quy định, áp dụng ổn định từ Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các trường hợp khác phát sinh trong thực tiễn nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, gói thầu có yêu cầu đặc thù về lựa chọn nhà thầu, không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Luật Đấu thầu, cụ thể:

(i) Gói thầu thẩm định giá tài sản cần thực hiện gấp theo yêu cầu của cơ quan điều tra;

(ii) Gói thầu cung cấp dịch vụ tổ chức các hội nghị, hội thảo, đại hội, tập huấn (phục vụ ăn, nghỉ cho đại biểu; cho thuê hội trường, phòng họp và các dịch vụ liên quan) có yêu cầu phải bố trí địa điểm ăn, nghỉ tập trung cho đại biểu và tiến độ cần thực hiện gấp;

(iii) Gói thầu sản xuất phim;

(iv) Gói thầu do các đơn vị sự nghiệp của Trung ương đảng, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện, gồm: mua thông tin của các hãng thông tấn, tổ chức báo chí nước ngoài, in ấn phẩm báo chí nhằm tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước;

(v) Gói thầu phục vụ công tác đối ngoại đón đoàn khách quốc tế thăm và làm việc tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về nghi lễ đối ngoại và gói thầu mua tặng phẩm đối ngoại cho Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương đi công tác nước ngoài;

(vi) Gói thầu mua dịch vụ của các công ty xếp hạng tín dụng quốc tế; gói thầu mua dịch vụ thanh toán quốc tế được cung cấp độc quyền bởi Hiệp hội viễn thông tài chính liên ngân hàng toàn cầu SWIFT; gói thầu mua dịch vụ của các công ty cung cấp dịch vụ thông tin tài chính – tiền tệ quốc tế và nền tảng giao dịch;

(vii) Gói thầu lựa chọn luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nước ngoài.

+ Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 29: “Gói thầu về đào tạo chuyên sâu cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do cơ sở đào tạo nước



ngoài trực tiếp thực hiện tại nước ngoài; mua vé máy bay cho đoàn đi công tác trong nước và quốc tế; gói thầu đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành đặc thù cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do cần thiết phải mời cơ quan, đơn vị có thẩm quyền hoặc có chức năng, nhiệm vụ đào tạo chuyên môn được cơ quan có thẩm quyền giao.”

+ Sửa đổi điểm g khoản 1 Điều 29: “Gói thầu sản xuất và lắp đặt sân khấu phục vụ sản xuất chương trình phát sóng gắn liền với ý tưởng thực hiện; thuê địa điểm để tổ chức sản xuất, ghi hình chương trình mang tính nghệ thuật cao;” thành “Gói thầu sản xuất chương trình phát sóng gắn liền với ý tưởng thực hiện”.

+ Điểm i khoản 1 Điều 29 được sửa đổi, bổ sung theo hướng trường hợp dự án, gói thầu có điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng không thuộc quy định tại Luật Đấu thầu thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phương án lựa chọn nhà thầu.

+ Điểm a khoản 2 Điều 29 được sửa đổi, bổ sung theo hướng phân cấp cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu có yêu cầu bảo đảm, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ.

+ Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 29 theo hướng đối với các gói thầu khác (trừ gói thầu quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 29), người có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn nhà thầu.

### Giải pháp 3:

Giữ nguyên các trường hợp được áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt tại Luật Đấu thầu 2023 và chỉ sửa đổi, bổ sung về thẩm quyền, phân cấp theo hướng:

+ Điểm i khoản 1 Điều 29 được sửa đổi, bổ sung theo hướng trường hợp dự án, gói thầu có điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng không thuộc quy định tại Luật Đấu thầu thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phương án lựa chọn nhà thầu.

+ Điểm a khoản 2 Điều 29 được sửa đổi, bổ sung theo hướng phân cấp cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu có yêu cầu bảo đảm, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ.

+ Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 29 theo hướng đối với các gói thầu khác (trừ gói thầu quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 29), người có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn nhà thầu.

*d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan*

*Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

Giải pháp 1: Không làm ảnh hưởng đến hệ thống quy phạm pháp luật hiện hành do nội dung về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt chủ yếu được quy định tại Luật Đấu thầu.

Đối với các gói thầu cấp bách cần triển khai ngay phát sinh trong thực tế mà không thể thực hiện được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu theo Luật Đấu thầu thì như quy định hiện nay (Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, bổ sung) sẽ làm kéo dài thời gian, ảnh hưởng đến việc thực hiện gói thầu, dự án.

Giải pháp 2: Phù hợp với quy định tại Luật Đấu thầu năm 2023 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

+ Việc bổ sung vào Luật Đấu thầu các trường hợp cụ thể được áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt sẽ có cơ sở pháp lý, tạo thuận lợi cho các chủ đầu tư áp dụng trong thực tế.

+ Việc sửa đổi về phân cấp thẩm quyền quyết định lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt phù hợp với chỉ đạo của Chính phủ về việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo sự linh hoạt, chủ động, rút ngắn thời gian, quy trình, thủ tục trong việc quyết định áp dụng các gói thầu được lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.

Giải pháp 3:

Việc sửa đổi như giải pháp 3 không làm thay đổi đến hệ thống pháp luật hiện hành về đấu thầu nhưng vẫn tồn tại vướng mắc về trình tự, thủ tục, thời gian, khi phát sinh các trường hợp đã xảy ra trong thực tế khi không thể áp dụng được các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định thì phải trình Thủ tướng xem xét, quyết định cho từng trường hợp cụ thể, dẫn đến làm kéo dài thời gian thực hiện gói thầu, dự án.

*Tác động về kinh tế - xã hội:*

Giải pháp 1:

- Đối với Nhà nước: Không làm thay đổi về mặt kinh tế - xã hội.

- Đối với doanh nghiệp, người dân: Chủ đầu tư, bên mời thầu phải tiêu tốn thời gian, nhân lực trong việc thực hiện trình tự, thủ tục áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với các trường hợp chưa được quy định tại



Luật Đấu thầu 2023; chưa thực hiện được chủ trương đẩy mạnh phân quyền, phân cấp, cải cách thủ tục hành chính của Đảng và Nhà nước.

#### Giải pháp 2:

- Đối với Nhà nước và doanh nghiệp:

+ Việc bổ sung các gói thầu được áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt giúp giải quyết được các trường hợp cấp bách, đặc thù không thể thực hiện lựa chọn nhà thầu bằng các hình thức khác; từ đó giúp đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, gói thầu, góp phần đẩy nhanh giải ngân vốn.

+ Việc sửa đổi về thẩm quyền quyết định lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo hướng đẩy mạnh phân cấp như nêu trên giúp cho các chủ thể tham gia thực hiện tiết kiệm được thời gian, chi phí; góp phần đẩy nhanh tiến độ cho các dự án, gói thầu, từ đó nâng cao hiệu quả đối với quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, gia tăng hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, gói thầu, đảm bảo thực hiện đồng bộ, thống nhất chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm quản lý nhà nước của các cấp thẩm quyền.

+ Việc phân cấp thẩm quyền quyết định như nêu tại giải pháp 2 không làm phát sinh nhân lực, nguồn lực để triển khai, ngoài ra còn góp phần phát huy được sự chủ động của các chủ đầu tư, bên mời thầu, đồng thời nâng cao vai trò và trách nhiệm của các cấp trong việc quản lý dự án, gói thầu thuộc thẩm quyền quyết định của mình.

- Đối với người dân:

Việc sửa đổi các nội dung về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt giúp người dân, xã hội tiếp cận được các công trình, dịch vụ chất lượng một cách nhanh chóng, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng an sinh, xã hội.

#### Giải pháp 3:

- Việc sửa đổi về thẩm quyền quyết định lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo hướng đẩy mạnh phân cấp như nêu trên giúp cho các chủ thể tham gia thực hiện tiết kiệm được thời gian, chi phí; góp phần đẩy nhanh tiến độ cho các dự án, gói thầu.

Tuy nhiên, việc quy định như giải pháp 3 sẽ không giải quyết được ngay các trường hợp thực tế đang phát sinh nhiều gói thầu cấp bách, cần triển khai ngay, có yêu cầu đặc thù về lựa chọn nhà thầu cần được bổ sung vào khoản 1 Điều 29 để làm cơ sở thực hiện.

- Việc không bổ sung được các trường hợp cấp bách, cần triển khai ngay, có yêu cầu đặc thù về lựa chọn nhà thầu sẽ dẫn đến dự án, gói thầu bị kéo dài thời gian thực hiện vì chủ đầu tư, bên mời thầu sẽ cần thời gian để hoàn thiện thủ tục trình xin ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với từng dự án, gói thầu cụ thể (trình tự, thủ tục báo cáo, nhân lực thực hiện...).

*Tác động về giới:* Các giải pháp không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*Tác động về thủ tục hành chính:* Các giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính.

*đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Sau khi so sánh tác động của các giải pháp, giải pháp 2 là phương án được lựa chọn vì góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các gói thầu, dự án cấp bách, đặc thù, đặc biệt mà không thể thực hiện được các hình thức lựa chọn nhà thầu khác.

Ngoài ra, việc sửa đổi quy định về thẩm quyền quyết định hình thức này theo hướng quy định giao người có thẩm quyền tự quyết định và chịu trách nhiệm đối với các trường hợp quy định tại Luật Đấu thầu và Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định các trường hợp phát sinh, chưa được quy định tại Luật Đấu thầu góp phần đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo sự linh hoạt, rút ngắn thời gian, quy trình, thủ tục trong việc quyết định áp dụng các gói thầu được lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.

**9.3. Về việc áp dụng đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế, đấu thầu trong nước**

*a) Xác định vấn đề*

*- Về đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế*

Luật Đấu thầu năm 2023 (điểm a khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 22) quy định đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế chỉ được thực hiện khi đáp ứng điều kiện “nhà tài trợ vốn cho dự án, gói thầu có yêu cầu tổ chức đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế trong điều ước quốc tế, thỏa thuận vay”.

Theo quy định hiện hành, các hình thức đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế chỉ được thực hiện trong trường hợp điều ước quốc tế, thỏa thuận vay **đã ký kết** có quy định cho phép áp dụng. Trong quá trình đàm phán các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, trường hợp có quy định về đấu thầu khác hoặc chưa được quy định tại Luật Đấu thầu thì phải báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến (khoản 2 Điều 20 Luật Đấu thầu). Trong khi đó, việc áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài là quy định của hầu hết các nhà tài trợ và tổ chức quốc tế nhằm đảm bảo tính cạnh tranh công bằng trong quá trình đấu thầu. Trong giai đoạn từ năm 2015 đến nay, tổng số vốn vay Việt Nam đã huy động trong đó nhà tài trợ yêu cầu áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế là 16,57 tỷ USD.

Bên cạnh đó, đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế là điều kiện tiên quyết của một số đối tác phát triển để tài trợ vốn cho Việt Nam. Trong giai đoạn từ năm

2015 đến nay, tổng số vốn vay Việt Nam đã huy động, trong đó nhà tài trợ yêu cầu áp dụng hình thức đấu thầu hạn chế là: 3,06 tỷ USD. Hiện nay, Việt Nam đã trở thành nước có thu nhập trung bình và phải vay với điều kiện gắn với thị trường, chỉ còn một số ít nước như Nhật Bản, Hàn Quốc (là 02 nhà tài trợ song phương lớn nhất cho Việt Nam hiện nay) và một số nước châu Âu còn duy trì vốn ODA nhưng phải có điều kiện ràng buộc về đấu thầu hạn chế giữa các nhà thầu của nước tài trợ.

**- Về đấu thầu trong nước**

Đối với các nhà tài trợ đa phương (chủ yếu như WB, ADB...) các tổ chức tài chính quốc tế khác mà Việt Nam là thành viên đều có quy định bắt buộc về xuất xứ nhà thầu đối với đấu thầu trong nước (cho phép nhà thầu thuộc danh sách các quốc gia hợp lệ được tham dự thầu trong nước) trong khi Luật Đấu thầu quy định đấu thầu trong nước chỉ cho phép nhà thầu trong nước tham dự thầu. Trong giai đoạn từ 2024-2027, tổng danh mục vay vốn Ngân hàng Thế giới - WB, Ngân hàng Phát triển châu Á - ADB cho Việt Nam trị giá 16,6 tỷ USD cho 45 dự án, trong đó Quy chế mua sắm của các tổ chức này (đều có quy định về xuất xứ nhà thầu) là không thể thay đổi, không đàm phán được qua từng khoản vay cụ thể.

Với các lý do trên, việc không cho phép đấu thầu hạn chế, đấu thầu quốc tế, đấu thầu trong nước có sự tham gia của các nhà thầu nước ngoài đối với các gói thầu, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi sẽ làm vô hiệu các nguyên tắc cơ bản về ODA ràng buộc và ODA không ràng buộc đã được quy định tại Luật Quản lý nợ công. Nếu không xử lý được vấn đề này, các dự án đường sắt đô thị tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh đang sử dụng vốn vay của Nhật Bản, các dự án dự kiến sử dụng nguồn vốn vay ODA của Chính phủ Hàn Quốc (trong giai đoạn 2026-2030 là 02 tỷ USD) phải thực hiện các thủ tục trình duyệt của các cấp có thẩm quyền, phát sinh nhiều thủ tục hành chính và thời gian, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của các dự án.

**b) Mục tiêu giải quyết**

Mục tiêu được đặt ra là hài hòa với quy định của các nhà tài trợ, góp phần tháo gỡ các vướng mắc, đẩy nhanh quá trình đàm phán, ký kết các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài; đồng thời, đơn giản hóa quy trình, thủ tục trong đấu thầu, tăng cường sự cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế; tăng khả năng tiếp cận các gói thầu, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

**c) Giải pháp đưa ra**

Giải pháp 1: Giữ nguyên như quy định hiện hành

Giải pháp 2:

Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 11 Điều 4, Điều 11 và Điều 22 Luật Đấu thầu theo hướng cho phép đấu thầu trong nước có sự tham gia của các nhà thầu nước ngoài hoặc áp dụng các hình thức đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế trong trường hợp nhà tài trợ vốn cho dự án, gói thầu có yêu cầu áp dụng các hình thức này như là điều kiện ràng buộc trong đàm phán, ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay.

### Giải pháp 3:

- Giữ nguyên quy định về đấu thầu trong nước, đấu thầu quốc tế đấu thầu hạn chế tại khoản 11 Điều 4 Điều 11, Điều 22 Luật Đấu thầu năm 2023.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 3 Luật Đấu thầu năm 2023 theo hướng trường hợp có sự khác biệt giữa quy định tại Luật Đấu thầu và quy định của nhà tài trợ hoặc tổ chức quốc tế thì **trình Chính phủ xem xét, quyết định áp dụng theo quy định của nhà tài trợ, tổ chức quốc tế đó.**

*d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan*

*Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

Giải pháp 1: Không làm ảnh hưởng đến hệ thống quy phạm pháp luật hiện hành do nội dung về đấu thầu trong nước, đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế chủ yếu được quy định tại Luật Đấu thầu.

Tuy nhiên vẫn tồn tại các vướng mắc trong thực tế khi nhà tài trợ có yêu cầu phải áp dụng các hình thức này. Trường hợp trong quá trình đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài có sự khác biệt giữa quy định của nhà tài trợ và pháp luật trong nước, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến thường mất 4-5 tháng dẫn đến làm kéo dài quá trình đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế, thỏa thuận vay<sup>11</sup>.

### Giải pháp 2:

+ Góp phần giúp hệ thống pháp luật về đấu thầu tiếp cận thông lệ quốc tế, hài hòa hóa với quy định của các nhà tài trợ, tháo gỡ các vướng mắc, đẩy nhanh quá trình đàm phán, ký kết các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài

Ngoài ra, trên thực tế, nội dung cho phép nhà thầu thuộc danh sách các quốc gia hợp lệ được tham dự đấu thầu trong nước đã được ủy ban Thường vụ Quốc hội đồng ý đối với Dự án hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (Thông báo số 3589/TB-TTKQH ngày 08/5/2024).

<sup>11</sup> Dự án hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu Thành phố Vinh, Nghệ An được Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội từ tháng 01/2024 và đến tháng 5/2024 Ủy ban Thường vụ Quốc hội có thông báo kết luận đồng ý về một số khác biệt giữa quy định của IBRD và Luật Đấu thầu.

### Giải pháp 3:

Việc sửa đổi như giải pháp 3 sẽ dẫn đến mâu thuẫn với Luật Điều ước quốc tế vì theo quy định của Luật Điều ước quốc tế thì cơ quan đàm phán phải trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định áp dụng theo quy định của tổ chức quốc tế, nhà tài trợ nước ngoài.

#### *Tác động về kinh tế - xã hội:*

### Giải pháp 1:

- Đối với Nhà nước: Trường hợp vẫn tồn tại sự khác biệt giữa quy định của nhà tài trợ với pháp luật trong nước có thể dẫn đến không ký được điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài và các dự án có vốn của nhà tài trợ không thực hiện được, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế do không được tiếp nhận các nguồn vốn ODA này.

- Đối với doanh nghiệp và người dân: Doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tiếp cận các dự án, gói thầu có sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, từ đó dẫn đến chất lượng hệ thống cơ sở hạ tầng, dịch vụ không được nâng cao và chất lượng an sinh xã hội cho người dân không được cải thiện.

### Giải pháp 2:

- Đối với Nhà nước:

+ Vốn ODA là nguồn vốn bổ sung cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế, các công trình phúc lợi xã hội, có tác động lan tỏa, thu hút các nguồn vốn đầu tư khác như vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, vốn đầu tư của khu vực tư nhân.... Việc sử dụng ODA có hiệu quả, có tác động tích cực đến phát triển năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng dịch vụ của các ngành và địa phương. Ngoài ra, nguồn vốn ODA còn hỗ trợ các địa phương, đặc biệt các tỉnh còn nghèo, những công trình phục vụ trực tiếp đời sống của nhân dân như giao thông nông thôn, cấp điện và nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế xã và các bệnh viện tỉnh và huyện, các công trình thủy lợi, các chợ nông thôn...

Do đó, nếu giải quyết được các khác biệt giữa quy định của nhà tài trợ với quy định của pháp luật trong nước, tháo gỡ được vướng mắc trong quá trình đàm phán, ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài thì các dự án ODA sẽ sớm được ký kết và triển khai, giúp thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

+ Việc quy định về đấu thầu trong nước, đấu thầu quốc tế và đấu thầu hạn chế như nêu trên không làm phát sinh nhân lực, nguồn lực để thực hiện đàm phán ký kết các điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài; đồng thời góp phần giảm thủ tục trong quá trình đàm phán (thủ tục xin ý kiến khi phát sinh khác biệt về đấu thầu giữa quy định trong nước và quy định của nhà tài trợ; thủ tục trình Ủy ban thường vụ Quốc hội khi phát sinh khác biệt).

- Đối với doanh nghiệp và người dân: Doanh nghiệp, nhà thầu được tiếp cận nhanh chóng với các dự án, gói thầu sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; góp phần đẩy nhanh quá trình triển khai thực hiện dự án, gói thầu, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội.

Giải pháp 3:

Sẽ tháo gỡ được vướng mắc liên quan đến việc giải quyết các khác biệt giữa quy định của nhà tài trợ và pháp luật trong nước, tuy nhiên nếu trình Chính phủ xem xét, chấp nhận các khác biệt này thì thẩm quyền quyết định là Chính phủ sẽ mâu thuẫn với thẩm quyền quyết định quy định tại Luật Điều ước quốc tế (Ủy ban TVQH), dẫn đến xung đột, mâu thuẫn giữa các Luật.

*Tác động về giới:* Các giải pháp không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do các giải pháp được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*Tác động về thủ tục hành chính:* Các giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính.

*đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Sau khi so sánh tác động của các giải pháp, giải pháp 2 là phương án được lựa chọn vì phù hợp với thông lệ quốc tế, quy định của nhà tài trợ, đồng thời, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, góp phần tiết kiệm thời gian, nguồn lực tài chính và đưa lại nhiều cơ hội cho doanh nghiệp, nhà thầu; người dân được tiếp cận hệ thống hạ tầng cơ sở chất lượng, đời sống an sinh xã hội được nâng cao.

**9.4. Về quy định mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế tại cơ sở bán lẻ thuốc trong khuôn viên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**

*a) Xác định vấn đề*

Hiện nay, các cơ sở y tế công lập hầu hết đều có nhà thuốc trong khuôn viên của cơ sở y tế (sau đây gọi là nhà thuốc bệnh viện) để phục vụ nhu cầu mua thuốc của người bệnh. Nguồn vốn mua thuốc bán lẻ tại các nhà thuốc bệnh viện đều dùng nguồn thu hợp pháp của cơ sở y tế đó, bao gồm nguồn thu từ chi trả tự nguyện của người dân (không dùng vốn nhà nước hay quỹ bảo hiểm y tế) và chủ đầu tư phải thực hiện lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 2 Luật Đấu thầu năm 2023.

Tuy nhiên, do các đặc thù của việc bán lẻ thuốc tại nhà thuốc bệnh viện như bán thuốc theo nhu cầu điều trị của người bệnh, không dự trữ trước được số lượng; trường hợp nhà thuốc bệnh viện không có thuốc thì người bệnh phải mua thuốc bên ngoài, dẫn đến sự không thuận tiện cho người bệnh và không kiểm soát được chất lượng; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải mua ngay được các loại thuốc phù hợp với đặc thù khám bệnh, chữa bệnh của từng cơ sở và đáp ứng nhu cầu điều trị của người bệnh.

Theo đó, việc quy định chỉ được áp dụng mua sắm trực tiếp 01 lần đối với 01 loại hàng hóa theo quy định tại Điều 25 Luật Đấu thầu năm 2023 là chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn về mua thuốc để bán lẻ tại các nhà thuốc bệnh viện.

*b) Mục tiêu giải quyết*

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về đấu thầu trong lĩnh vực y tế, đảm bảo kịp thời nguồn cung về thuốc, vật tư y tế phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, nâng cao đời sống an sinh, xã hội của người dân và khả năng tiếp cận nhu cầu về chất lượng thuốc phục vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở y tế công lập.

*c) Giải pháp đưa ra*

Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành

Giải pháp 2:

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 55 theo hướng cho phép chủ đầu tư được *áp dụng nhiều lần* đối với một hoặc các loại thuốc trong trường hợp áp dụng mua sắm trực tiếp đối với việc mua thuốc để bán lẻ tại các cơ sở bán lẻ thuốc trong khuôn viên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

*d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan*

*- Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

Giải pháp 1: Không làm ảnh hưởng đến hệ thống quy phạm pháp luật hiện hành do nội dung về mua sắm trực tiếp chủ yếu được quy định tại Luật Đấu thầu.

Giải pháp 2: Phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, không mâu thuẫn, chồng chéo với các pháp luật có liên quan.

*- Tác động về kinh tế - xã hội:*

Giải pháp 1: Không làm thay đổi tác động về kinh tế - xã hội

Giải pháp 2:

+ Đối với Nhà nước và doanh nghiệp:

Việc quy định về áp dụng mua sắm trực tiếp nhiều lần đối với các loại thuốc để mua thuốc để bán lẻ tại cơ sở bán lẻ thuốc trong khuôn viên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần tăng sự chủ động, linh hoạt cho nhà thuốc bệnh viện, giải quyết các đặc thù của việc bán lẻ thuốc tại nhà thuốc bệnh viện như: bán thuốc theo nhu cầu điều trị của người bệnh, không dự trữ trước được số lượng; cơ sở y tế cần phải mua ngay được các loại thuốc phù hợp với công tác khám bệnh, chữa bệnh của từng cơ sở y tế.

+ Đối với người dân:

Giúp người dân tiếp cận được các nguồn thuốc chất lượng một cách nhanh chóng, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh của mình, góp phần nâng cao an sinh, xã hội.

*Tác động về giới:* Các giải pháp không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do các giải pháp được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*Tác động về thủ tục hành chính:* Các giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính

#### *đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Sau khi so sánh đánh giá của các giải pháp, giải pháp 2 là phương án được lựa chọn vì theo phương án này sẽ tháo gỡ khó khăn cho hoạt động bán lẻ thuốc tại nhà thuốc bệnh viện, đẩy nhanh tiến độ mua sắm thuốc, bảo đảm chất lượng, phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh.

### **9.5. Về lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập đã trúng thầu; tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư; phương thức lựa chọn nhà thầu; thời gian trong lựa chọn nhà thầu**

#### *a) Xác định vấn đề*

- Về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ phi tư vấn phục vụ trực tiếp cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập đã trúng thầu

Theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 Luật Đấu thầu, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được tự quyết định việc lựa chọn nhà thầu trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình trong trường hợp lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, nguyên liệu nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ phi tư vấn phục vụ trực tiếp cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập đã trúng thầu.

Tuy nhiên, quy định nêu trên của Luật Đấu thầu chỉ áp dụng đối với trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập đã trúng thầu mà chưa bao gồm hoạt động dịch vụ mà đơn vị sự nghiệp được lựa chọn không thông qua đấu thầu (ví dụ như bệnh viện công lập được các công ty ký hợp đồng trực tiếp để cung cấp dịch vụ khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; Đài truyền hình cung cấp dịch vụ quảng cáo cho doanh nghiệp...). Đồng thời, quy định này chỉ áp dụng đối với việc lựa chọn nhà thầu để cung cấp dịch vụ tư vấn, nguyên liệu nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ phi tư vấn, chưa bao gồm các loại hàng hóa khác, dẫn đến khó khăn trong việc mua sắm để phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập (ví dụ bệnh viện công lập mua vật tư, hóa chất xét nghiệm để thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ khám sức khỏe).

- Về tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư



Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Luật Đấu thầu, nhà thầu, nhà đầu tư là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện, trong đó bao gồm đối với nhà thầu, nhà đầu tư trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà thầu, nhà đầu tư nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài.

Khi triển khai trong thực tế, có nhiều các tổ chức, đơn vị như đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)... là các tổ chức, đơn vị có năng lực, kinh nghiệm có thể thực hiện các gói thầu thuộc lĩnh vực mình hoạt động nhưng không thuộc các đối tượng được nêu tại điểm a khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu nên không đủ tư cách để tham dự thầu.

*- Về phương thức đấu thầu một giai đoạn hai túi hồ sơ*

Luật Đấu thầu (khoản 1 Điều 31) quy định phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ được áp dụng trong trường hợp đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đòi hỏi kỹ thuật cao theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ.

Tuy nhiên, hiện nay, pháp luật về khoa học, công nghệ chưa có quy định về việc xác định gói thầu đòi hỏi kỹ thuật cao nên các chủ đầu tư gặp khó khăn trong việc xác định phương thức lựa chọn nhà thầu, đặc biệt là các gói thầu đòi hỏi yêu cầu kỹ thuật cao, phức tạp trong lĩnh vực dầu khí, năng lượng...

*- Về thời gian lựa chọn nhà thầu*

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 45 Luật Đấu thầu, thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế tối thiểu là 18 ngày đối với đấu thầu trong nước, 35 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 09 ngày đối với đấu thầu trong nước, 18 ngày đối với đấu thầu quốc tế.

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 45 Luật Đấu thầu, thời gian để thực hiện sửa đổi hồ sơ mời thầu là tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Quy định các mốc thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu và sửa đổi hồ sơ mời thầu giữa các lĩnh vực như hiện hành chưa được thống nhất và cũng gây ra khó khăn nhất định cho các chủ đầu tư, đặc biệt trong các trường hợp dự án, gói thầu

cần triển khai gấp. Đối với lựa chọn tư vấn trong nước, có những gói thầu giá trị nhỏ, đơn giản, ví dụ như lựa chọn tư vấn đấu thầu, lựa chọn tư vấn lập dự toán, tư vấn giám sát...thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu vẫn quy định là 18 ngày và thời gian sửa đổi hồ sơ mời thầu vẫn quy định tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu dẫn đến thời gian lựa chọn nhà thầu thường bị kéo dài.

*b) Mục tiêu giải quyết*

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về đấu thầu, trong đó đảm bảo tư cách hợp lệ tham gia đấu thầu của tất cả các chủ thể, đối tượng; đơn giản hóa quy trình, thủ tục trong lựa chọn nhà thầu; tiết kiệm thời gian trong lựa chọn nhà thầu; tạo sự chủ động, linh hoạt cho hoạt động kinh doanh của các đơn vị sự nghiệp công lập.

*c) Giải pháp đưa ra*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như quy định hiện hành

- Giải pháp 2:

+ Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 7 Điều 3 theo hướng quy định cơ quan, tổ chức doanh nghiệp được tự quyết định việc lựa chọn nhà thầu trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình trong trường hợp *lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn phục vụ trực tiếp cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập đã ký hợp đồng.*

+ Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 5 theo hướng bổ sung thêm “tổ chức khác” bên cạnh các tổ chức được nêu tại điểm này, cụ thể: “*a) Đối với nhà thầu, nhà đầu tư trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và các tổ chức khác được đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam*”.

+ Sửa đổi quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 theo hướng phương thức đấu thầu một giai đoạn hai túi hồ sơ áp dụng đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp *có nội dung thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành.* Đồng thời, sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm d khoản 1 Điều 43 để thống nhất với Điều 31 theo hướng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, cung cấp dịch vụ phi tư vấn áp dụng đấu thầu quốc tế, gói thầu hỗn hợp và gói thầu có nội dung *thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành,* trường hợp cần thiết, bên mời thầu có thể thương thảo hợp đồng với nhà thầu xếp thứ nhất.”

+ Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 45 Luật Đấu thầu theo hướng *đối với gói thầu tư vấn đơn giản hoặc gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu có thể quy định tối thiểu là 09 ngày đối với đấu thầu trong nước.*

+ Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 45 theo hướng *gói thầu tư vấn đơn giản hoặc gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ thì việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.*

*d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan*

*Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

Giải pháp 1: Không làm ảnh hưởng đến hệ thống quy phạm pháp luật hiện hành do nội dung về lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập đã trúng thầu, tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư, phương thức lựa chọn nhà thầu, thời gian trong lựa chọn nhà thầu chủ yếu được quy định tại Luật Đấu thầu.

Giải pháp 2:

+ Việc sửa đổi về tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư như giải pháp 2 góp phần hoàn thiện đầy đủ, thống nhất hệ thống pháp luật về đấu thầu, đảm bảo quyền lợi cho các chủ thể tham gia đấu thầu; tăng tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và trách nhiệm giải trình.

+ Việc sửa đổi quy định về lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập đã trúng thầu góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo cơ sở cho các đơn vị sự nghiệp công lập chủ động trong việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ các hợp đồng đã được ký kết trực tiếp không thông qua đấu thầu, góp phần tạo thuận lợi cho các hoạt động kinh doanh của đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Việc sửa đổi về quy định áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ như trên tạo thuận lợi cho chủ đầu tư có cơ sở pháp lý để xác định phương thức đấu thầu cho phù hợp và căn cứ theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.

+ Việc sửa đổi về thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu và sửa đổi hồ sơ mời thầu đối với gói thầu tư vấn sẽ giúp rút ngắn thời gian lựa chọn nhà thầu, đẩy nhanh quá trình thực hiện gói thầu, dự án.

*- Tác động về kinh tế - xã hội:*

Giải pháp 1:

+ Giữ nguyên như hiện hành về lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập đã trúng thầu sẽ gây khó khăn trong trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện mua sắm để phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ không thông qua đấu thầu (ví dụ: Bệnh viện đã ký kết hợp đồng trực tiếp để cung cấp dịch vụ khám bệnh định kỳ. Để phục vụ công tác khám bệnh, bệnh viện phải thực hiện mua sắm hóa chất, vật tư tiêu hao. Trong trường hợp này nếu bệnh viện phải thực hiện đấu thầu mua sắm các mặt hàng này thì có thể bị kéo dài thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu, có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thực hiện hợp đồng đã ký kết).

+ Giữ nguyên như hiện hành về tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư sẽ ảnh hưởng đến một số đối tượng đủ năng lực kinh nghiệm nhưng không đủ tư cách hợp lệ nên không được tham dự thầu, dẫn đến không đảm bảo quyền lợi cho nhà thầu.

+ Giữ nguyên quy định về áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ như tại Luật Đấu thầu năm 2023 sẽ gây khó khăn cho chủ đầu tư cũng như doanh nghiệp không có cơ sở xác định gói thầu đòi hỏi kỹ thuật cao, từ đó không lựa chọn được phương thức đấu thầu phù hợp.

+ Giữ nguyên quy định về thời gian đối với gói thầu tư vấn đơn giản, gói thầu tư vấn có giá trị nhỏ, gói thầu tư vấn cấp bách không tiết kiệm được thời gian dẫn đến không tiết kiệm được chi phí trong lựa chọn nhà thầu.

#### Giải pháp 2:

- Đối với Nhà nước:

+ Góp phần tạo tính chủ động, linh hoạt, tự chịu trách nhiệm cho các chủ thể tham gia trực tiếp vào hoạt động đấu thầu vẫn bảo đảm mục tiêu của công tác đấu thầu là cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình; tăng tính cạnh tranh của các bên khi tham dự thầu, bảo đảm quyền lợi của mọi đối tượng trong quá trình tham dự thầu.

+ Việc sửa đổi, bổ sung quy định về thời gian đối với gói thầu tư vấn góp phần rút ngắn thời gian thực hiện gói thầu dự án, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công.

+ Việc sửa đổi, bổ sung quy định về áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ góp phần giúp chủ đầu tư lựa chọn được phương thức đấu thầu phù hợp với các dự án có yêu cầu đặc thù về công nghệ, kỹ thuật cao một cách chính xác, phù hợp với quy định của pháp luật, từ đó nâng cao hiệu quả công tác đấu thầu.

- Đối với doanh nghiệp, người dân:

+ Góp phần ổn định môi trường kinh doanh, khuyến khích, thu hút mọi đối tượng tham gia quá trình đấu thầu, góp phần nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng, dịch vụ, đảm bảo an sinh, xã hội.

+ Góp phần tạo sự chủ động, linh hoạt cho các hoạt động kinh doanh của đơn vị sự nghiệp công lập; tăng tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và tự chịu trách nhiệm của các bên khi tham gia các hoạt động mua sắm phục vụ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập.

*Tác động về giới:* Các giải pháp không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do các giải pháp được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính.

Dự thảo nội dung sửa đổi Luật Đấu thầu về tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư (bổ sung thêm “tổ chức khác”) không điều chỉnh, bổ sung trình tự, cách thức thực hiện thủ tục đăng ký nhà thầu mà chỉ điều chỉnh đối tượng thực hiện đăng ký nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Theo đó, trình tự thực hiện thủ tục hành chính về đăng ký nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia vẫn thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP; đối tượng thực hiện đăng ký có thể là tổ chức khác, không nhất thiết phải là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Luật Đấu thầu năm 2023.

#### *d) Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Sau khi so sánh tác động của các giải pháp, giải pháp 2 là phương án được lựa chọn vì theo phương án này sẽ bảo đảm quyền lợi đầy đủ cho các bên tham gia hoạt động đấu thầu, đồng thời tăng tính cạnh tranh, minh bạch, tự chịu trách nhiệm của các bên trong đấu thầu, rút ngắn thời gian thực hiện các gói thầu, dự án, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công.

### ***9.6. Về các trường hợp áp dụng chỉ định thầu, căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu***

#### *a) Xác định vấn đề*

*- Về gói thầu chỉ định thầu cần triển khai ngay để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh*

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 41 Luật Dữ trữ quốc gia năm 2012, trường hợp không thể áp dụng đấu thầu rộng rãi hoặc chào hàng cạnh tranh do tính chất đột xuất, cấp bách, yêu cầu thời vụ, thời điểm đối với gói thầu mua hàng dự trữ quốc gia là thuốc phòng, chống dịch bệnh, hóa chất sát trùng, thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống cây trồng thì được áp dụng hình thức chỉ định thầu.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu năm 2023, gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện, phương tiện, xây lắp cần triển khai ngay để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh được áp dụng hình thức chỉ định thầu.

Theo đó, quy định nêu trên của Luật đấu thầu chỉ liệt kê những gói thầu để phục vụ phòng chống dịch nhưng không bao gồm mua hóa chất sát trùng, thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống cây trồng theo quy định tại Luật Dự trữ quốc gia, dẫn đến vướng mắc trong hoạt động dự trữ quốc gia của ngành nông nghiệp phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh.

*- Về căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và điều kiện chỉ định thầu đối với gói thầu quy hoạch*

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 và điểm a khoản 3 Điều 23 Luật Đấu thầu, một trong các căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và điều kiện chỉ định thầu là phải có quyết định đầu tư được phê duyệt. Tuy nhiên, pháp luật về quy hoạch chỉ có quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quyết định phê duyệt quy hoạch, không có khái niệm “quyết định đầu tư” dẫn đến khi triển khai, chủ đầu tư gặp khó khăn trong việc xác định điều kiện chỉ định thầu và căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Do đó, cần phải sửa đổi các quy định nêu trên của Luật Đấu thầu để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với pháp luật về quy hoạch.

*b) Mục tiêu giải quyết*

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về đấu thầu, phù hợp với pháp luật có liên quan; đơn giản hóa quy trình, thủ tục trong lựa chọn nhà thầu; đảm bảo công tác mua sắm trong các trường hợp cấp bách, phòng, chống dịch bệnh đối với ngành dự trữ quốc gia.

*c) Giải pháp đưa ra*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như quy định hiện hành

- Giải pháp 2:

+ Bổ sung cụm từ “**hàng hóa khác**” vào trường hợp chỉ định thầu gói thầu cần triển khai ngay để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Luật Đấu thầu. Đồng thời, dự thảo Luật thay chữ “**hoặc**” ở điểm này thành dấu chấm phẩy và bổ sung cụm từ “**gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp**” vào câu “nhằm duy trì hoạt động của sở khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cấp bách, tránh gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe người dân”.

+ Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 23 để quy định chỉ định thầu theo hướng “**Có quyết định đầu tư được phê duyệt đối với dự án, trừ gói thầu tư vấn phục vụ công tác chuẩn bị dự án; đối với gói thầu tư vấn lập quy hoạch và các gói thầu phục vụ công tác lập quy hoạch, có quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch, trừ gói thầu tư vấn cần thực hiện trước khi phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và trường hợp không phải phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.**”.

+ Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 38 theo hướng “*Quyết định phê duyệt dự án và tài liệu có liên quan, trừ trường hợp gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án, đối với gói thầu tư vấn lập quy hoạch và các gói thầu phục vụ công tác lập quy hoạch, có quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và tài liệu có liên quan, trừ gói thầu tư vấn cần thực hiện trước khi phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và trường hợp không phải phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án, thì căn cứ theo quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư*”.

d) *Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan*

*Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

Giải pháp 1: Không làm ảnh hưởng đến hệ thống quy phạm pháp luật hiện hành do nội dung về chỉ định thầu, căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu chủ yếu được quy định tại Luật Đấu thầu.

Giải pháp 2:

+ Việc sửa đổi, bổ sung quy định áp dụng chỉ định thầu tại điểm c khoản 1 Điều 23 phù hợp với quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia đối với hàng hóa phục vụ phòng, chống dịch bệnh.

+ Việc sửa đổi quy định về chỉ định thầu và căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu tư vấn quy hoạch phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch.

*Tác động về kinh tế - xã hội:*

Giải pháp 1:

+ Giữ nguyên như quy định hiện hành đối với trường hợp áp dụng chỉ định thầu trong gói thầu mua hàng dự trữ quốc gia sẽ gây vướng mắc trong hoạt động dự trữ quốc gia của ngành nông nghiệp (trong việc mua hóa chất sát trùng, thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống cây trồng... để phòng, chống dịch bệnh), ảnh hưởng đến công tác dự trữ quốc gia;

+ Đối với lĩnh vực quy hoạch, việc giữ nguyên như quy định hiện hành sẽ dẫn đến khó khăn trong việc xác định điều kiện chỉ định thầu và căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu của các gói thầu tư vấn quy hoạch. Từ đó ảnh hưởng đến tiến độ lập các quy hoạch của Nhà nước, ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp.

Giải pháp 2:

- Đối với Nhà nước và doanh nghiệp:

+ Việc bổ sung cụm từ “hàng hóa” tại điểm c khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu góp phần bao quát các mặt hàng của ngành nông nghiệp như hóa chất sát trùng, thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống cây trồng... để bảo đảm đáp ứng tính đột xuất, cấp bách trong công tác phòng, chống dịch bệnh và thực tiễn sản xuất cũng như mục tiêu của dự trữ quốc gia.

+ Việc sửa đổi quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 và điểm a khoản 1 Điều 38 giúp chủ đầu tư có cơ sở pháp lý cụ thể để xác định điều kiện chỉ định thầu và căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu quy hoạch. Từ đó góp phần đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch, nâng cao chất lượng của hoạt động đầu tư, hoạt động kinh doanh.

- Đối với người dân:

+ Góp phần giúp người dân tiếp cận được hệ thống cơ sở hạ tầng, dịch vụ có chất lượng tốt, từ đó, đời sống an sinh xã hội được nâng cao.

+ Bên cạnh đó, khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh không lường trước được, Nhà nước có thể cung ứng kịp thời các loại thuốc bảo vệ thực vật, hoá chất sát trùng, hạt giống trong nông nghiệp... từ nguồn dự trữ quốc gia, góp phần đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân.

*Tác động về giới:* Các giải pháp không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do các giải pháp được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính.

*d) Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Sau khi so sánh tác động của các giải pháp, giải pháp 2 là phương án được lựa chọn vì theo giải pháp này sẽ góp phần hài hòa với quy định của pháp luật có liên quan, đơn giản hóa thủ tục, thời gian đối với các gói thầu dự trữ quốc gia của ngành nông nghiệp có tính chất đột xuất, cấp bách và các gói thầu tư vấn quy hoạch đang gặp vướng mắc hiện nay. Từ đó, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư, kinh doanh, chất lượng đời sống an sinh, xã hội.

Trên đây là Báo cáo Đánh giá tác động chính sách của đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Ủy ban Kinh tế;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Các đơn vị: Cục QLĐT, Vụ QLQH;
- Lưu: VT, PC (Hàng).



**BỘ TRƯỞNG**

Nguyễn Chí Dũng